

saigon 7/8/69

PHỔ THÔNG

TẠP-CHÍ

GOP PHAN XAY DUNG VAN HOA VIETNAM
PHO BIEN VAN HOA ĐÔNG TÂY KIM CO

Giám-Đốc, Chủ-Bút: NGUYỄN-VỸ

Tòa-soạn: 283 Đường Gia-Long — Saigon — Đ. T. Saigon 307



NĂM THỨ 3 — BỘ MỚI SỐ 48 — 15-12-1960

1.— Nhân một thông cáo của một tòa lãnh sự	Nguyễn-Vỹ	6 — 8
2.— Chút tình tao ngộ	Lãng Nhân, Nguyễn-Vỹ	9
3.— Chiếc áo dài màu xanh	Hoàng Thắng	10 — 12
4.— Hồ Quý Ly, một bậc vĩ nhân	Phan Cao Quang	13 — 19
5.— Hoàng hôn trên cửa Đại (thơ)	Tôn nữ Hoàng Trân	20
6.— Nhân vật Xuân Thu: Tề hoàn Công	Thiếu Sơn	21 — 27
7.— Bệnh dịch giầy (truyện ngoại-quốc)	Eero Tolvanen	28 — 35
8.— Những mối lạ tại cuộc t iễn lâm Anh	Trevor Edwards	36 — 38
9.— Duyên tiền kiếp (thơ)	Hoa Tịnh Linh	39
10.— Văn sĩ thi sĩ tiền chiến	Nguyễn Vỹ	40 — 44
11.— Lược khảo về ngôn-ngữ và văn tự Chàm	Jaya-Pa-Nrang	45 — 49
12.— Con cò mà đi ăn đêm	Lé quốc Bảo	50 — 51
13.— Những người đàn bà lừng danh : Mata Hari	Tân Phong	52 — 58

14.— Hạn chế sinh đẻ	P. T.	59 — 60
15.— Những cuộc tình duyên : Sacha Guitry	Minh-Tâm	61 — 68
16.— Tiếng chuông lòng, Nắng mới chiều thu (thơ)	Ứng Bình, Tôn nữ Hỷ-Khuông	69 — 70
17.— Minh ơi !	Diệu Huyền	71 — 76
18.— Người yêu đầu rồi (chuyện ngắn)	Đặng Phương	77 — 78
19.— Một đời người (hồi ký)	Thiếu Sơn	79 — 82
20.— Cuộc đời của các nhà tỷ-phú	Trọng - Tấu	83 — 86
21.— Tao đàn Phổ-Thông	P. T.	87 — 88
22.— Nhật ký của Anne Frank (chuyện ngoại quốc)	Diệu Huyền	89 — 94
23.— Những áng thơ hay	Bàng-Bá-Lân	95 — 101
24.— Mồ hôi nước mắt (truyện dài)	Nguyễn Vỹ	102 — 110
25.— Nghệ thuật Cờ Tướng	Quốc-Chánh	111 — 114
26.— Giới thiệu sách báo mới	P. T.	115
27.— 4.000 năm ca dao	Hà Văn	116 — 117
28.— Bạn đọc viết	P.T.	118 — 121
29.— Đáp bạn bốn phương	Diệu Huyền	122 — 130

✳ Ngoài những bài ký tên Nguyễn-Vỹ, Diệu-Huyền, Tân-Phong, Ba Tèo, Tạp chí PHỔ THÔNG không chịu trách nhiệm về các bài lai-cáo của các tác giả khác. (Theo thể lệ chung của các tạp-chi quốc-tế).

✳ Bài lai cáo không đăng, không trả lại.

• Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp - chí PHỔ - THÔNG, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ : « Trích Tạp-chi PHỔ-THÔNG, và đừng viết tắt.

• Cấm trích, dịch, phỏng, đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.

• Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.
Copyright by PHO-THONG, printed in Việt-Nam

nhân một thông cáo
của một tòa Lãnh-sự ngoại-quốc

VÃ N-ĐỀ phiên-âm các danh-từ ngoại-quốc là một trong những hình - trạng kém trật - tự và thống-nhất trong Việt-ngữ. Tháng chín vừa rồi, một ban đồng-nghiệp có đưa vấn-đề ra bàn-cãi và một ủy-ban gồm bốn năm ký-giả đã được đề-cử để nghiên-cứu về biện pháp thống-nhất phiên-âm. Tất cả các nhà Báo, nhà Văn, và các Học-giả đều công nhận tính-cách hợp-thời của vấn đề, và ai cũng cảm thấy sự cần-thiết phải có một lối phiên-âm nhất-định, căn-cứ trên một nguyên-tắc nào. Nhiều cuộc tranh-luận sôi-nổi đã diễn ra để xác-định các lập trường.

CHỨNG tôi đã được hân-hạnh trình bày thiển-ý của chúng tôi về vấn-đề này, tại Câu-lạc-bộ Báo-chí, tối hôm 27 tháng 9. Quan-điểm của chúng tôi là không nên phiên-âm các danh-từ ngoại-quốc theo âm-vận Việt-ngữ, mà phải

biên-chép nguyên-văn tiếng ngoại-ngữ, cũng như người ngoại-quốc giữ nguyên-vẹn những danh từ Việt-Nam trong ngôn-ngữ và văn-tự của họ. Thí dụ, chúng tôi đã đề nghị nên áp-dụng đúng những nhân-danh và địa-danh như sau : Eisenhower, Krouichev, Nehru, Nasser... Egypte, Chili, Brésil, Pologne, Hongrie, v.v...

Cũng như người ngoại-quốc, bắt luận Anh, Mỹ, Pháp, hay Nhật, đều viết đúng các danh-từ Sử-Địa của chúng ta, như Hai Bà Trưng, Trần-Hưng-Đạo, Duy-Tân, Hàm-Nghi, v.v...

Chúng tôi vui mừng nhận thấy hầu hết các quý đồng-nghiệp thân mến trong Văn giới và Báo-giới, — cả các đồng-nghiệp ngoại quốc — đều đồng-ý với chúng tôi.

Nguyên-tắc tuy đã được chấp-nhận như thế, nhưng vấn-đề bị bỏ rơi, dần dần không ai nói đến nữa. Ủy-Ban do các anh em đề cử, — chúng tôi không nhớ là mấy người, và những ai — vẫn im-lặng luôn. Nhà Giám-Độc Báo-chí của Bộ Thông-tin và Câu-lạc-bộ Báo-chí cũng làm thính, không nhắc đến. Các báo vẫn mạnh ai phiên-âm theo thích-hứng riêng của mình, gây cảnh trống đánh xuôi, kèn thổi ngược. Người ngoại-quốc đọc báo Việt-nam không biết đằng nào mà rờ.

BỒNG dưng, một tuần lễ sau buổi thuyết-trình của chúng tôi, các báo ở Thủ-đô và các cơ-quan chính-quyền đều nhận được một thông-cáo của Tòa Lãnh-sự Indonesia. Đại-ý thông - cáo ấy yêu - cầu từ nay về sau người Việt - Nam gọi nước của họ hoặc theo Anh - ngữ là INDONESIA, hoặc theo Pháp-ngữ là INDONÉSIE, chứ danh-từ « NAM-DƯƠNG không phải là tên của nước chúng tôi ».

Một vài tờ báo Việt ở Saigon có đăng bản thông-cáo trên, và ngay tiếp theo đó, tất cả các báo, cho đến đài Phát-thanh Quốc-gia cũng đã bỏ danh-từ « Nam-Dương » dùng từ trước, mà áp-dụng danh-từ « Indonésie hoặc « Indonesia », theo lời yêu-cầu của Tòa Lãnh-sự Indonesia.

CHÚNG tôi trộn nghĩ rằng đó không phải là một bài học tốt đẹp cho làng Báo Việt-Nam.

và cho cả người Việt-Nam nữa. TẠI SAO CHÚNG TA KHÔNG TỰ-ĐỘNG bỏ lối phiên-âm cú và sai-lầm theo giọng Tàu, hoặc dùng những danh-từ sai-lầm do người Tàu đặt ra (như Nam-Dương chẳng hạn) ? Tại sao chúng ta đã đặt ra một ủy-ban, bàn cãi tranh luận, để xác-định lối dùng danh từ ngoại-quốc, và đã tìm ra một nguyên-tắc hợp-lý, mà TỰ CHÚNG TA VẪN KHÔNG AP-DỤNG, cứ theo thói quen lăm-lạc, cứ theo vết xe cũ mà đi ? Phải đợi cho đến khi một tòa Lãnh-sự ngoại-quốc phản-đối lối gọi tên sai lầm của nước họ, là « Nam-Dương », chúng ta mới chịu nghe theo họ mà gọi lại cho thích hợp là *Indonesia* !

Về một vấn-đề danh-từ rất nhỏ mọn như thế, mà anh em trong nhà mình không chịu nhất-trí với nhau, để đợi cho người ngoại-quốc lên tiếng, mình mới chịu nghe !

THÔNG - cáo của tòa Lãnh-sự Indonesia chứng tỏ cho chúng ta thấy rằng người

ngoại quốc ở đây rất chú-ý đến các hoạt-động của chúng ta, về mọi phương-diện. Sự thiếu tinh-thần kỹ-luật, thiếu đồng-tâm nhất trí trong việc áp-dụng danh-từ ngoại-quốc trên các báo các sách Việt-Nam, tuy chỉ là một việc rất tầm thường, nhỏ-mọn, nhưng cũng chứng tỏ rằng chúng ta đang sống trong tình trạng hỗn-độn, thiếu trật-tự, kém tổ-chức ngay trong phạm vi Báo-giới. Như vậy làm sao tiến bộ được ? Làm sao đề-cao được Báo-chí Việt-Nam trước mắt Quốc-tế ? Và làm sao được người ngoại-quốc kính nể mình ?



Chút tình tao - ngộ

Vừa rồi, anh bạn LĂNG NHÂN, PHÙNG-TÁT-ĐẮC, tác giả quyển « Trước đèn », và là một kiện-tướng trong làng văn Bắc-Hà thời tiền chiến, có nĩ ý gởi tặng tôi tác-phẩm của anh vừa tái bản, kèm theo một bài Thơ. Sau hai-mươi mấy năm biết tiếng nhau ở Hà-nội, chúng tôi mới gặp nhau lần đầu tiên tại Saigon.

Vậy xin phụng-họa bài Thơ của anh, để tạ lòng anh chiêu-cổ.

N V.

* Thân mến gởi anh Nguyễn Vỹ

GẶP nhau trên giấy tự bao ngày
Mừng mặt bây giờ mới bắt tay
Thanh-nhân những chờ ai đến muộn
Bạch-Nga còn nhớ thuở đương bay
Tắm riêng cùng giữ nguyên Non nước
Đường rẽ khôn quên hẹn gió mây
Bóng ngả về chiều, tình mới tỏ
Tạ lòng, há ngại chẳng thơ hay !

Lăng Nhân

* Cảm tạ Lăng-Nhân tiên - sinh

YÊU Ớn, mến tiếng, đã lâu ngày,
Gặp mặt nay, mừng, tay xiết tay.
Pho sách mỹ-miệu tinh ý đượm,
Vườn thơ ngào-ngạt bướm hương bay.
Nào thương những bạn thời vang bóng,
Phiêu-bạt đám người, kiếp gió mây !
Nắng xế trời Nam đây sắc-hận,
Nước-Non còn lẫn chuyện hay hay !..

Ng. 200

Chiếc áo dài MÀU XANH

* HOÀNG THÁNG

TA Y xách chiếc cặp, Bảo theo giòng người đổ ra cửa ga xe lửa. Các bác tài-xế taxi, cyclo máy, cyclo đạp rít rít mời chào. Thân nhiên lúc đầu, anh rảo bước về phía công trường Diên-Hồng. Ánh đèn màu trên tứ-lầu Hòa-Bình rực sáng. Giọng ca quen thuộc của một nữ ca sĩ chuyên hát những lời ca ngoại quốc đang rộn rập theo tiếng đàn.

Chưa muốn về nhà vội, Bảo theo nức thang bước lên lầu. Anh thích thú khi thấy mình đã lại có mặt ở Saigon. Đáng lẽ anh còn phải ở lại ngoài Nha-trang một hai ngày nữa, nhưng vì công việc được giải quyết mau lẹ nên anh về Saigon sớm hơn thời gian đã định.

Vào giờ này chắc Thoa —

vợ anh — đã dùng cơm rồi và rít có thể nàng đã tới nhà chị Lệ để rủ bạn đi coi hát bóng không chừng.

« Thế nào Thoa cũng mặc chiếc áo màu xanh nước biển chấm hoa trắng để khoe với chị Lệ », Bảo nghĩ thầm.

Nghĩ tới chiếc áo dài mới, khuôn mặt duyên dáng của người vợ trẻ như hiện ra trước mắt anh. Bảo rất yêu vợ, nhân kỷ niệm ngày hai người lấy nhau, anh đã tặng Thoa mấy thước hàng nylon mà anh đã nhờ bạn ở bên Hương-Cảng gửi về để anh làm quà cho vợ.

Khi tháo giày buộc, mở gói giấy ra. Thoa đã reo lên vì sung sướng. Nàng ôm chầm lấy anh, tặng anh một chiếc hôn để tỏ ý cảm ơn rồi rủ tắm hàng

trộm vào người. Màu xanh nước biển lúc ban tối càng làm tăng làn da trắng của người đàn bà trẻ đẹp.

Nàng nhoèn miệng cười với chồng : « Khi nào may xong em sẽ khoe với chị Lệ. Thế nào chị ấy cũng ghen với em cho mà coi. Ở Saigon chưa có tiệm nào bán đâu anh à ».

Uống cạn ly lave, Bảo đứng dậy ra về. Chương trình ca nhạc vẫn còn tiếp diễn nhưng anh không thể ngồi dán lại để nghe thêm được nữa. Anh muốn về để được nhìn thấy nụ cười duyên dáng của Thoa mà anh đã xa cách dù mới chỉ xa có một ngày.

Xe taxi dừng trước cửa nhà. Nhìn ánh đèn nơi cửa sổ, Bảo biết Thoa có nhà. Thấy anh đột ngột trở về chắc nàng ngạc-nhiên lắm.

Lấy chìa khóa riêng mở cửa, Bảo bước lẹ vào trong nhà. Thấy cửa phòng ngủ hơi hé mở anh nhẹ đẩy vào. Anh chắc Thoa đang nằm xem sách nên nàng chỉ thấp có ngọn đèn nhỏ nơi đầu giường.

Nếu Thoa không nhìn thấy anh, anh sẽ bước mau tới, bịt

mắt vợ lại để nàng hoảng hốt một chút chơi.

Nhưng, Bảo đứng dừng lại, mồm há hốc vì kinh ngạc. Mặt anh tái hẳn lại, tay run bần bật.

Nơi chiếc giường ấm cúng, một cặp trai gái đang ôm cứng nhau. Người đàn bà nằm ngoài, chiếc áo màu xanh nước biển như tươi hơn lên trên chiếc « ra » trải giường màu trắng.

Chiếc cặp nơi tay Bảo rớt mạnh xuống đất. Người đàn ông vụt nhồm dậy, lao nhanh ra phía cửa sổ, nhảy ra vườn và biến lẹ vào trong đêm tối. Người đàn bà lồm cồm ngồi dậy, chạy theo, nhảy qua cửa sổ. Nhưng không kịp... Trong lúc hoa mắt vì uất ức bởi vợ phụ bạc, Bảo cúi nhanh nhặt chiếc cặp lên, lấy ra khẩu súng lục 7 ly 65 và nổ nhanh một phát về phía dâm phụ.

Thân hình người đàn-bà đổ xuống như cây chuối bị chém ngang thân. Bảo thần thờ buông rơi khẩu súng giết người. Mồ hôi lấm tấm nổi trên trán. Chẳng chú ý tới xác người đàn bà nằm đó, anh lao đảo bước ra ngoài đường. Ý nghĩ xáo trộn, anh lang thang không chủ đích.

CHIẾC ÁO MÀU XANH

Khi định thân, anh vội thở dài nã nuột : « Thoa ơi, sao em nỡ phụ bạc anh ? »

Bảo nghĩ tới ngày hai người mới yêu nhau. Thoa đã thủ thủ bên tai anh : « Nếu anh không thương yêu em, em sẽ giết anh ».

Giờ đây chính Thoa lừa dối anh, lợi dụng lúc anh đi xa, nàng đã dẫn nhân tình về nhà và cũng ngay trên chiếc giường của vợ chồng anh, nàng đã đón tiếp người tình...

Quay trở lại, Bảo thấy xe Cảnh sát cứu cấp đã đổ nơi cửa. Hai người cảnh binh khiêng chiếc băng ca ra xe. Xác chết nằm im lặng.

Nghĩ tới tội giết người, Bảo rú lên vùng chạy trốn. Anh không để ý tới một người đàn bà đang chạy theo gọi anh. Tới bờ sông, anh dừng bước. Nhìn làn nước cuộn chảy, một ý nghĩ thoáng nhanh trong óc. Thoa đã chết rồi, ta còn sống làm chi nữa ».

Không nghĩ ngợi thêm nữa, Bảo lao nhanh xuống giòng sông, miệng lẩm nhẩm : « Thoa ơi, đợi anh với ! » Thoảng bên tai anh như nghe có tiếng gọi anh.

Tiếng một người đàn bà. Tiếng nói quen quen. Anh nhớ ra rồi. Tiếng gọi của Thoa, của vợ anh.

Bảo nhồi-đầu lên, dù bị sặc nước anh cũng nhìn rõ Thoa, phải chính là Thoa, còn sống đang cuống quít gọi anh.

Bảo không hiểu tại sao Thoa hãy còn sống. Chính tay anh đã bắn chết nàng và hai người cảnh sát đã khiêng xác nàng ra xe rồi. Thế mà bây giờ Thoa hãy còn sống.

Tự nhiên Bảo thấy mình sợ chết. Anh hoảng hốt đập mạnh tay chân, hụp xuống, nhô lên rồi lại hụp xuống. Anh thấy cần phải sống hơn bao giờ hết.

Ngày lúc đó, một người cảnh sát lao mình xuống giòng sông. Nhưng không kịp nữa rồi. Bảo đã chìm sâu dưới làn nước đục.

*

Trong nhà thương, cô em họ Thoa đang hấp hối chết. Khuôn mặt nạn nhân trắng bệch, đôi mắt còn lộ vẻ ngạc nhiên như không hiểu tại sao mình bị bắn. Chiếc áo màu xanh nước biển mà cô đã lợi dụng chị đi ciné, lấy mặc để diện với tình nhân xâm hãm lại vì loang máu.

HOÀNG-THẮNG

HỒ QUÝ LY, một bậc vỹ-nhân

(Tiếp theo P. T. số 47)

★ PHAN CAO QUANG

VIỆC sưu thuế : Hồ-quý-Ly cũng rất sáng suốt trong việc đánh thuế. Thuế má được đánh hết sức công bình. Những thuyền buôn đều chịu thuế cả. Những thuyền hạng nhất phải nộp 5 quan.

Thuế điền thì ngày trước nhà Trần đánh thuế ruộng tư mỗi mẫu ba thăng thóc, ruộng dâu mỗi mẫu 9 quan hoặc 7 quan. Thuế đình thì mỗi người phải đóng 3 quan. Nay nhà Hồ định lại :

Ruộng tư điền thì phải đóng 5 quan còn ruộng dâu thì chia làm 3 hạng : hạng nhất 5 quan,

hạng nhì 4 quan, hạng ba 3 quan.

Thuế đình thì lấy ruộng làm ngạch : ai có hai mẫu 6 sào trở lên phải nộp ba quan, ai có kém số ấy thì được giảm bớt, ai không có ruộng và những người cô nhi quả phụ đều được tha thuế.

Sau khi đã trình bày sơ qua về những việc làm của Hồ-quý-Ly trong thời gian làm quan cho nhà Trần và sau khi lên ngôi Vua, chúng ta hãy xác định lại một lần cuối rằng Hồ-quý-Ly có xứng đáng được gọi là một vị anh hùng, một nhà Duy-tân của Việt-Nam vào thế-kỷ

XIV không?

Xét những công việc trên đây, ta thấy rằng chưa có một vị Vua nào trong lịch sử Việt-Nam đã thực hiện được những công việc mới mẻ, đã đem lại cảnh thịnh vượng cho nước nhà.

(Chỉ trừ Quang Trung hoàng đế, nhưng tiếc rằng sự nghiệp phải bỏ dở vì cái chết bất ngờ).

Ta thường nói rằng: những người xưa đều là những kẻ cố chấp cả. Nhưng nói như vậy chưa hẳn là đúng.

Một kẻ như Hồ-quý-Ly sống vào một xã hội mục nát, xung quanh toàn là những chuyện bí đĩ, mà một mình nghĩ đến những điều cải cách táo bạo trên đây, thì danh hiệu nhà « Duy Tân » đem gán cho Hồ - quý - Ly, ta không thấy hổ thẹn chút nào. Một người có tâm huyết, biết lo đến vận mạng của tiền đồ xứ sở mới nghĩ đến những việc đó.

Bảo rằng Hồ - quý - Ly thực hiện những cuộc cải cách đó để củng-cố địa vị thì thật quá oan cho anh linh của Hồ-quý-Ly. Quý-Ly đã làm việc cho nước giàu dân mạnh chớ không mấy may nào vị lợi.

Quý-Ly đã xuất thân trong một gia đình tầm thường nên Quý Ly hết sức nghĩ đến dân chúng và muốn biến cuộc sống đó phải sát với dân chúng.

Quý Ly đã nhắm đúng vào những hạng người nào đáng đánh thuế thì đánh, còn những người nghèo khó cùng cực thì miễn cho.

Hồ - quý - Ly đã muốn biến những người vô sản thành hữu sản.

Việc định rằng mỗi người dân chỉ có quyền làm chủ 10 mẫu ruộng, còn bao nhiêu giao cho chính quyền để phân phát cho dân nghèo, Quý - Ly đã muốn tránh sự giàu nghèo quá chênh lệch trong dân chúng, vì việc này tồn tại khó mà thực hiện sự đoàn kết toàn dân. Ngoài ra Quý-Ly cũng biết rằng châu thổ Hồng-Hà hẹp, số ruộng đất không đủ cung cấp theo nhu cầu sinh sản của nhân dân, nên đã nghĩ đến việc di dân.

Quý-Ly đã khuyến khích và bắt buộc những người không có ruộng đất ở các lộ khác đem vợ con vào khai khẩn những miền như Chiêm Động (phủ

Thăng Bình tỉnh Quảng-Nam) đất Cổ Luy (Quảng - Ngãi) vì những vùng đất này sau khi vua Chiêm Thành nhường cho Quý Ly, người Chiêm Thành đều bỏ đất đi cả.

Đi đôi với việc trên đây, Quý Ly cũng đã nghĩ rằng một quốc gia, được gọi là độc lập, không những chỉ độc - lập về chính trị, tài chính, kinh tế mà còn phải độc lập cả văn hóa.

Làm như vậy chắc Quý - Ly cũng đã nghiên ngẫm rất kỹ lời nói bất hủ sau đây của Trần-thủ-Độ « Nước Việt-Nam ta muốn được độc lập lâu bền tất không những phải thoát ách nô lệ vật chất của người Tàu mà còn phải cố phá bỏ cái Cùm-xích nô lệ tinh thần của họ nữa ».

Nên Quý Ly đã khuyến khích một nền văn hóa quốc gia và đặt ra một chế độ khoa cử rất tiến bộ. Không phải như những hạng người hô hào người khác làm việc để rồi mình rút cổ. Quý Ly buộc người ta học chữ nôm thì chính Quý-Ly cũng đã làm

giương cho kẻ khác bằng cách làm thơ phú chữ nôm hay quốc ngữ và dịch những sách chữ Hán có giá trị ra quốc ngữ (xin xem lại mục văn học).

Sau văn-học, võ bị có thể nói rằng rất thịnh dưới triều Hồ.

Những chiến thuyền làm ra dưới đời Hồ - quý - Ly so với những chiến thuyền của các nước Âu - châu thời đó cũng không kém mấy. Hàng trăm năm về sau chưa có một Triều đại nào nghĩ đến việc đóng những chiến thuyền tương tự (chỉ trừ về thời Quang-Trung có ý định nhưng chưa thực hiện kịp).

Với những công việc như vậy sao Hồ-quý-Ly đã thất bại? Không được lòng dân ủng hộ?

Đây cũng là một vấn đề khá phức tạp cho chúng ta? Chúng ta biết rằng những người sống vào thời đó (xin nói là những kẻ cố chấp) đều cho rằng Hồ-quý Ly là một tên gian hùng đã chiếm ngôi Vua nhà Trần, đã giết hại bao nhiêu kẻ không theo về với mình.

Mà về điểm này, ta không nên

trách Hồ - quý - Ly, nếu không gian hùng thì không thể nào là anh hùng được. Anh hùng thường đi đôi với gian hùng và đôi khi cả độc tài.

Sự kiện này ta có thể nói là một định luật chung và tuyệt đối cho cả Đông Tây.

Vương Mạng muốn cải tổ xã hội đã giết hại một số người không tán thành những việc cải cách của mình.

Robespierre mà ngày nay ta xem như một vị Anh hùng trong cuộc Cách mạng 1789 tại Pháp. Dưới thời Quốc Ước Hội nghị, Robespierre đã ra tay sát hại rất nhiều người, nhưng đã cứu vãn được tình hình nguy ngập của nước Pháp thời bấy giờ.

Bismack được xem là vị Anh hùng có công lớn trong việc thống nhất nước Đức, đã phải dùng đến « Sắt và Máu ». Chính Bismack đã nói :

« Những bài diễn văn tràng giang đại hải, những cuộc hội nghị, không thống nhất được nước Đức, tất cả điều đó là những trò hề, chỉ có Sắt và Máu chính là yếu tố để đi đến thành công. »

Quý-Ly cũng biết làm như vậy là có phần nào trái với đường lối của nho giáo, nhưng hình như Quý-Ly cũng chỉ mong rằng (cứu cánh sẽ biện minh cho đường lối) (La fin Justifie les moyens).

Còn như có một số người nói: nếu Hồ-quý-Ly thật bụng cải tổ xã hội thì phải giúp nhà Trần.

Chính sử gia Trần-trọng-Kim đã viết : « xem công việc của Hồ-quý-Ly làm thì không phải là một người tầm thường, nhưng tiếc thay một người có tài kinh tế như thế mà giả sử cứ giúp nhà Trần cho thủy chung, thì dẫu giặc Minh có thể mạnh đến đâu nữa cũng chưa hầu dễ đã cướp được nước Nam, mà mình lại được cái tiếng thơm để lại nghìn thu. Nhưng cái lòng tham xui khiến, hễ đã có thể lực là sinh ra bụng muốn tranh quyền cướp nước... »

(Trần-trọng-Kim, Việt-Nam sử lược, trang 189-190.)

Về điểm này tôi thấy rằng sử gia Trần-trọng-Kim phê bình có phần nào chủ quan, thiên về nhà Trần nhiều hơn (cũng có một lý do là Trần-trọng-Kim tiên sinh sống về thời đại quân

chủ triều Nguyễn đang còn tái vị, không dám ngang nhiên ca ngợi Hồ-quý-Ly...)

Nếu bình tâm một chút và ý thức được nhiệm vụ đúng đắn của một sử gia chắc Trần-trọng-Kim đã viết khác.

Tiên sinh đã quên rằng. « Một nhà sử học giá trị là một nhà sử học không thuộc về thời đại nào và xứ sở nào ». Xin thử hỏi những vị Vua triều Trần mà Hồ - quý - Ly phò tá có xứng đáng là những con cháu của những bậc Anh quân Trần-nhân-Tôn, Trần - hưng - Đạo không ? Hoàn toàn không, các vị vua đó rất tầm thường, vô đạo, không đáng cho chúng ta kính trọng.

Một vị vua muốn được dân chúng cũng như quần thần, kính nể và trung thành là chính mình phải nghĩ đến hạnh phúc của trăm họ.

Còn như những vị vua bất tài chỉ biết ngồi trên ngai vàng với bao nhiêu sự thông khổ của nhân dân, đợi gì chúng ta không đập đổ đi. Vì : « tài giả bồi chi, khuyng giả phúc chi. »

Về phương diện này luân lý của nho giáo không đến nỗi quá

chấp.

Ông Thang đã đuổi Kiệt ra Nam Sào, ông Võ - Vương đã giết Trụ mà lên ngôi thiên tử song vẫn được sử sách công nhận là hợp với lòng trời.

Xem như vậy, Hồ-quý-Ly cũng đã theo đúng đường lối của nho giáo chân chính, nên việc Hồ-quý-Ly dút nhà Trần mà lên ngôi Vua là rất hợp với lẽ phải, các người đương thời là những kẻ cố chấp, có thể nói là dốt nát, không biết gì về những biến chuyển của thời sự, chính họ là những người tự phụ đã ý thức được tinh hoa của nho giáo nhưng sự thật, họ là người ngu dốt, không biết gì đến lẽ kinh quyền, không thấy đâu là đường hay lẽ phải.

Họ đã không nhìn nhận Hồ-quý-Ly là một nhà ái-quốc chân chính, lại còn xem Hồ-quý-Ly là một tên tiếm nghịch, công lao của Hồ-quý-Ly rất nhiều. Đối với tổ quốc Hồ-quý-Ly không có tội gì, Hồ quý Ly đâu có « Công răn cản gà nhà », như tên phản quốc Trần-thiên-Bình. Trần-thiên-Bình không biết nhục khi vác mặt sang tận Yên kinh (Bắc kinh) lạy lụy với vua Minh xin đem quân sang đánh

nhà Hồ, dân chúng dưới thời đó đã quá mê muội theo phò một triều đại mục nát, không nhìn nhận việc làm chân chính của Hồ-quý-Ly.

Họ đã ngang nhiên phản bội tổ quốc, nhưng ai đã theo phò Trần-thiên-Bình và quân Minh là những tên bán nước, tội của họ ngàn năm lịch sử vẫn không quên lên án. Công nghiệp của Hồ quý Ly rồi đây sẽ được những sử gia chân chính nhìn nhận. Với những sự kiện đó tôi thấy rằng không nhắc nhở đến Hồ quý Ly là tự mình phủ nhận những điều hay lẽ phải, không biết kiêu hãnh về những công việc của tổ tiên chúng ta. Theo thiện ý của tôi, ngày nay tên tuổi Hồ-quý-Ly phải được mãi mãi nhắc nhở đến.

Hồ quý Ly không có tội gì cả, Hồ quý Ly không « công rấn cán gà nhà » như những tên bán nước Trần thiên Bình, Lê chiêu - Thống, Nguyễn - Anh. Công nghiệp của Hồ-quý-Ly nói mãi chưa chắc đã hết.

Nhưng than ôi ! tên tuổi Hồ-quý-Ly ngày nay, không được ai nhắc nhở đến. Kẻ viết bài này tha thiết yêu cầu chính

phủ Việt-Nam Cộng-Hòa nên lấy tên Hồ-quý-Ly đặt cho một con đường lớn nào ở đô thành Saigon và một ở các tỉnh, và cũng xin chính phủ nên lấy tên Hồ-quý-Ly để thay thế tên trường nữ trung học Gia-long (Saigon) hay trường nữ trung học Đồng-Khánh Huế (có một lý do mà tôi sẽ đề cập sau...)

Làm như vậy, tỏ ra chúng ta luôn luôn biết ơn Hồ quý Ly dấu Hồ quý Ly đã mất, nhưng chúng ta vẫn còn mãi mãi quý mến một vị Anh hùng, một nhà Duy Tân của dân tộc. Một đường và một trường học lớn ở Thủ Đô Việt-Nam Cộng-Hòa mang tên Hồ-quý-Ly sẽ là ý nghĩa rất sâu xa. Mong rằng lời nói của kẻ viết bài này sẽ không rơi vào sa mạc.

Viết đến đây, tôi thấy rằng người đời sao quá phũ phàng, thờ ơ với Hồ-quý-Ly, làm việc cho xã hội, để rồi bị xã hội quên lãng, nắm xương tàn của Hồ-quý-Ly, lại phải phiêu bạt nơi đất khách quê người, trên nắm mồ của Quý-Ly không được ai cắm lên một nén nhang để cho Anh-linh của họ Hồ khỏi tủi thẹn. Trái lại nắm xương của tên bán nước Lê-chiêu-Thống

lại được những người ngu ngốc rước về thờ. Đời thật quá đen bạc. Họ chỉ đem thành bại để luận Anh hùng.

Để kết luận, tôi có thể nói rằng hai chữ « Anh hùng » đem gọi Hồ-quý-Ly không sai lạc gì cả.

Tên Hồ-quý-Ly phải được sắp ngang hàng với Lý-thường-Kiệt, Trần-hưng-Đạo, Lê-Lợi, Quang - Trung, Phan - đình - Phùng, v.v... Về đôi điểm Hồ-

quý-Ly còn vượt xa hơn những người đó nữa.

Nếu chúng ta phủ nhận rằng Hồ-quý-Ly không phải là Anh hùng tức là chúng ta đã bước lùi, không xứng đáng với danh hiệu « những người tiên bộ của thời đại mới ».

Một lần nữa, kẻ viết bài này xin đốt nén nhang lòng để thành kính tưởng niệm đến Anh linh Hồ quý Ly, vị anh hùng dân-tộc bị bỏ quên trong gần sáu thế kỷ.



* CON TÔM THẮNG TRẬN

Một hôm, nhà đạo-diễn trú danh Sacha Guitry vào một tiệm ăn. Bồi dọn lên một con tôm hùm to-trông nhưng thiếu mất một cái càn. Sacha Guitry gọi người chủ tiệm, hỏi mĩa mai :

— Thế ra thời buổi nguyên-tử, tôm chỉ còn có một càn, phải không ?

Chủ tiệm cắt nghĩa :

— Thưa ông, tôi biết là thời-buổi nào tôm cũng có hai càn. Nhưng đôi khi hai con tôm đánh lộn nhau, rồi một con bại trận gây mất một càn. Như con này chẳng hạn. Chúng tôi biết vậy nhưng đành chịu.

Sacha Guitry liền hát đĩa, và bảo :

— Thế thì anh đem con bại trận này đi, và dọn cho tôi con thắng trận tôi thích hơn.

B. T.

Hoàng hôn trên Cửa Đại (1)

Biên lục chìm vang tiếng sóng gầm,
Non lam đồng vọng hợp thanh âm,
Chân mây hồng ửng màu kim-tuyến,
Thoảng gió hòa ngân khúc nhạc trầm.

Cát bãi xô xao dáng thị thành...
Về đâu hải điều vượt thiên thanh ?
Gần, xa, dăm cánh buồm trắng trắng...
Sóng tuyết-nhung viền thảm nước xanh.

Hồng phai, vàng nhạc, úng huyền lam
Mộng tím không-gian thăm sắc chàm ;
Mặt biển nghiêm sâu xao-xuyến động,
Cảm... tình cô-lữ vọng xa-xăm...

Cỏ sắc nghiêng đầu tiễn gió qua...
Cồn lan rau dại tím màu hoa...
Người buồn mãi ngắm chiều cô-tịch...
Trước núi đèn ai bỗng lập-loà ?

Nước thăm màu in đậm bóng thuyền,
Áo mờ mây khói giữa vòm đen...
Giật mình quay lại, hồn ngo-ngác...
— Tròn dáng trắng lành chợt sáng lên.

Cảnh gọi u-hoài, ngược mắt trông,
Lửa thừa sao lạnh, nảo trắng trong !
Thiên thu viễn-vọng.. sâu... du khách ;
— Nhất phiến tài hoa : hận má-hồng !

Tôn nữ HOÀNG - TRẦN

(1) Cửa Đại (Hội-an)

Nhân vật Xuân Thu

★

QUẢN-TRỌNG • BẢO-THỨC TỀ - HOÀN - CÔNG

(Tiếp theo P.T. số 47)

★ THIẾU - SƠN

III TỀ-HOÀN-CÔNG

Đ Ờ I Xuân-thu có Ngũ-bá. Vị bá-chủ đầu tiên và cũng là người danh - vọng hơn hết là Tề - hoàn-Công.

Cũng như tất cả mọi người, ông có ưu - điểm và cũng có những khuyết-diểm. Nhưng bởi ông là một ông vua nên những ưu, khuyết của ông biểu-lộ một cách quá rõ-ràng và có ảnh - hưởng lớn - lao vô kể.

Trước hết ta phải nhìn - nhận ông là người thông-minh. Khi còn là Công - tử Tiều - Bạch về tranh

ngôi với người anh cùng cha khác mẹ là công-tử Cũ, ông bị Quản-Trọng bắn một mũi tên liền cắn đầu lưỡi cho máu trào ra và nằm chết già. Quản-Trọng tưởng ông chết thật nên không bắn bởi cho ông một phát nữa. Thế là ông đã gạt được Quản-Trọng để thoát nguy và tranh-đoạt được ngai vàng với người anh không may - mắn là Công-Tử Cũ.

Nhưng khi đã thành-công, ông không ngần-ngại để cho Bảo-Thức ép vua Lỗ phải giết công-tử Cũ và giao xác lại cho ông. Ta cũng không nên trách ông đã quá nhẫn-tâm mà đoạn tình huyết-mạch vì hầu hết vua chúa ở thời Phong-kiến đều coi ngai vàng trọng hơn huyết-mạch. Chẳng những anh em

giết nhau mà cha con cũng giết hại lẫn nhau là thường. Nhưng khi thấy xác người anh được đem về mà ông vẫn không mấy may xúc-dộng thì thật là quá đáng, dục-vọng đã hủy-diệt tất cả nhân tính ở người ông.

Ông nghe lời Bảo-Thúc mà tha tội cho Quán-Trọng không phải là một sự khoan-hòag mà là do sự thúc đẩy của dục-vọng. Phần tin-tưởng ở lời nói của Bảo-Thúc là một công-thần, phần trông mong Quán-Trọng sẽ đem tài kinh-bang tế-thể mà giúp cho ông củng-cố ngai vàng và làm nên nghiệp-bá-nên ông mới tạm quên thù xưa mà tiếp-tục với kẻ thù hôm trước. Sau ba ngày ba đêm đàm luận, Hoàn-Công đã thấy rõ cái tài-trí của Quán-Trọng ông mới thật-sự tin-dùng. Phải có chí lớn mới cần tới người tài cao nhưng cũng phải có thông-minh mới đo lường được hết cái giá-trị của bậc hiền-tài. Một ông vua tầm thường nhưt định không thể dùng được Quán-Trọng và dầu có dùng đi nữa cũng không dám để cho người ta được thi-thố hết tài-trí của mình.

Hoàn-Công quên hẳn được thù xưa, phong cho Quán-Trọng làm tướng-quốc, tôn lên làm trọng-phụ

và truyền cho bá-quan những lời này : « Hễ có việc chi lớn thì phải thưa trước với Trọng-phụ rồi sau sẽ đến ta, còn phê-phú việc chi hết thảy đều giao cho Trọng-phụ quyết đoán. » Hoàn-Công còn cấm người trong nước không được nói phạm tới hai chữ Di-Ngô, bất kỳ quan dân đều gọi Quán-di-Ngô là Quán-Trọng mà thôi vì tên Trọng là tên chữ, còn Di-Ngô là tên tộc.

Cũng như nhiều ông vua khác, Hoàn-Công là người ham mê sắc-dục, ham săn bắn và thích được sự bưng bọ của tiều-nhân.

Ông có ba tên nịnh thần là Thụ-Điều, Dịch-Nha và công-tử Khai-Phương người nước Vệ.

Thụ-Điều đã tự thiên mình đề xin vào làm hoạn-quan ở hậu-cung đặng túc-trực bên vua. Hoàn-Công cho đó là một sự hy sinh và tin yêu lắm.

Dịch-Nha có tài đánh xe và săn bắn rất hay. Y còn có tài nấu ăn khéo. Thụ-Điều tiến cử với Hoàn-Công. Ông cho đòi Dịch-Nha tới mà hỏi : « Người phải là người nấu ăn khéo hay chăng? » Nó đáp : « Phải ». Ông liền nói diếu rằng : « Những thịt điều-thú, trùng ngư ta đều có nếm rồi,

dầu có thịt người ta chưa biết ngon dở thế nào ». Dịch-Nha lui ra, đến bữa cơm trưa thì dâng cho Hoàn-Công một mâm thịt chung. Thịt ấy mềm như thịt dê eòn bú, ăn ngon hết sức. Hoàn-Công ăn ròn thịt ấy cho đến no. Ăn rồi mới hỏi Dịch-Nha rằng : « Thịt gì mà ngon vậy? » Dịch-Nha quì tâu : « Ấy là thịt người đó ». Hoàn-Công thất kinh mà hỏi : « Ở đâu mà có vậy? » Dịch-Nha nói : « Đức con trai đầu lòng của tôi mới có ba tuổi. Tôi nghe người xưa nói rằng : Hễ tận-trung với chúa thì không kè đến đạo nhà. Chúa-Công nói chưa được ăn thịt người, cho nên tôi phải giết con tôi mà nấu cho chúa-công ăn. »

Từ đó Hoàn-Công cho rằng Dịch-Nha có lòng thương mình mà cũng tin-cậy như Thụ-Điều.

Còn Khai-Phương là con vua nước Vệ, thấy nước Tề cường-thịnh nên bỏ cả địa-vị của mình ở nước nhà mà qua phục-vụ Hoàn-Công. Hoàn-Công cũng cho là Khai-Phương thương ông nên săn lòng thân-dụng.

Bộ ba nói trên, thứ nhất là Thụ-Điều và Dịch-Nha đều có lòng kỳ Quán-Trọng. Chừng thấy Hoàn-Công tin yêu mình thì toa tập với nhau mà tâu rằng : « Thuở

nay hễ chúa ra hiệu-lệnh thì tôi phải vâng theo. Nay chúa-công mỗi việc đều phú cho Trọng-Phụ, như vậy e thiên-hạ nghi rằng nước Tề không vua. » Hoàn-Công cười mà nói : « Ta cùng Trọng-phụ cũng như trong mình con người có tay chun vậy. Hễ có tay chun thì mình mới cựa quậy đặng. Có Trọng-Phụ thì ta mới làm chúa nước Tề đặng. Bọn người tiều-nhân biết gì mà nói leo. »

Trên đường viễn-chinh phạt Tống, Quán-Trọng đi trước, Tề-Hoàn-Công kéo đại quân đi sau. Quán-Trọng gặp một người cao-sĩ đội lốt nông phu tên là Nịnh-Thích. Quán-Trọng kết-nạp được Nịnh-Thích, viết thơ giới-thiệu gọi Nịnh-Thích trao lại cho Tề-Hoàn-Công. Nịnh-Thích nói khích đã đòi cho tới khi Hoàn-Công chịu phục mà thân-dụng rồi mới chịu đưa thơ giới-thiệu ra. Hoàn-Công nói : « Người đã có thơ của Trọng-Phụ, sao khi ban đầu không trao cho ta xem? » Nịnh-Thích nói : « Tôi nghe chúa hiền lựa người mà dùng, tôi liền chọn người mà giúp. Nếu chúa công ghét lời ngay, ưa lời nịnh, lấy lòng giận mà ở với tôi thì thà tôi chịu thác, chớ không chịu trao thơ của Trọng-Phụ làm

chỉ ». Hoàn-Công cả mừng khiến Nịnh-Thích ngồi xe sau mà theo mình. Chiều hôm đó đóng trại nghỉ quân ông khiến đem áo mào và đốt đuốc đề phong chức Đại Phu cho Nịnh-Thích, truyền phải hiệp với Quán-Trọng mà giữ việc quốc-chánh. Thấy vậy Thụ-Điều liền tâu rằng : « Nịnh-Thích người nước Vệ. Mà nước Vệ cách Tề chẳng bao xa, sao chúa-công không cho người qua Vệ mà hỏi thăm cho rõ rồi sẽ phong quan thì cũng chẳng muộn gì ? » Hoàn-Công liền nói : « Hễ muốn dùng người thì chẳng nên câu chấp về việc lỗi nhỏ. Nếu sai người qua Vệ mà hỏi, e khi hỏi ra lỗi nhỏ của ta, ta có lòng thẹn thì ta phong quan cũng không lấy chi làm vinh, còn như bỏ đi mà không phong thì lại uổng lắm.» Thật là những lời vàng ngọc đáng ghi lại cho các vị vua chúa và các nhà lãnh-đạo quốc-gia của muôn đời. Tề-hoàn-Công trong trường hợp nói trên đã tỏ ra sáng suốt và khoan-đại trong thuật dùng người. Quả-nhiên Nịnh-Thích sẽ đóng góp một cách xứng đáng vào công việc xây dựng bá - nghiệp của Hoàn-Công.

☞ Nhờ những đức tánh nói trên

mà Tề-hoàn-Công đã quy tụ được nhân tài ở khắp nơi trong thiên hạ đề cùng với Quán-Trọng làm cho nước Tề càng ngày càng cường-thịnh, được Thiên Tử nhà Châu nể vì và các nước chư hầu kính sợ.

Hồi đó, cách đây trên 2.700 năm, người ta còn nặng lòng mê-tín nên những chuyện quỷ thần cố-nhiên vẫn được người ta nói đến. Một hôm Tề-Hoàn-Công thấy một con quỷ mà sanh bệnh. Ông hỏi Quán-Trọng mà không tả hình dạng con quỷ ra sao. Từ trước đến nay không lần nào Hoàn-Công hỏi mà Quán-Trọng bí vì ông là người quảng - kiến đa văn. Nhưng lần này ông bí. Ông liền treo bảng nơi cửa rằng : « Nếu có ai biết dạng hình trạng con quỷ mà chúa công đã thấy trong lúc đi săn hôm qua thì ta chia đất phong của ta cho một phần ».

Ngày hôm sau có người mặc áo rách, đội nón rách đến xin ra mắt Quán-Trọng xưng tên là Hoàng-Tử và yêu-cầu cho gặp Tề-Hoàn-Công để nói tên con quỷ. Anh ta đưa ra một lỗ quỷ, tả hình dạng từng con. Tới hình dạng con quỷ xà thì đúng ngay là con quỷ mà nhà vua đã gặp. Anh ta còn nói thêm rằng : « Không phải là

ai cũng có thể thấy nó được đâu. Phải là người làm nên nghiệp bá thì mới thấy nó dạng ». Hoàn-Công tức thời hết bệnh, cười lớn mà nói rằng : « Hay dữ, quả y hình-trạng của ta đã thấy ». Nhà vua muốn phong quan cho Hoàng-tử thì anh ta từ chối. Nhà vua trọng-thưởng anh ta và còn thưởng luôn cho Quán-Trọng nữa. Thụ-Điều tâu : « Trọng-Phụ nói hình quỷ không dạng sao chúa-công lại thưởng cho ông ». Hoàn-Công trả lời : « Đời xưa có nói : « Lấy một mình thì tối, lấy trí người thì sáng. Nếu không có Trọng-Phụ thì ta cũng không nghe dạng lời nói của Hoàng-Tử ».



« Lấy một mình thì tối, lấy trí người thì sáng ». Đó là lời nói bất hủ của một vị anh quân. Chẳng những Tề-hoàn-Công đã nhờ trí của Quán-Trọng mà sáng. Nhưng chính Quán-Trọng cũng phải lấy trí của nhiều người mới làm nên bá nghiệp cho Hoàn-Công.

Nhưng con người sau khi đã thỏa mãn thường hay mắc bệnh cầu an, hưởng chi một ông vua ham mê tửu sắc như Hoàn-Công lại càng dễ sa-ngã. Xác thật ông bị

chỉ phối bởi nhưng lựa càng ngày càng trở nên biếng nhác, tâm hồn cũng suy nhược theo liền, lại bị tiêu nhân che tai, bít mắt nên càng về già càng thêm mù-quáng tối tăm như hầu hết các vua chúa của thời phong kiến.

Quán-Trọng thấy rõ chỗ đó nên trước khi chết đã trở lại với Hoàn - Công bảo ông phải đuổi bộ ba Thụ-Điều, Dịch-Nha và Khai-Phương. Hoàn - Công nói : « Dịch-Nha nó nấu thịt con nó cho ta ăn, vậy nó thương ta hơn thương con nó, mà còn nghi nỗi gì ? » Quán - Trọng đáp : « Nhơn tình thương gì hơn thương con mà nó nỡ giết hưởng chi là chúa-công ». Hoàn-Công nói : « Thụ-Điều nó hiến dái mà thờ ta, ấy là nó thương ta hơn thân nó, sao lại chẳng dùng ? » Quán-Trọng đáp : « Nhơn-tình tiếc chi bằng tiếc thân, thân nó, nó không tiếc hưởng là thân chúa ? » Hoàn-Công nói : « Khai-Phương bỏ chức ngàn cỗ xe công tử ở nước Vệ qua ở làm tôi với ta, đến đổi cha mẹ chết không về đề tang là mến ta hơn mến cha mẹ, thiệt không còn nghi chi nữa ». Quán - Trọng đáp : « Nhơn tình gần ai hơn gần cha mẹ mà nó còn nỡ vậy thay,

huống chi là chúa. Phàm đặng phong ngàn cỗ xe, ai mà không muốn. Nhưng nó bỏ ngàn cỗ xe mà đến với Chúa-công là nó muốn nhiều hơn ngàn cỗ xe nữa kia chớ. Xin chúa công chớ nên gần bọn đó, gần bọn đó ắt nước sẽ có loạn.» Hoàn-Công còn nói: « Ba người ấy thờ ta lâu lắm, sao ngày thường Trọng - Phụ chẳng thấy nói một lời.» Quản-Trọng thưa: « Tôi mà không nói là vì chúng nó là những người ưa thích của chúa-công. Và lại chúng nó là nước mà tôi là bờ đê chẳng cho nước tràn. Nay bờ đê lở rồi sẽ có lo nước lụt, xin chúa - công phải ngừa trước.»

Quản-Trọng chết rồi mà Hoàn-Công cũng chưa nở đuổi liền ba thằng nịnh. Sau bị Bào-Thúc đem lời trối của Quản-Trọng mà bức-bách nên Hoàn-Công phải ép lòng đuổi chúng đi. Nhưng chúng đi rồi thì ông lại nhớ nhung, thương tiếc, ăn ngủ không được và chẳng bao lâu lại phải gọi chúng về. Ông vẫn không quên Quản-Trọng, vẫn trọng-đãi công-thần, nhưng ông đã về già, ông không cần dùng tới những người đánh Đông dẹp Bắc để giữ vững và mở-mang đất nước cho ông nữa. Ông chỉ cần người biết chiều ý ông, biết cung-

cấp những thú-vui vật-chất, biết thoả-mãn những bản-năng thấp-hèn của một người chỉ còn biết hưởng-lạc và cầu-an. Nhưng một khi cái khí-phách ngang-tàng đã rời bỏ một ông vua lão-nhược thì ba thằng nịnh cũng đã bắt đầu muốn phản. Hoàn-Công có 6 người con khác mẹ. Nghe lời Quản-Trọng ông đã lập người thứ 3 là Công-Tử Chiêu làm Thế-Tử vì là người hiền hơn hết. Ông lại gọi gả Thế-Tử Chiêu cho vua Tống sợ sau khi ông chết sẽ có sự tranh-đoạt giữa các con. Nhưng ông chưa chết mà bọn gian thần đã âm mưu gây rối. Thụ-Điều, Dịch-Nha ủng hộ người con lớn là Công-Tử Vô - Khuy. Khai-Phượng ủng hộ người thứ 5 là Công-Tử Phan. Khi Hoàn-Công mắc bệnh nằm vùi là chúng bắt đầu hoạt động.

Dịch-Nha, Thụ-Điều giả lệnh vua truyền cho quần thần cùng con cháu không ai được vào thăm vì vua ghét tiếng người và muốn được an tịnh. Chỉ có Thụ-Điều được phép giữ cung và Dịch-Nha giữ việc canh tuần và lo toan việc nước. Các quan muốn phúc tấu điều gì thì hãy chờ khi vua mạnh. Ngoài ra chúng còn cho đắp một bức tường cao ba trượng

ở nhà tắm thất đề ngăn cách sự giao thông với bên ngoài. Chúng chỉ chừa một lỗ như lỗ chó chun đề sớm tối sai nội thị chun vô coi xem nhà vua đã chết hay còn sống. Vua thoi-thóp nằm chờ chết, không một người phục-dịch, không thuốc men, không cơm cháo. Một cung-nữ, nàng Yến-Nga-Nhi, leo tường vào thăm vua và quyết chết theo vua. Vua xin một miếng cháo nhưng nàng ở trong tình thế không thể nào kiếm cháo cho vua ăn được. Nhờ nàng mà vua biết rõ những gì đã xảy ra, biết rõ âm-mưu của bọn gian thần mà ông đã tin dùng một cách mù quáng. Ông than rằng: « Trọng-phụ thiệt là thánh nên thấy xa lắm. Ta không nghe lời nên nay mới ra nông nỗi như vậy.» Ông vỗ ngực kêu trời mà nói: « Tiều Bạch phải chịu chết như thế này sao? » Máu trào ra họng mà ông cũng còn than: « Ta chết như vậy, mặt mũi nào dám thấy Trọng Phụ nơi chín suối ». Ông lấy áo dầy mặt, than vài tiếng nữa rồi tắt hơi. Ông ở ngôi 43 năm và sống được 73 tuổi. Yến-nga-Nhi khóc rống, cởi áo đắp thân cho Hoàn-Công, kê vai vác hai cánh cửa dầy xác vua, ý giả như chôn.

Nàng cúi lạy vua rồi đập đầu tự tử. Bọn gian thần hay tin vua chết còn chưa chịu phát tang. Chúng còn để cho vua nằm đó thêm 67 ngày nữa để chúng đánh nhau, giết nhau đặng giành dật chiếc ngai vàng, làm náo loạn cả Triều đình và làm cho Tề-quốc suy-bại, bá-nghiệp đã tan-tành mà nước non còn nghiêng-ngửa. Khi được tầm-liệm thì xương thịt nhà vua đã rã rời và giòu bọt ra hung-nhức.

Sự-nghiệp của Hoàn - Công hiển-hách bao nhiêu thì cái chết của Hoàn-Công cũng bi thảm bấy nhiêu.

Đúng như lời Quản-Trọng đã nói, những kẻ đã dám giết con, dám hoại thân, dám từ bỏ cha mẹ để mua lấy sự tin-dùng của một người thì những kẻ đó cũng dám giết người ấy, hoại người ấy, từ bỏ người ấy một cách dễ dàng.

Tề-hoàn-Công đã làm vật hy sinh để chứng minh lời nói đó. Nhưng sau ông đã có mấy kẻ vua chúa biết lãnh hội được bài học của ông?

THIẾU-SON



BINH DỊCH GIẤY

★ EERO TOLVANEN
VŨ-MINH-THIỆU dịch

Mấy lời của dịch giả.— Có người nói sau cơn gao, giấy giữ vai trò quan trọng thế nhĩ, tưởng cũng không phải là quá đáng. Có ăn, tất phải có đọc để nuôi dưỡng tinh thần.

Nhà văn Phần-Lan, Eero Tolvanen tưởng tượng viết truyện ngắn sau đây, — truyện của ông đã được liệt vào số 54 truyện ngắn hay nhất trên thế giới trong các năm 1954-1955. Ngày trước, ngày sau, bỗng một tai họa xảy ra, biến hết cả các giấy tờ thành tro bụi và cảnh hỗn loạn trên khắp thế giới diễn ngay ra sau đó : các công tư sở đóng cửa, các trường học im lìm, các chính phủ bị tê liệt vì thiếu giấy. Phần-Lan là một nước sản xuất giấy vào bậc nhất nhì trên thế giới, nên chuyện này xảy ra đầu tiên ở xứ sở này thật bao hàm cả một ý nghĩa sắc sảo và châm biếm. Ta còn nhớ đất Phần-Lan nhỏ bé này trong thời thế chiến thứ hai đã oanh liệt chiến đấu chống Nga-cộng và là quê hương của nhà đại văn hào Frans Emil Sillanpaa, tác giả các cuốn *Sainte misère Une*, *brève destinée La Voix de l'homme*, được giải thưởng văn chương Nobel.

KHI lên tàu đêm về nhà, tôi đã mệt nhiều vì mấy ngày dờng đã làm việc. Mra thu lâm râm rơi. Thường thường đi cũng chẳng vui thú gì, hơn nữa, tối nay tàu lại chậm, lúc tôi xuống sân ga cùng với bọn hành khách ngái ngủ thì đã quá nửa đêm. Tôi không xếp nối đuôi đợi xe tắc-xi, nhưng quyết định đi bộ về. Tôi kéo eo áo khoác và dẫn mình vào con đường dài cạnh bến tàu.

Trên con đường vắng, một chiếc xe của cảnh binh hiện ra, rồi lại biến mất, trông như một con mèo đen thoát vụt đi. Từ ngoài biển, một làn sương lan tỏa vào thành phố, đem một mùi khác thường, như mùi hôi dầu. Tôi bước vội vã, nóng nảy muốn về nhà, lăn mình vào giường ngủ. Và nữa, tôi đã bắt đầu cảm thấy khó chịu về cái mùi này và muốn thoát khỏi đần sương kỳ dị bao phủ mình.

Mùi khó chịu quá, khi mở cửa vào nhà, tôi tưởng như có lửa âm ỷ ở đâu đây. Nhưng khi lên tới gác chót, vào căn phòng nhỏ của tôi rồi, tôi chỉ còn có nghĩ đến ngủ. Tôi chỉ kịp tháo giầy, ca-vát, rồi cứ mặc nguyên cả quần áo lăn ra giường, định bụng tạm nghỉ một lúc, nhưng rồi tôi

thiếp ngủ ngay.

Lúc trở dậy, tôi có cảm tưởng khó chịu như mình ngủ nhiều quá. Tôi ngồi dậy và tìm giầy đi thì bỗng thấy như có một sự gì khác lạ ở trong phòng, làm tôi tỉnh ngủ hẳn. Tôi linh cảm thấy có một sự gì đã xảy ra trong lúc tôi ngủ: một việc kỳ dị, có lẽ nguy hiểm nữa. Nhưng việc gì? Tôi mở tròng mắt và chăm chú nhìn chung-quanh. Vật tôi nhìn thấy đầu tiên là một đồng tro bụi màu sẫm ở trên sàn nhà. Tôi nhìn lên tường: cũng những vạch dài bụi màu nâu ngang dọc.

Còn sách của tôi : Sách của tôi đâu cả? Tôi nhay vội và chạy qua phòng. Cũng một thứ bụi dày bám trên các giá sách. Tôi gạt một đồng bụi và ngón tay đụng ngay vào gáy da sách mềm nhũn ; tất cả một tủ sách đóng da chữ mạ vàng của tôi nay vồn vẹn chỉ còn có thế. Tôi choáng váng ngồi xuống ghế. Lúc này, tôi lại nghĩ thấy cái mùi lờ lợ đã làm cho tôi khó chịu tối qua lúc xuống tàu. Tất cả tủ sách đẹp của tôi biến thành tro bụi. Tay tôi tự nhiên dút vào túi quần : có chiếc ví ở đây. Tôi mở ví. Tôi hy vọng tìm thấy gì trong ví này? Tất cả giấy tờ trong ví cũng biến thành thứ tro bụi khủng khiếp kia. Ngày đầu

tháng mới bắt đầu. Tất cả lương của tôi được trả bằng những tờ giấy bạc lớn đều biến hết, kể cả những giấy tờ quý khác.

Tôi càng hoảng hốt thêm khi nghe thấy từ phía đường phố đưa lên, mỗi lúc một ồn ào, một thứ tiếng như tiếng găm thét của gió bão. Tôi mở cửa sò, mùi xú uế kia tạt mạnh vào mặt tôi và lúc này, liên tưởng đến giấy tờ của tôi bị tiêu tan, tôi nghĩ ngay đến một tai biến lớn lao sắp xảy ra. Ở dưới đường phố, mọi người đều ngửa mặt lên trời, và tôi nghe thấy những tiếng nói ồn ào, rồi có tiếng thét đầy uất hận:

— Ngày tận thế !

Trong một thoáng, tôi tưởng như mất trí.

Tôi cạo râu vội vàng, khoác áo và xuống gác. Ở chỗ nào cũng thế, mọi người đều lo lắng hỏi nhau :

— Việc gì xảy ra thế ? Thế là nghĩa lý gì ? Tai biến gì sẽ đến ? Có phải chiến tranh vì trùng không ?

Tất cả những câu hỏi đó đều không được trả lời. Việc mà mọi người đều được chứng kiến là vào khoảng gần sáng, giấy, tất cả những thứ gì bằng giấy, bỗng chốc đều biến thành tro bụi, trong

khi đó thì một mùi xú uế lan tràn khắp không khí. Giấy bạc, giá khoán, sách vở biến đi chưa làm người ta kinh hãi bằng sự lo sợ có một thảm họa nào sẽ còn xảy ra nữa.

Tùng đám đông tụ họp trước các cửa hàng, ai ai cũng nóng nảy. Một vài cửa tiệm đã mở ; các nhà khác cửa vẫn đóng im ỉm. Người nào cũng tỏ vẻ băn khoăn lo sợ. Tất cả những tín dụng bỗng chốc chẳng còn giá trị gì. Một số tiền đồng, tiền bạc còn, nhưng số này hết đi thì dân chúng phá sản hết. Trong một thời đại mà tất cả các giá trị tiền tài đều ghi vào giấy, nên người mua cũng như kẻ bán đều không hiểu sao nữa về cuộc cách mệnh của nền tài chính này. Cảnh binh xếp hàng trước các tiệm bán sữa, vì các bà mẹ tụ tập đông đảo, tỏ vẻ hung hãn đe dọa lắm. Giấy bạc có thể biến mất, song con các bà không thể không có sữa được, vì vậy các bà quyết tâm phải có phần của mình.

Tôi qua một tiệm bán thực phẩm và cũng bị đám đông lôi cuốn vào. Ở ngăn đề giấy gói hàng cũng chỉ còn một đồng tro bụi màu sẫm. Trên các gói cà phê, thực phẩm, đường, bánh

đều rải rác toàn bụi. Riêng chỉ có những hộp sắt, những chai lọ là thoát khỏi cảnh hỗn loạn và nổi bật hẳn lên giữa các ngăn khác đầy rẫy bụi bặm. Xa hơn một chút, cảnh trí trong một nhà sách mới càng kỳ dị, những lọ hồ và dụng cụ văn phòng bằng nhựa hiện ra rõ ràng giữa một bãi lầy hôi thối của cả một nền văn học nay biến ra tro bụi hết.

Cũng như tất cả mọi người, tôi đi lang thang, vừa sợ hãi, vừa thốc mách, xem sự việc còn xảy ra gì nữa.

Ở ngoài đường, người ta nói chuyện huyền thuyên, không quen biết nhau cũng nói.

Người này nói :

— Giá tôi được một liều thuốc để hút ! Tôi tôi toàn thuốc cả mà không có giấy, mình lại không biết hút pip.

Người khác băn khoăn :

— Thế còn trẻ con biết làm thế nào ? Không có sách vở, trường tất phải đóng cửa.

Người thứ ba bàn :

— Chính phủ chắc phải phân phối thực phẩm.

Một người nữa trả lời ngay :

— Chính phủ chẳng làm gì cả. Không có giấy, chính phủ cũng bị tê liệt.

Sau đó, tôi trông thấy Lê-Lan và những tiếng nói xung quanh tôi đều tan biến vào sự ồn ào. Tôi thoáng thấy mái tóc vàng của nàng trong đám đông, ở một ngã tư. Một cảm tưởng êm ấm làm tôi vững dạ. Lê-Lan ! Chỉ riêng nàng là đáng kể : tôi cần phải tìm gặp Lê-Lan. Tôi chen vai thích cánh để đến chỗ nàng.

Về đến nhà nàng không phải là dễ. Khi chúng tôi về đến nơi, chúng tôi ngồi yên tĩnh. Tình hình đã đỡ kích thích chúng tôi. Chúng tôi bàn tán suốt dọc đường. Bây giờ, ở trong bốn vách tường, chúng tôi yên tâm. Tôi cảm thấy vậy và nhìn mặt Lê-Lan tôi cũng nhận thấy thế.

Chúng tôi quen biết nhau một buổi chiều kia, cách đây hai tháng, mà nay chúng tôi tưởng như biết nhau từ thửa thơ ấu.



Bây giờ đến lúc chúng tôi phải xếp đặt cửa nhà, việc không phải là dễ gì, vì bụi giấy làm chúng tôi ho và hắt hơi luôn. Nước và điện vẫn có, máy ra-đi-ô vẫn chạy. Chúng tôi quên chiếc ra-đi-ô mãi cho đến khi chúng tôi mở máy. Một thông cáo kêu gọi dân chúng

nên yên tĩnh « ... Các bạn sẽ tự giúp mình và mọi người nếu biết trấn áp những sợ hãi. Không riêng gì xứ sở chúng ta gặp tai biến. Tất cả thế giới đều gặp những tai họa như thế này ! »

Những lời kêu gọi đó được nhắc đi nhắc lại nhiều lần. Tất cả những cơ quan cung cấp, phân phối thực phẩm nay đều do chính phủ đảm nhận. Những giấy nghỉ phép trong quân đội và cảnh sát đều bãi bỏ.

Lệnh tắt lửa được ban hành trong khắp vùng châu thành. Những sự chuyên chở trên bộ và đường sắt đều ngừng cho đến khi có lệnh mới. Riêng chỉ có xe của quân đội và cảnh sát được đi lại tự nhiên. Chính phủ trưng thu tất cả vàng bạc lưu trữ và số đúc tiền ngày đêm làm tiền mới.

Tin tức xôn xao chứng tỏ cả thế giới đều ở trong tình trạng khẩn trương. Bệnh dịch giấy lan tràn khắp trái đất. Các nhà bác học làm việc suốt ngày đêm, nhưng không sao tìm ra được nguyên nhân tai họa này. Những lời ước đoán về tai biến này thì nhiều vô kể. Có phải tai họa xảy ra vì một phóng xạ tuyến mới từ khoảng không gian đột nhiên chiếu xuống,

có lẽ vào giữa lúc mặt trời đi vào quỹ đạo tới một vũ trụ tuyến xa lạ mà ảnh hưởng tai hại vừa mới bắt đầu xuất hiện chăng ? Các nhà bác học khác lại đưa ra những suy luận khác. Các kỹ sư, các nhà bác học của khắp các nước trên thế giới cố gắng sản xuất một thứ giấy hoặc một sản phẩm gì tương tự có thể tránh được cái bệnh hiểm nghèo này.

Trong lúc chờ đợi, tất cả các công tư sở trên thế giới đành hoạt động bằng điện thoại, vì vậy có nhiều sự chậm trễ trong công việc và dẫu dẫu cũng rồi ren. Hàng, mấy mươi triệu máy chữ nằm ngủ yên trên bàn. Điện tín không dùng được nữa. Tất cả những thứ gì cần phải viết đều biến ra tro bụi. Những người công việc phải dùng đến giấy tờ, ngày trước ngày sau, trở thành vô dụng và số này đông; không sao kể xiết.

Không còn ai có một tờ giấy cần cước. Những giấy khai sinh và những tài liệu hợp pháp cùng những công văn đều bị gió cuốn thành bụi, tiêu tan hết. Trên toàn thế giới, quyền lập pháp đều bị tê liệt. Những hồ sơ của các ngân hàng biến thành bụi, mậu dịch không còn nữa; tất cả những chứng khoán, giấy bạc, chi phiếu, cò

phần, những văn tự vay mượn của quốc gia hay tư nhân, những hiệp ước, chúc thư, những bản thống kê, địa đồ và Thánh kinh cũng biến hết.

Lệ-Lan và tôi đều là công chức. Nghe tin máy phát thanh báo tin, chúng tôi đến sở cũng vô dụng, nên chúng tôi không đi nữa. Tiền bạc chẳng làm chúng tôi bận tâm, vì chúng tôi chẳng có tài sản gì; và nữa những người khác cũng mất hết lương, mất hết của dành dụm trong cả đời mình. Nay chỉ còn một việc đáng kể: thức ăn. Thực phẩm của Lệ-Lan, khéo thu xếp cũng chỉ dùng được hai ba ngày thôi. Còn tôi thì quyết định thu vén thức ăn của tôi ở trong phòng tôi trước tối nay.

Đường phố còn đông đặc người. Nhiều cửa hàng rỗng không còn hàng hóa. Mọi người đều dăm chiêu, tức giận. Tôi được tin cảnh binh xả súng bắn vào những người ở thành thị muốn trốn về thôn quê. Một giáo sư danh tiếng đã tự vẫn vì thấy những tác phẩm soạn thảo cả một đời mình đều biến ra tro; một nhà triệu phú thấy cửa cải mình tiêu tan cũng tự ai; một ông già nghèo nàn mới trúng vé độc

đắc nay thấy mình lại tay trắng cũng lăn ra chết.

Buổi sớm mai, Lệ-Lan và tôi ngồi gần cửa sổ và hàng giờ ngắm đám đông ở đường phố. Trông họ mất tinh thần ra mặt. Đài báo âm báo tin chính phủ hứa hẹn sẽ phân chia thực phẩm, nhưng dân chúng cũng không yên tâm, sự phân chia đã bị chậm 48 tiếng đồng hồ rồi.

Vào buổi trưa, các cuộc rối loạn khởi đầu. Chúng tôi nghe tiếng kính vỡ. Một mặt hàng đồ xuy ra đường. Đám đông đồ xô vào cửa tiệm và cảnh binh vội vã đuổi theo họ. Rồi ở xa hơn, lại có tiếng kính vỡ. Đó là dấu hiệu cuộc phá phách. Kính các tiệm bán thực phẩm đồ vỡ, nhà này tiếp nhà nọ, dưới những làn mưa gạch đá. Người ta bắt đầu cướp ăn.

Tôi còn nhìn thấy một gã lực lưỡng cao lớn, mặc quần áo thợ, ở trong một cửa hàng thịt xấn xô ra, vác trên vai một phiến thịt lớn. Gã vừa qua ngưỡng cửa thì một bện đồng đồ xô lại, xô xé miếng thịt gã mới cướp được. Gã dơ cao miếng thịt, quay lộn tránh mọi người, nhưng những kẻ đói khát mỗi lúc xiết chặt vòng vây và chỉ một thoáng sau, người

ta chỉ còn thấy một đám đông, người nọ lôi kéo người kia, những bàn tay co quắp bám vào phiến thị, xâu xé tan tành ra từng mảnh.

Một tiếng đồng hồ chưa trôi qua, tất cả các cửa hàng đều bị cướp phá. Các tiệm thực phẩm sạch chùi, đám đông quay ra các cửa hàng lớn. Nhưng ngay lúc này cảnh binh và quân đội đã kịp bố trí sau những hàng rào chướng ngại vật. Tiếng súng lác đác nổ.

Chiều đến, phố xá vắng tanh. Chính quyền đã tái lập được trật tự. Chiến xa ở các đường chính và các công viên, những đoàn quân đeo tiểu liên đi mô-tô tuần tiễu trong các đường phố vắng tanh, rải rác toàn kính vỡ.

Đêm hôm đó, sau khi chặn cửa ngõ kỹ càng, chúng tôi ngồi gần nhau, đợi sáng.

Mặt trời vừa ló, đã nghe thấy tiếng chiến-xa lăn rầm rầm, và mặc dầu sự cố gắng chúng tôi cũng thiếp ngủ. Lúc sáng rõ, ở cửa sổ, tôi trông thấy lính đội mũ sắt, bận rộn quanh một khẩu đại liên ở góc phố. Bọn thợ điện gắn những máy phóng thanh vào

hiện các nhà. Ngoài đường chẳng có ai, chỉ toàn lính.

Tôi vận máy thu thanh :

"...Theo các điều lệ đã được ấn định, mỗi nhà sẽ cử một đại diện của mình và vị đại diện này sẽ bầu một vị phường trưởng. Rồi đến lượt các phường trưởng nhóm họp ở từng hộ để tổ chức việc phân phối thực phẩm. Những nơi nhóm họp sẽ được chỉ định sau".

Các máy phóng thanh cũng nhắc đi nhắc lại những chỉ thị này. Tin tức ở ngoại quốc cũng báo cho biết là ở trên khắp thế giới, đều có rối loạn và giết tróc. Các đô thị lớn bị tai hại nhiều hơn các thị trấn nhỏ. Tiếp theo những tin tức này đều có những lời khuyên thực tế, những lời dặn dò, những lời đe dọa những kẻ cố ý cướp bóc, tàn phá.

Trong thành phố chúng tôi, nhờ sự phát hành một số tiền đồng mới, nên sự buôn bán, các kỹ nghệ lại hoạt động được, lệnh giới nghiêm được bãi bỏ, sự hỗn loạn cũng chấm dứt. Nền ngoại thương lâu lắm mới trở lại được bình thường vì trước kia trong những sự trao đổi, giấy giữ một vai trò quan trọng quá. Thoạt

đầu những giao kèo đều viết bằng phấn lên bảng đen, hoặc bằng ngòi bút nhọn lên các thạch bản; rồi những bản này được chụp hình, phim gửi đi.

Những bản ghi âm trên các băng nhựa nay được coi là những bảo tàng quý giá nhất về văn hóa của nhân loại. Khoa-học, luật lệ, tiền tệ bị thiệt hại nặng nề nhất. Trong địa hạt kỹ thuật, ngành sơn mài bị thiệt ít hơn là văn chương, còn âm nhạc nhờ có ghi âm nên tránh được tai họa.

Rồi ngày tháng qua. Lê-Lan và tôi lấy nhau, về hôn thú không có một giấy tờ gì làm trước pháp luật và mọi người khác cũng vậy. Trong hiện trạng này, người mất uy tín, kẻ khác lại nổi danh. Còn đàn bà, chỉ còn biết soi gương tự định tuổi mình.

Trong thời gian này, biết bao việc đáng ghi nhớ. Sự hỗn loạn cũng dịu dần, những kỷ niệm những ngày qua cũng phai mờ. Tôi không ghi nhớ được gì vì phấn và bảng đen nay là những vật cần thiết cho một gia đình phải dùng vào các việc quan trọng khác. Mặc dầu đời sống đã dễ chịu, nhưng vẫn có một lỗ hổng không sao lấp được: chúng tôi không có gì để đọc. Một sự thèm khác đọc sách báo không sao thỏa mãn được. Lúc này là một thời hoàng kim đối với những người biết kể chuyện. Các hội và câu lạc bộ tổ chức những cuộc nói chuyện và truyền thanh những bài thơ, những đoạn văn, những đoạn sử và các môn khác trước

kia in vào giấy mà người ta còn nhớ được.

Mấy đầu thanh giữ một địa vị vô cùng quan trọng trong đời sống hàng ngày. Trong thời này, diễn thuyết cũng giữ một vai trò hệ trọng. Chúng tôi đi nghe các buổi diễn thuyết tổ chức ở ngoài phố, trước các chợ, trong các phòng công cộng.

Và sau đó, một ngày kia, mô-nhà bác học phát minh được một thứ giấy tránh được cái bệnh dịch khủng khiếp kia đã tàn phá đến tận cổ rễ cả nền văn hóa của nhân loại. Thoạt đầu không ai tin tưởng, cả đến các chủ ngân hàng cũng không muốn dùng thứ giấy mới. Nhưng sau một thời gian thử thách, mọi người đều dùng. Lúc này, tất cả các nước đều vội vã xây dựng các xưởng chế tạo thứ giấy mới, vội vã như trước kia họ xây dựng các xưởng đúc khí giới bom đạn. Những máy mới chạy suốt ngày đêm, sản xuất hàng ức triệu tấn giấy in cho hàng triệu người chỉ khao khát có một điều: đọc.

Giấy dùng để viết cũng cần thiết một thời như giấy in. Tất cả mọi người đều muốn viết, viết, bắt cứ cái gì, viết bất cứ cho ai. Trong lúc này, còn biết bao nhiêu là văn sĩ! Rất may cho nhân loại, những cửa hàng bán các băng nhựa ghi âm tránh được tai họa lớn lao này.

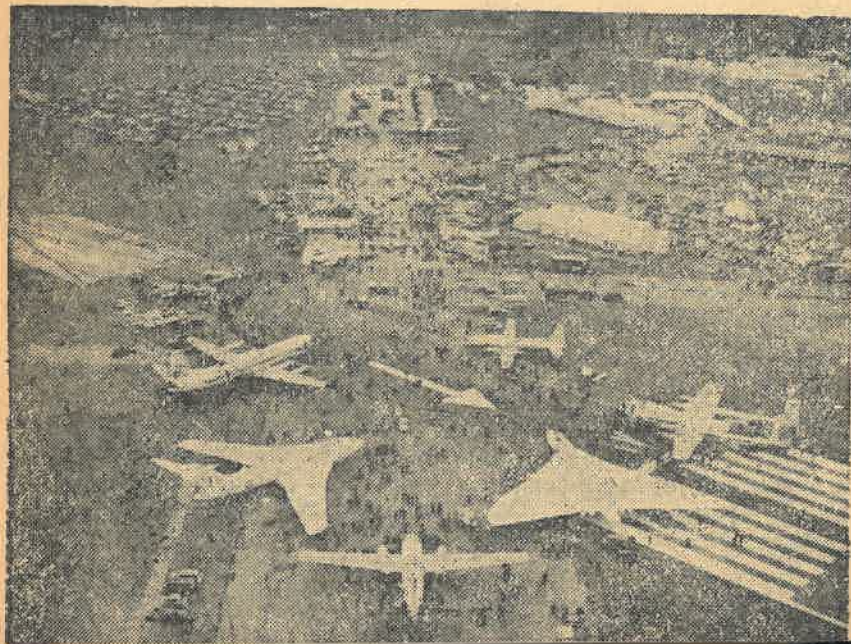
Bệnh dịch giấy có cho ta được một bài học nào không! Không, chẳng được gì. Bây giờ chúng ta lại chìm đắm trong những đồng giấy tờ.

HÀNG KHÔNG
CỦA
ANH

ở FARNBOROUGH

(Something new at the
Farnborough air show)

* TREVOR EDWARDS



Tại cuộc triển-lãm Hàng-
Không ở Farnborough
năm nay có gì lạ ? Đó là câu
hỏi hàng năm các chuyên viên
cũng như khán giả nô nức đi
xem đều phải đặt lên, và câu trả
lời về cuộc trưng bày năm 1960
thật là khích lệ. Công chúng
được xem năm chiếc phi cơ mới
hay biến thể của những kiểu đã
có tiếng, trong cuộc bay biểu
diễn hồi đầu tháng 9 vừa qua.

Cuộc biểu diễn thật là hào
hứng vì lần đầu tiên công chúng
được xem phi-cơ phản-lực đang
lơ-lửng đứng một chỗ, chuyển
sang bay thẳng, và cất hay hạ cánh
theo chiều thẳng đứng. Lối bay
này do chiếc phi cơ Short CS.1

trình bày. Chính chiếc máy bay
này do Tom Brooke-Smith, phi-
công chánh chuyên bay thử máy
các kiểu mới của Hãng Short
Brothers and Harland Ltd., ở
Belfast, Bắc Ái-nhĩ-Lan, cầm
lái trong tháng 4 dl. vừa rồi
đã khiến cho Anh-quốc cầm đầu
thế-giới, vì đã tiến bộ rất nhiều
về kỹ-thuật. Thật vậy, rất có thể
phương trục-thăng phản lực này
sẽ được áp dụng với một phi-cơ
chở hành khách có thể bay nhanh
bằng ba tốc độ của tiếng động.

Bộ Hàng Không hiện đã xét
những điều nghiên-cứu của hai
nhóm kỹ-nghệ lớn về việc thực
hiện một phi cơ siêu âm như
trên, nhưng không chắc rằng hai
nhóm này đã nghiên cứu một
phi cơ có thể bay với tốc lực
ấy.

Phi cơ SC-1 có khi được kêu
là « Bọ Hung Bay » (Flying
Beetle) hoặc « Con Ong Đất »,
(The Bumblebee). Phi cơ này
dùng bốn động cơ phản-lực chia
xuống đặt để cất cánh lên rồi,
ngiên bốn động cơ này về
phía sau, và mở động-cơ thứ
năm đặt nằm ngang ở đuôi để
bay thẳng. Khi hạ cánh, cũng

giãn - dị, chỉ việc điều khiển
ngược lại lúc cất cánh và phi-
cơ dừng lại giữa không trung
rồi nhẹ nhàng hạ xuống mặt đất.

Chúng ta hãy nhìn kỹ những
phi-cơ mới, bắt đầu là chiếc
Avro 748, 44 chỗ ngồi chở hàng-
hóa và cả hành khách nữa. Phi-
cơ này bay lần đầu tiên trong
tháng 6 dl. vừa rồi, sau khi
được vẽ kiểu và chế tạo trong
vòng ước chừng 17 tháng.

**Kiểu phi cơ bay
được lâu năm**

Các nhà chế-tạo cho rằng kiểu
phi-cơ này « hầu như dùng
được mãi mãi » và sách đặt hàng
đã chứng tỏ là có người đã tìm
cậy kiểu máy bay này vì đã ghi
tên hai tổ chức hàng không Anh
đặt mua là Bộ Hàng Không, và
Công-ty Hàng Không Aden, hai
cơ quan này mua tất cả là 11 máy
bay, ngoài ra những phi-cơ này
được chế tạo tại Ấn - độ cho
Không-quân Ấn dùng vào việc
vận tải. Phi-cơ này có hai động
cơ tuyệt-bin chong chóng Rolls-
Royce Dart.

Cũng trong ngành chở hàng-
hóa, còn kiểu Prospector 2,

nhưng nhỏ hơn nhiều, có ráp một động cơ Bristol Siddeley Cheetah. Phi cơ này rất thông dụng và rất thích hợp vào việc chuyên-chở hành khách và hàng hóa, chở bệnh nhân, sọt thuốc sát-trùng trên đồng ruộng. Kiểu số 1 đã được thông dụng ở nhiều miền xa trên thế-giới như Tân-Tây-Lan, Úc châu, Gia-nã-Đại, Phi-châu và Âu châu.

Hãng De Havillands có hai phi-cơ vận tải trong cuộc triển lãm Hàng không. Chiếc phi cơ phân lực Comet chở hành khách của hãng này có kiểu đẹp, bao giờ cũng làm cho người ngắm xem phải thích thú. Phi cơ Comet có tiếng ở Farnborough, nhưng năm nay, kiểu 4C sẽ đem lại nhiều cái mới lạ. Máy bay này có những động cơ RA 29, có thể chở được từ 72 đến 101 hành-khách (tùy theo hạng) và phối hợp cánh « lớn » của loại Comet 4 với thân dài của loại 4B. Mười chiếc phi-cơ trên trong loại trung 4C đã được ba hãng Hàng không hải ngoại đặt mua, vài chiếc đã được giao rồi. Tổng cộng là 51 phi-cơ Comet đã được bán, mỗi chiếc trị giá 1 triệu Anh-kim tức 20 triệu bạc Việt-Nam kể cả giá tiền các bộ

phận để thay.

Phi cơ thứ hai của Hãng De Havillands trưng bày là chiếc Dove 8, là kiểu mới nhất của loại máy bay rất có tiếng này. Tới nay Anh đã bán được trên 500 chiếc kiểu Dove. Kiểu này dành vào việc chuyên chở các nhân viên chỉ huy trong thương mại và kỹ nghệ, và có tiếng vì trong những năm qua, có rất đông người đặt mua. Kiểu số 8 bay lần đầu tiên vào tháng 2 dl. và đã được tăng mã lực nên có một tốc lực trung bình là 321 cây số một giờ. Một trong những phi cơ này sẽ bay biểu diễn nhiều miền ở Hoa-Kỳ.

**Phi cơ Quân-sự
duy-nhứt.**

Với bốn động-cơ Rolls-Royce Conway, chiếc Handley Page Victor 2 là phi cơ quân sự duy nhứt mới ra đời năm nay, và chắc chắn là một phi-cơ tân tiến nhất về loại của nó.

Trên là những « bộ mặt mới » ở Farnborough, hợp thành một bộ rất nhiều kiểu và chứng tỏ sự tiến-bộ lớn kỹ-nghệ Hàng không Anh đã thực hiện để đáp lại những nhu-cầu của thế-giới về ngành Hàng không.

**duyên
t i ê n
k i ề p**

*Mẫu bước ra đi mấy bước dừng
Tay đưa chéo áo ngập ngừng tung.
Cuộc đời dẫu bề còn nguyên nếp
Sóng gió dờ đưa khách lỡ chừng.*

*Tâm sự một chiều ai tiễn đưa ?
Vành trăng cuối xóm gói hương thừa
Cô đơn mang nặng tình duyên trước
Hò hẹn ngày nay trọn ước xưa.*

*Trả gánh Thơ đời lại thế nhân
Hồn đi biển biệt giữa mùa trăng
Duyên này âu cũng đành tan kiệt
Hay cũng nghìn xưa của cách ngăn.*

HOA - TỊNH - LINH



(Tiếp theo P. T. số 47)

TRONG nhóm « *Effort Indochinois* », hiện nay còn sống sót ở Sài Gòn một người, một tay kỳ-cựu dẻo-dai nhất, là anh NGUYỄN-ĐẮC-LỘC. Năm nay anh đã trên 60 tuổi, đang làm chủ-nhiệm tờ tuần báo *Tân-Dân*. Ngay hồi Tiên-chiến ở Hà-nội, anh em cũng đã gọi anh là « Lộc già », vì anh đã lớn tuổi hơn chúng

★ **NGUYỄN-VỸ**
tôi nhiều, và già-dạn kinh-nghiệm hơn. Anh đã ở Pháp, dự vào « Hội Kín » ở Paris, thời kỳ các cụ PHAN-VĂN-TRƯỜNG, NGUYỄN-THỂ-TRUYỀN, PHAN-CHU-TRINH. Nguyễn-Đắc-Lộc được anh em quý mến vì anh triết để trung thành với lý-tưởng cách mạng, có phong-độ

của người quân-tử, gặp biến-cảnh cũng nhiều, tù tội cũng có, nhưng không bao giờ thay đổi chí hướng. Anh là một chiến-sĩ trong hàng - ngũ quốc - gia cách-mạng thời tiền chiến, nghĩa là quốc-gia thuần túy. Ngày nay anh vẫn giữ nguyên vẹn lý-tưởng tranh đấu của mấy chục năm xưa.

Đề cập đến các nhà báo cách mạng, tôi còn muốn nhắc tên anh ĐẶNG THÁI MAI. Nguyên là giáo sư, và là con một nhà cách mạng tiền bối, anh Mai ở Hà-nội dạy trường *Thăng-Long*, và viết báo *Le Peuple*. Học giỏi, tính tình điềm đạm, bạn thân của VÕ NGUYỄN GIÁP, anh là người trong nhóm Cộng-sản « *Staliniens* » - chúng tôi thường gọi là nhóm « Đệ-tam » để phân biệt với nhóm Đệ tứ, « *Trotskyistes* ».

Nhưng Đặng-thái-Mai vẫn còn phong độ « nhà nho », có thành kiến trường giả, và tự tôn mặc cảm. Cho nên, cùng là trong đảng Cộng-sản, nhưng anh không thích chơi thân với những đảng viên ít học, hoặc học kém hơn anh, như TRẦN HUY LIỆU, ĐẶNG XUÂN

KHU (Trường Chinh). Hồi tôi ở phố hàng Cót, thỉnh thoảng anh ghé chơi, luôn luôn dắt theo đứa con gái nhỏ lúc bấy giờ độ 12 tuổi. Em bé này, chuyên môn đọc chuyện kiếm hiệp, và Đặng-thái-Mai lại khuyến khích sự ham đọc loại sách ấy. Anh muốn nó lớn lên sẽ là một nữ tướng, thông thạo những thủ đoạn phi thường như các vai nữ anh hùng trong tiểu thuyết kiếm hiệp. Sau này có vài bạn ở chiến khu Việt Bắc về Saigon, cho tôi biết rằng thời kỳ 1950-54 em bé đó đã thành vợ của Võ-nguyên-Giáp. Tôi hơi ngạc nhiên, và không khỏi hồi tưởng lại lúc tôi biết cô em 12 tuổi, học trường tiểu học, hầy còn kẹp tóc, thường ôm trong cặp một mớ truyện kiếm hiệp 3 xu, mà mười-hai năm sau lại làm vợ Võ-nguyên-Giáp, là bạn thân của ông thân-sinh cô? Tuy nhiên, tôi muốn nói rằng câu chuyện con gái của Đặng-thái-Mai lấy vị Thủ-lãnh của Việt-Minh là do vài bạn ở Chiến-khu Việt Bắc về kể lại, đúng hay không, tôi không thể biết được. Tôi chỉ ghi vào tập Hồi Ký này làm một tài liệu mà thôi, sau này lịch sử

sẽ xác nhận hay đính chính tùy theo thực tế.

Tuy không đồng tư-tưởng cách-mạng, lập-trường chính-trị hoàn toàn trái hẳn nhau, nhưng tôi vẫn có cảm tình với Đặng-thái-Mai, vì tính nết điềm đạm và khôn khéo của anh. Anh phê-bình văn thơ của tôi một cách rất vô tư. Anh cho rằng tôi quá mơ mộng, không chịu nhìn thực tế trên đời. Đó là quan-điểm riêng của anh, mặc dầu anh rất thành thực, nhưng tôi cũng thành thực không tán thành quan-điểm ấy. Có lần chúng tôi đồng-ý lập một « Câu-lạc-Bộ các nhà Văn chống Phát-xít » — Club des Ecrivains Antifascistes — trong đó có Đặng-thái-Mai, Giáp, Trương-Tứ, tôi và Jean-Lang (một thanh-niên trí-thức Pháp, thuộc đảng xã-hội S.F.I.O, chủ nhiệm tờ báo *La République* ở Bờ Hồ, gần tòa báo *L'Annam Nouveau* của Nguyễn-văn Vĩnh). Mục đích của Câu-lạc-Bộ là đoàn kết các thanh-niên trí-thức cách mạng có tư-tưởng chống phát-xít, xuất bản sách báo cách mạng chống phát-xít. Nhưng được một thời gian bốn năm tháng, Câu-lạc-bộ phải tan rã, chính vì sự đoàn kết không thể nào thực-hiện được

giữa những người bất đồng tư-tưởng. Hễ nhóm-hợp bàn-cãi về vấn-đề gì, là luôn luôn TRƯƠNG-TỨ (Đệ-tứ) đã kích Đệ-tam, Đặng-thái-Mai bênh vực chủ-trương của nhóm *Stalinien*s, bài xích Trotsky. Tôi là một kẻ vô-đảng-phái, chỉ biết phụng sự lý-tưởng quốc-gia độc-lập, Dân-tộc Tự-do, chống thực-dân và phát-xít, tôi không thể công nhận được rằng vận mệnh của nước Việt-Nam lại do các lý thuyết của Staline, hay Trotsky, quyết định. Sau cùng, « Câu-lạc-bộ các nhà Văn chống phát-xít » tự giải-tán một cách âm thầm, lạnh-lẽo. Tuy vậy, giữa Đặng-thái-Mai và tôi, cũng như giữa Trương-Tứ và tôi, vẫn còn giữ được mãi chút thiện-cảm cá-nhân, cho đến khi các biến cố thể-chiến xảy ra, mỗi người thất lạc đi mỗi ngã. Đặng-thái-Mai viết Pháp-Văn rất hay, lời-văn cứng-rắn, và dễ quyền-rủ. Anh viết Việt-văn không được. Trái lại, cô con gái 12 tuổi của anh, (tôi quên mất tên) đã tập tành làm thơ Đường-luật và viết những mẫu chuyện ngắn bằng Việt-văn khá trôi chảy, nhưng đã sặc mùi Cộng-sản của ông bố.

Đặng-thái-Mai đã chết ở chiến khu Việt-Bắc, theo lời vài bạn tin cho tôi biết. Tôi rất buồn, và thành thật nhớ anh.

Trong bộ biên-tập báo *Le Peuple* (ở góc đường Henri d'Orléans là Carnot), còn có anh PHAN-THANH. Anh là một Trợ giáo (Instituteur, vì anh chỉ đỗ bằng Thành-Chung) nhưng tự học, viết văn Việt và văn Pháp đều được cả. Anh dạy trường *Thăng-Long* ngay từ hồi trường mới mở ở phố hàng Cót, đối diện với bót Cảnh-Sát Hàng Đậu. Tôi biết anh từ lúc này, và chính anh đã giới thiệu tôi vào dạy trường *Thăng-Long*, trước khi NGUYỄN-TƯỜNG-TAM ở Pháp về mua lại trường này. Phan-Thanh người Quảng-Nam, là một ông Thầy-giáo hơn là một nhà cách-mạng. Nhưng nhờ viết báo, và do một số anh em ủng hộ, anh được đặc-cử vào Hội-Đồng Kinh tế và Tài-chính Đông-dương (Conseil Economique et Financier de l'Indochine), là một Hội Đồng tối quan-trọng cho đời sống của thuộc địa lúc bấy giờ. Phan-Thanh không phải là không có tài. Anh nói năng hoạt

bát, và tuy không hùng hồn như TẠ THU THẦU, PHAN VĂN HÙM, nhưng anh có lối viết và nói thanh thoát, nhẹ nhàng, rất quyền rủ người nghe. Anh yếu-diệu, nhỏ nhẹ, vui vẻ, như người đàn bà xứ Quảng, nhưng cũng rất cương-quyết như nàng, và khi cần phải bình vực một quan điểm anh cũng hăng hái không vừa.

Anh chết vì bệnh, và đám ma của anh được tổ chức ở *ốc.kỳ long-trọng*.



Về các nhà Văn và nhà Báo Việt-Nam chuyên viết Pháp-văn thời Tiên-chiến ở Hà-nội, tôi tưởng tôi đã kể khá nhiều. Còn một số ít nữa tôi không được quen lắm, nên không biết gì nhiều về họ.

Tôi muốn thêm vào đây, để bạn đọc có một khái-quan tổng-quát đầy đủ hơn một chút về tình-hình sinh-hoạt trong phạm-vi văn-hóa ở Hà-thành lúc ấy, một tờ báo đặc-biệt cũng bằng Pháp-văn, tên là *Le Misogyne* (Ghét Đàn-bà). Chủ-trương báo này là một nhóm thanh-niên du-học ở Pháp về, rất hoạt-dộng, rất vui-tinh, và nhất là rất

không. . . ghét đàn-bà. Nhưng họ xuất bản tờ báo kia, cốt để đả-kích đám phụ-nữ lỗ-lãng, mà lúc bấy giờ dân-chúng thường gọi mỉa-mai là đám « tiểu-thư tân-thời ». Đám này hầu hết là ít học, phần nhiều là con quan, con nhà giàu, ham chơi bời, trang điểm, mà lại thích lấy chồng « cao-đẳng ». Đó là mấy cô kén chồng « Phi cao-đẳng bắt thành phu-phụ », ưa lãng-mạn theo lối hạ-cấp, tự đề-cao phẩm-giá phụ-nữ tân-thời về phương-diện vật-chất, nhiều hơn là phương-diện tinh-thần và đức-hạnh.

Tờ báo này, mỗi tuần xuất bản một lần, in toàn bằng màu tím trên giấy láng đẹp mà bán giá rẻ. Thanh-niên học-sinh và sinh-viên Cao-đẳng đọc rất nhiều. Tôi không nhớ được các người biên tập báo này, chỉ còn giữ lại trong ký-ức tên một người hoạt-động nhất, là CH. MAU'S.



*** BẠN CÓ BIẾT KHÔNG ?**

Bạn có biết trên Quả Đất có hết thủy bao nhiêu giống cây ?

— 335.000 giống, nhưng từ năm 1910 đến nay, các nhà thảo-mộc-học mới phân-loại được 150.000 giống mà thôi.

Chính là một người Việt-Nam, tên thật là CHU MẬU, anh ta đổi ra tên ngoại-quốc như thế, có lẽ để cho lạ chơi, và gọi tính hiệu-lạ của công chúng mà thôi. Hiện nay hình như anh ở Sài-gòn, vì có lần tôi trông thấy một tiệm buôn đề hiệu là Ch. Mau's tại một đường lớn ở Thủ-đô.

Thanh-niên hoan-ngênh tờ báo này lắm vì hai lẽ : một là nó gây được một không-khí mới lạ, linh-động, trẻ trung, hai là nó trêu ghẹo, bao hiểm các cô « tiểu thư tân thời », một cách rất là dí dỏm, rất khó chịu, hài-hước cay chua.

Nhưng báo *Le Misogyne* chỉ ra được mấy số, rồi không hiểu vì lẽ gì tự nhiên đóng cửa. Tuy vậy, nó vẫn còn để lại một tiếng vang không ít trong giới thanh niên nam nữ Hà-thành.

(Còn nữa)



LƯỢC KHẢO VỀ
NGÔN - NGỮ
và
VĂN - TỰ CHÀM

* JAVA PA-NRANG

I. — Nguồn gốc ngôn-ngữ và văn-tự Chàm

a) *Ngôn-ngữ*. — Theo các nhà ngôn-ngữ-học xác nhận rằng tiếng Chàm là một thứ tiếng hỗn-hợp, pha-trộn nhiều thứ tiếng của các dân-tộc ở trên các hòn đảo Mã-Lai, Ja-va, v.v... gọi chung là ngôn-ngữ malayo - polynésienne. Người ta còn gặp tiếng Chàm trong ngôn-ngữ của đồng-bào Thượng ở trên Cao - Nguyên Trung-Phần Việt-Nam như các bộ-lạc Chu-ru, Ra-đê, Ja-rai, Bah-nar, v.v... Do sự giao-dịch với các nước láng giềng từ trước, nên tiếng Chàm còn chịu ảnh-hưởng cả tiếng Trung-hoa (một ít), tiếng Cam-bốt và nhất là tiếng Việt-Nam. Ngoài ra, về

phương-diện tôn - giáo, người Chàm lại còn mượn thêm một số danh-từ Phạn và Á-rập nữa.

b) *Văn-tự*. — Nguyên do chữ Chàm bắt nguồn từ chữ Phạn, dần dần theo thời gian tiến-triển, chữ Chàm biến hóa thành một thứ chữ đặc-biệt, về hình thức, không còn giữ nguyên nét chữ Phạn nữa. Nên người ta gọi chữ Chàm mà họ đang dùng bây giờ là chữ Chàm cải cách.

Theo các văn-bia thì chữ Phạn đã du nhập vào xứ Chiêm-Thành và chữ Chàm nguyên thủy cũng đã xuất hiện từ thế-kỷ thứ IV sau Tây-lịch, nhưng do vị nào sáng tạo và truyền bá cho dân tộc Chàm thì chưa thấy tài-liệu nào đề-cập đến một cách vững chắc.

Một điều mà ta biết chắc-chắn là dân-tộc Chăm đã có một trình độ văn-minh khá cao từ khi họ lập quốc, hồi thế kỷ thứ II sau Tây-lịch trên bán đảo Đông-dương này, vì họ đã sớm hấp-thụ nền văn-hóa của Ấn-độ.

II. — Người Chăm với vấn-đề học chữ mẹ đẻ

Từ xưa cho đến nay, việc học-chữ Chăm đã được tổ-chức như thế nào thì chưa thấy ai nói đến, người Chăm có trường công lập hay không? Nếu có, các trường học đó đã mở-mang đến bậc nào? Đó là những thắc-mắc chung cho các nhà khảo-cứ!

Hiện nay trong giới đồng bào Chăm còn có ít nhiều sách vở viết tay, gồm nhiều môn loại, đại khái như: y-học, sử-ký toát-yếu, thiên-văn, thần-học (thuộc đạo Bà-la-môn và đạo Hồi-hồi) và những tài-liệu đáng được chú ý hơn là các loại thuộc về văn-chương như: thơ, phú, ca-dao, tục-ngữ, đồng-giao. Thơ, phú thì có chép thành sách hầu hoi, còn các loại khác phần nhiều chỉ truyền khẩu.

Thời xa xưa, nước Chiêm-Thành đang hưng thịnh — như đã trình bày ở đoạn trên — không

biết họ tổ-chức nền giáo-dục như thế nào. Còn dưới triều đại nhà Nguyễn (Chúa Nguyễn-phúc-Chu (1693) và năm Minh-Mạng thứ XIV (1833)) thì sự truyền bá tôn-giáo và phong-tục Chăm đã trở nên khó khăn (1), có lẽ từ đó nền học vấn Chăm bị ngưng hoặt-động chẳng?

Tuy nhiên, qua năm bình-thân (1836) tháng năm, Minh-Mạng thứ 17, thấy sử lại chép rằng: « Khiến tỉnh Bình-Thuận, Hà-nội, Tuyên-Quang, lựa con em dân trong hạt cho học tập tiếng nói chữ viết người Chăm, người Bà-ni, người Tàu, người Thổ.

Ngài ngự chơi cửa Tư-dung lên núi Linh-thái thấy tháp đá cột trụ khắc chữ Mọi. Thông ngôn ở Kinh đều nói rằng: « không phải chữ Xiêm, Lào, không thể dịch đặng ». Ngài sắc cho tỉnh Bình-Thuận, phải một người biết chữ Chiêm-Thành tới.

1) Xem *Trần-trọng-Kim — Việt-nam sử lược — trang 327-328 và xem Bửu-Cầm — Một đoạn sử Chiêm-Thành từ đời Nguyễn-Hoàng đến triều Minh-Mạng. — Văn-hóa Nguyệt-san số 36, tháng 11 năm 1958, trang 1249.*

Kinh. Đến nơi, thời người ấy nói rằng: « chữ người Thổ (Chàm) có hai thể: Chiêm-thành (Chàm) và Bà-ni; đây là thể chữ Bà-ni, không phải chữ Chàm, dịch ra không được ».

Ngài sai in ra một tờ, khiến hỏi khắp hạt hạ có ai biết nghĩa dịch ra đem tâu. Lại cho tỉnh hạt chọn những người am tường chữ Chàm và Bà-ni khiến dạy nhau học tập. Lại truyền Hà-nội lựa người Tàu dạy người mình học tiếng nói nước Tàu, tỉnh Tuyên-quang lựa người Thổ học chữ Thổ-âm và tiếng nói chữ viết xứ Đê-định, Vĩnh - điện (?), đề phòng khi phiên-dịch (1) ».

Đến thời vua Thiệu-trị (không rõ đích xác năm nào) — từ lúc có lệnh bỏ phong tục, người Chăm chết chóc rất nhiều, trong vùng người Chăm lại còn thêm bị hạn hán thiên tai luôn — người Chăm mới đồng lòng xin nhà vua cho họ phục hồi lại phong-hóa cổ-truyền, nên vua Thiệu-Trị thương tình thi ân rỗi cho dân-tộc Chăm được ăn mặc quần áo Chăm và được tự-do tín-ngưỡng như cũ. (2)

Từ khi người Chăm được gia-nhập vào Quốc-gia Việt - Nam, mọi việc hành-chánh, chính-trị,

xã-hội, v.v.. đều được Việt-nam-hóa, nhưng về phương-diện tôn-giáo, họ không thể bỏ chữ Chăm được. Họ vẫn âm thầm học chữ mẹ đẻ tại nhà, cha dạy con, anh dạy em, nếu người nào không có cha anh thì đến nhờ chú bác thân thuộc dạy, cũng có người hiểu học nhưng nhà nghèo hoặc mồ-côi thì họ đến ở thuê ở mượn để nhờ người chủ dạy chữ cho họ.

Có một đạo, khoảng năm 1935-1940, ở các trường làng Chăm, có giáo-viên Chăm dạy, nhà cầm quyền lúc bấy giờ có cho phép dạy chữ Chăm cho các em học-sinh Chăm. Thời đó, tuy có học chữ Chăm đấy, nhưng người ta không đặt thành vấn-đề mở khoa thi cử chữ Chăm (lúc đó học quốc ngữ ở bậc Sơ-đẳng thì có thi Sơ-học yếu-lược), thành thử sự học ấy không có ảnh-hưởng sâu xa cho mấy.

Qua năm 1946, người Chăm

1) Xem *Cao - xuân - Dục — Quốc-triều Chính - biên Toát-yếu, Tập I, in năm 1925, trang 209 và 210.*

2) Theo tài-liệu chữ Chăm viết tay của Ô. Quảng-đại-Minh, một nhà trí-thức Chăm ở Ninh-Thuận.

lại được mở riêng một trường lấy danh hiệu là Trường Huấn-luyện cán-bộ Chăm, đặt tại Ninh-chữ (Phan-Rang), mỗi khóa tuyển một số công-chức và thanh-niên ở hai tỉnh Ninh - thuận và Bình-thuận cho vào học. Trường này có mục-đích đào - tạo nhân-viên Hành-chánh và Học-nhánh. Ngoài các môn chính, trong chương - trình học, mỗi tuần có dạy thêm vài giờ Chăm-ngữ, đến lúc thi ra trường có cho thí-sinh làm một bài luận chữ Chăm (trưng dương trình-độ Tiểu-học), do các giáo viên Chăm làm giám-khảo và cũng trong thời-gian ấy hầu hết các trường làng Chăm trong hai tỉnh nói trên đều có dạy chữ Chăm.

Năm 1950, trường ấy đóng cửa và việc học - chánh địa-phương được chuyển giao về cho Ty Tiểu-học-vụ tỉnh (vì trường này còn phụ-trách thêm vai-trò thanh-tra các trường học Chăm ở miền Nam Trung-Việt).

Theo đà cũ, mặc dù việc học-chánh Chăm đã chuyển hướng, hiện nay các trường làng Chăm ở hai tỉnh nói trên, dường như cũng còn tiếp-tục học chữ Chăm mỗi tuần một ít giờ, nhưng trong chương-trình thi Tiểu-học không bắt buộc thí-sinh Chăm phải thi

môn luận Chăm-ngữ như mấy năm 1946-1950.

III.— Người Chăm với vấn-đề khuyến-học

Trải qua những thời gian đen tối của quá khứ, đáng lẽ ra những cái gì gọi là dân-tộc tính đều bị tiêu mất từ lâu rồi. Nhưng, một đảng nhờ Chính-phủ Việt-nam, từ triều vua Thiệu-Trị cho đến bây giờ, có lòng quăng-đại, biết thương xót và dùm dắt một dân-tộc ở vào thế mặt, một đảng nhờ chính thờ-dân không quá xu-thời, biết bảo thủ những cái tinh túy của tập-quán và văn-hóa cổ-truyền của ông cha, nên ngày nay ở trong đại gia-đình Việt-nam, dân-tộc Chăm được tồn-tại với số dân trên dưới bốn vạn người.

Đề hiền lễ-lối lễ-giáo, người Chăm linh-động tiếp-tục học chữ mẹ đẻ tại nhà với phương tiện như đã trình-bày ở đoạn trên. Họ muốn cho vấn-đề học chữ Chăm có hiệu quả và liên-tục, họ đã nảy ra nhiều sáng kiến trên phương-diện khuyến học, việc này đã có từ lâu, đại để như:

1) Trong các chuyện cổ-tích được kể lại cho con cháu nghe, các bậc phụ - huynh biết chọn những mẫu chuyện mà trong đó

lấy sự học-hành, việc biết chữ nghĩa làm quý-trọng, những nhân vật điển hình trong cốt - truyện được đề cao.

2) Về phương-pháp học chữ Chăm, trước hết (học vỡ lòng) người ta viết ra thập nhị chi: tí, sừ, dần, meo, v.v... vì tên của mười hai con vật trong chu kỳ mười hai năm đó mà viết theo tiếng Chăm thì được diễn tả gần hết bằng chữ cái Chăm và các dấu. Kể đó, người ta cho học thơ theo thể lục-bát Chăm gọi là *A-ri-ga pa-to a-dat*, thơ dạy phép luân-thường đạo-lý, lấy đạo đức lễ-nghĩa và sự học-vấn làm kim chỉ nam. Chúng tôi xin trích dịch một vài câu làm tí-dụ như sau đây:

A.— Ý nghĩa về cách xử thế

Ha-get glong di a-bih ?

Ha-tai thiam chih nan yon glong.

Ha-get biên di a-bih ?

Ha-tai jhak trih nan yon biên.

Tạm-dịch:

Cái gì cao-quý trong đời ?

Lòng trong dạ sạch ấy thời quý-cao.

Cái gì hèn thấp trong đời ?

Lòng lang dạ thú ấy thời xấu xa.

B.— Ý nghĩa về sự khuyến-học

a) Địa-vị trong xã-hội:

Thâu a-khar băng ngok dok da-hlâu,

A-ngan jiu lô ra bâu, ô thay ta-pa glong dĩ dray.

Tạm-dịch:

Có học ăn tróc (trước) ngồi trên, Nếu mà mù chữ ngồi hiền, ăn thừa.

b) Địa-vị trong gia-đình:

Thâu a-khar hu bok a-mak a-mur, Gáp pa-tian jang mur-kru, than i-ta jang li-geh.

Tạm-dịch:

Biết chữ nở mặt mẹ cha, Thom lây cả nhà, vinh-hiền cả nhà.

c) Địa-vị trong việc xây-dựng gia-đình:

Thâu a-khar hu da-ra da-pa-payak,

Ta-gloh a-khar thok bok, a-thâu groh rah li-ngiu.

Tạm-dịch:

Hay chữ được bạn mời vào, (1), Mù chữ ở ngoài, chó sủa suốt đêm.

(Còn nữa)

(1) Các thanh niên có học khá lúc nào cũng được trọng đãi, được cha mẹ các cô gái và các cô ấy mời vào nhà để trò chuyện.



Con Cò
mà đi
ăn đêm...

★ LÊ-QUỐC-BẢO

chính mình. Như đây, lời thổ lộ chân thành cảm động của người đàn-bà đưa chông ra biển-ải :

Con cò lặn lội bờ sông,

*Gánh gạo đưa chồng tiếng khóc
nỉ non.*

Con cò là một trong những hình-ảnh quen thuộc nhất của người dân - quê ta, cho nên nó thường được đem vào trong Văn-chương và tư-tưởng của ta. Nhưng không phải nó chỉ là một nét họa bài - trí của bức tranh quê mà thôi. Nó còn là tượng-trưng một ý - niệm gia-đình và luân-lý, xã-hội :

Con cò mà đi ăn đêm

*Đậu phải cành mềm lộn cổ xuống
ao.*

Ông ơi, ông vớt tôi nào !

Tôi có lòng nào, ông hãy xáo măng.

Có xáo thì xáo nước trong

*Đừng xáo nước đục, đau lòng cò
con !*

Hình thức chỉ là một bài thơ

CA-DAO là sản-phẩm của bình-dân. Nó có tính cách thuần dân-tộc, hàm-súc tế-nhị, gói ghém được mọi tình-cảm và ý-nghĩ, chất-phát nhưng sâu-xa của người dân Việt-Nam.

Đọc ca-dao, ta có cảm - xúc hồn-nhiên, nhưng như câu nào cũng là một tiếng nói tâm-sự của

lục-bát, mô-tả một con cò đi ăn đêm, chẳng may đậu phải cây mềm nên rớt xuống nước và một phú ông bắt được, sửa-soạn vật lỏng đem xáo măng. Cò năn nỉ van xin tha-thiết !

Con cò, trong câu ca dao này là biểu-tượng hình-hài của người đàn-bà. Dưới trạng-thức con cò ăn đêm, ẩn một ý-tình vô cùng cảm-động. Thể-hiện được cảnh trạng một người đàn - bà cô độc, lại bị lâm vào cảnh nghèo đói, vất-vả. Nàng có thể gặp một người đàn-ông ra tay cứu vớt, nhưng nàng vẫn cầu khẩn van lơn kẻ ân-nhân kia hãy thương xót tình cảnh của nàng mà đừng dày đọa, dày-vò chút thân khốn khổ.

Người đàn bà đau khổ chẳng may gặp phải cảnh-đoạn-trường, những nỗi lo sợ mảnh-khoé của kẻ bất-lương, nên nàng hết lời cầu cứu kêu xin. Dù nàng không được buông tha, mà bị « xáo măng » — bị lợi-dụng để bóc-lột, nàng cũng kêu lên nỗi thành-tâm tha-thiết để cố giữ-gìn được chút thân tròn-vẹn, trong-sạch, mong được đổi - xử với đôi chút nhân-đạo, để bảo toàn phẩm-giá của mình :

Có xáo thì xáo nước trong

*Đừng xáo nước đục đau lòng cò
con !*

Than ôi ! giữa kiếp trần ai, biết bao cảnh đoạn-trường này ! Trong xã-hội phong-kiến thời xưa, người đàn - bà, nhất là người đàn bà nghèo khổ, gặp biết bao những khổ-nhục lo âu. Nhưng câu ca-dao đã phác-họa một nàng thiếu phụ, tuy cam đành thân phận, nhưng vẫn biết tự-trọng. Nàng cương quyết bảo tồn phẩm giá của người phụ-nữ. Mặc dù, gặp cảnh vô cơ, nàng vẫn gào thét lên, để giữ được : « Đói cho sạch, rách cho thơm ». Dù gia cảnh lâm vào khốn cùng, con đồng nhà nghèo chẳng hạn, nhưng không vì thế mà nàng hành động trái lương-tâm và tư cách. Nàng sẵn sàng hy-sinh cho đời sống của nàng được cứu vớt, nhưng nàng vẫn cầu khẩn cho cả tâm hồn và phẩm giá của nàng còn được bảo đảm nữa. Không vì nghèo mà chịu nhục. Như con cò bị xáo măng chẳng nữa, cũng mong sao được « xáo nước trong » chứ « đừng xáo nước đục » vậy.

Thật cảm động thay ! Đáng ca tụng, đáng kính mến thay người đàn - bà Việt - Nam của ngày xưa !



8.- MATA

HARI

« NÀNG VŨ
NỮ ĐỎ »

✧ TÂN PHONG

(Tiếp theo P.T. số 47)

SAU mỗi buổi trình diễn ca-vũ như thế, nàng được hàng trăm nghìn người say mê, mơ ước. Các nhà triệu phú, các nhân-vật thượng-lưu quốc-tế ở Paris tranh nhau mời nàng dự tiệc, và khiêu vũ, kẻ đón người đưa tấp nập.

Người ta tò-mò hỏi nàng là người quê quán ở đâu thì nàng giấu lai-lịch thật của nàng, mà bịa đặt cho có vẻ ly-kỳ bí-mật như sau đây :

— Em sinh ở miền Nam xứ India, trên bờ biển *Malabar*, nơi một thành-phố thiêng-liêng tên là *Jaffuapatam*. Gia-đình em thuộc về hạng quý - tộc *Brahmanes*. Thân - sinh của em, *Suprachetty*, vì có tâm-hồn thanh-cao và bác-ái, nên được dân-chúng tôn là *Assirvadam*, có nghĩa là « Được Thượng-đế yêu thương ». Thân-Mẫu của em là một vị Nữ Tu-sĩ tinh-khiết ở đền *Kanda Swany*, chết hồi 14 tuổi, ngay hôm sinh em ra đời. Các vị Tu-sĩ làm lễ hỏa-táng cho Mẹ em xong, rồi họ nuôi em trong Đền và đặt tên em là

MATA - HARI, có nghĩa là « Con cô của Bình-Minh ». Đến khi em đi được một bước, họ nhốt em trong một hầm kín ở dưới đất, trong đền Siva, để tập cho em các điệu múa trong các lễ tế Thần, theo như Thân Mẫu em đã múa. Múa xong, em được đi lên chơi trên vườn chùa, và hái những cánh hoa lái để tếp thành những vòng hoa thơm trắng đem trang-trí điện thờ Thần. Đến khi em 14 tuổi, đã đến tuổi dậy-thì, một đêm xuân, Satky pudja, vị Nữ-Tu-Sĩ cai-quản đền Siva, làm lễ thành - hôn cho em với thần Siva, và chỉ-giáo cho em các nghi-thức huyền - ảo của Ái - tình và Tín-ngưỡng... »

Nói đến đây, Mata-Hari bỗng run khắp thân - thể, như bị thần Siva nhập vào thể - xác, và đứng dậy múa... Những điệu múa là-loại, uyển-chuyển, làm nổi bật bộ ngực tuyệt đẹp của nàng, với những đường cong uốn-éo, mềm-mại, của tấm thân nửa kín nửa hở, đầy khêu gợi... »

Những người nghe Mata-Hari kể chuyện như thế phần đông là các ông Hàn - lâm - Viện, các nhà Học-giả, các ông Tổng-Trưởng, Đại-sứ. Họ hỏi nàng :

« Thế nào là nghi-thức Ái-tình

trong đêm xuân Satky-pudja ở đền Kanda Swany ? », thì nàng bja-đặt ra bằng lời nói huyền-bí, bằng cử - chỉ ly - kỳ, ảo tưởng, các nghi-thức lạ-lùng mà từ xưa đến nay không ai được biết.

Dưới ánh sáng chói - lọi của muôn nghìn ngọn đèn màu, với hơi rượu ngà-ngà say, với những mùi thơm ngọt-ngào của các nước hoa lạ của Arabie làm ngây-ngất toàn-thể cử-toạ, Mata-Hari vận y-phục nghi-lễ vô cùng lộng-lẫy, chỉ che sơ - sài đôi tuyết - lệ đầy - đặn nở - nang, và một tấm voan mỏng đeo đầy hạt kim-cương che dưới bụng, để hở rốn, và hở cả bắp đùi, cả đôi ống chân ngà trắng nõn, nàng vừa giảng-giải từng điệu-bộ, vừa uốn-éo múa lại múa qua, uốn lên uốn xuống, nghiêng - ngã, xoay tròn, đưa ra trước mắt mọi người cả những vẻ đẹp khêu - gợi, dề - mè của một thân - thể gần loà-lồ, đầy nhựa sống lên men của nhục dục.

Rồi bỗng dừng, trong lúc nàng đang như chìm đắm trong điệu vũ mê-ly, các ngọn đèn đều tắt, chỉ còn mờ-ảo một ánh sáng huyền mơ, một điệu đàn thần-linh, xa-xăm, trời dậy... Trên vòm trời (của sân khấu), ba ngôi sao xuất hiện.

Một tu-sĩ râu tóc bạc phơ, chống

gậy từ trong bước ra, dừng bước nhìn trời. Từ ba ngôi sao sáng rực, hiện ra ba vị Nữ - thần... Tiếng đàn âm - í, rên-rì, kéo dài trong đêm mơ, như giây tơ, réo-rắt như nao-nức, như thồn-thức, như rạo-rực trong hương mơ... Vũ-nữ Mata-Hari thổi một tiếng sáo, vi - vu, âm - u... tức thì từ trong rừng thẳm bò ra một con rắn thần... Rắn thần bò đến nàng, bò lên chồm nàng, trườn lên mình nàng, quấn vào ngực nàng, rồi cùng với nàng say sưa trong điệu vũ mê-ly...

Cảnh tượng ly - kỳ bí - ẩn ấy khiến cho toàn - thể khán - giả đều hồi-hộp, say sưa, như hoàn toàn bị thôi-miên bởi sắc đẹp, bởi điệu múa, bởi không-khí huyền-kỳ bao bọc người vũ nữ của Kanda Swany...

Trong thời - gian không lâu, từ địa-vị người vợ của Thiếu tá bị chồng bỏ, thất - nghiệp, bơ vơ, nghèo-nàn, Mata-Hari bỗng dựng đã trở nên một vũ-nữ danh-tiếng, được muôn nghìn người yêu-mê. Một ông Tổng - trưởng, một ông Hoàng-tử ngoại-quốc, và một ông Đại-sứ, là những người tình-nhân gần-bó nhất của nàng. Bây giờ nàng ở một lâu-dài nguy-nga tráng lệ trên Đại-lộ Champs Elysées, một

Đại-lộ sang trọng nhất của Paris. Nàng có xe hơi, có tài-xe riêng, có bồi-bếp, y-phục nàng rực-rỡ như một bà Hoàng-hậu. Thân-thể nàng đeo đầy những kim-cương, ngọc-thạch. Nàng tiêu xài tiền-bạc như một nữ triệu phú, sắm-sửa xa-hoa, ăn chơi phung - phí. Lúc bấy giờ có ai dám nghi-ngờ Mata-Hari là một nữ gián-diệp của một nước nào đâu. Ấy thế mà theo bản cáo-trạng của tòa-án quân-sự Paris, mùa thu năm 1917, thì chính lúc bấy giờ Mata-Hari cũng là tình-nhân của Thái-tử nước Đức, Frédéric-Guillaume, con của Hoàng - Đế Guillaume II, của Quận - công Brunswick, và Đô - trưởng kinh-thành Berlin.

Mata-Hari nhìn-nhận rằng tất cả những nhân - vật to - lớn ấy là tình-nhân của nàng, nhưng không bao giờ nàng làm gián-diệp cho ai. Có thể trong thời kỳ chiến tranh (1914-18) họ lợi-dụng lòng thành-thật của nàng, lừa gạt nàng để nàng vô-tình thờ-lộ những bí-mật quân - sự mà nàng biết được do những người yêu của nàng nói cho nàng nghe, chứ thật nàng không cố-ý làm gián - điệp cho ai cả. Tuy nhiên, cũng vì tình-nhân của nàng là các nhân vật cao-cấp đủ các nước tụ họp ở Paris, Đức,

Pháp, Anh, Mỹ, Ý, Nga, Holland, nên người nước nào cũng lợi-dụng những cuộc giao-duyên rộng rãi của nàng để do - thám người nước khác. Vì vậy nếu Mata-Hari quả thật là Nữ gián-điệp, thì nàng đã vô-tình làm nữ gián-điệp mà chính nàng không hề biết đến. Mata-Hari chỉ muốn hưởng trọn vẹn đời sống xa - hoa mỹ - lệ mà thôi. Nàng đã viết trong nhật-ký của nàng một đoạn văn như sau đây : « Ta sẽ chết như tất cả mọi vật trên đời đều phải chết. Trong khi chờ đợi tử-thần, ta phải sống những phút sống đầy đủ, tốt-đẹp, vẻ-vang : thà rằng sống trên quả Đất một cuộc đời ngắn-ngủi nhưng rực-rỡ, tung-bùng, còn hơn là kéo mãi một tuổi già không đẹp đẽ. »

Vì vậy, Mata-Hari không có lý-tưởng về đời sống tinh-thần, nàng cũng không cần đeo đuổi một mục-đích gì cả. Chỉ yêu đề sống, sống đề yêu, và hạnh-phúc đối với một nàng vũ-nữ lừng danh quốc tế như nàng, là ăn, chơi, trang-điểm, múa hát, say sưa. Chính vì lẽ đó mà nàng luôn luôn sẵn sàng bán xác thịt của nàng với giá đắt, để cho được hưởng đầy đủ các lạc-thú khoái-trá mê ly. Chứ nàng không nghĩ đến việc làm nghề nữ

gián-điệp cho một quốc-gia nào, không phản-bội một người yêu nào, bởi vì tất cả những người yêu của nàng đều cung cấp cho nàng đầy đủ đời sống xa-hoa vật-chất.

Nhan - sắc cực - kỳ lộng - lẫy, huyền - ảo, của Mata Hari đã quyến-rũ một số đông các nhân-vật cao-cấp các nước địch-thủ với nhau trong Thế - giới Đại-chiến, những vị chỉ-huy trong các chính-phủ, các tổng-hành-dinh quân-đội. Nhưng nàng mặc kệ : sự quyến-rũ của đôi mắt đẹp huyền-bí của nàng đâu phải là một tội-lỗi. Tại vì người ta mê nàng, đeo đuổi theo nàng, chứ nàng có lợi-dụng nhan sắc của mình để phản-bội ai đâu !

Nhiều người tình - nhân của Mata-Hari đều quả quyết trước tòa-án quân-sự rằng nàng vô tội. Các nhà chính khách quan-trọng như Junoy, Thượng - nghị viên Espagne, Clavenmoore, Thượng nghị viện Anh, nhà Triệu - phú Mỹ Caward, Quận-Công Basile của Pháp, Đại-tướng Bá-tước Von Gurt, bạn thân của Hoàng-đế Đức Guillaume II, Đại - sứ Ginoceli của nước Ý v.v... đều binh-vực cho Mata-Hari.

Có điều chắc-chắn là trong thời

gian chiến - tranh, nàng đi du-lich nhiều nơi, khắp Âu - châu nước nào nàng cũng tới, thủ-đô và thành-phố lớn nào nàng cũng có ghé đến và ở một thời-gian. Nhưng nàng quả quyết rằng nàng không hề làm gián-điệp cho ai cả.

Đại - tá Massard, thẩm phán Tòa-án quân-sự Pháp, tra hỏi nàng :

— Cô có chơi thân với ông giám-đốc sở Trinh - thám Đức, phải không ?

— Có. Ông là tình-nhân của tôi. Và tôi cũng chơi thân với ông giám-đốc Trinh-thám Pháp ông này cũng là tình - nhân của tôi.

— Ông giám-đốc Trinh - thám Đức có tặng cô số tiền 300.000 đồng Đức kim ?

— Có. Đó là tiền ông cho tôi vì ông có ngủ với tôi nhiều đêm. Cũng như các ông khác đều cho tôi nhiều tiền để trả những ân-huệ riêng của tôi. Chứ không phải tiền thuê tôi làm gián-điệp.

— Cô có quen thân của Đại-tá Nga, Marov ?

— Có. Đại-tá Marov ở Tổng-hành-dinh Nga cũng là tình-nhân của tôi. Thiếu-tướng giám-đốc Đệ

nhị phòng của Pháp cũng là tình-nhân của tôi. Ông Tổng - trưởng chiến-tranh của Pháp cũng là tình-nhân của tôi.

Nghe Mata - Hari kể một dọc những tình nhân của nàng, ai nấy đều ngán cả. Mà đúng thế : những nhân vật nàng kể tên đều đã giao-du mật - thiết với nàng, cho nên hồi tháng 9, năm 1917, nàng bị mấy sĩ-quan Pháp tố-cáo nàng là nữ gián-điệp, tất cả các tổng-hành-dinh đều kinh ngạc, và không ai tin cả.

Nhưng theo các giấy tờ đã tịch-thu được ở nhà nàng, thì các vị thẩm-phán quân sự đều quả quyết nàng là nữ gián-điệp. Ngay hơn nữa, chính tại nàng mà quân-đội Pháp đã bị thua nhiều trận lớn-lao ở các mặt trận phía Bắc. Nàng đã cho người Đức biết trước các cuộc vận-quân của Pháp, do những tin-tức bí mật của chính các sĩ quan ở Tổng-hành-dinh Pháp nói cho nàng hay. Đó là bản cáo-trạng tố-cáo Mata - Hari, nhưng Mata-Hari thì quả quyết là không đúng. Đó là do một vài sĩ-quan ganh ghét nàng cố tình làm hại nàng đó thôi.

Dù sao, mùa thu 1917, Mata-

Hari bị tòa-án quân-sự Pháp kết án tử-hình. Theo bản cáo-trạng, thì Mata-Hari làm nữ gián-điệp cho cả mấy nước, Nga, Đức, Pháp, Ý, Anh, Holland, nhưng nàng đối với nước Pháp nguy hại hơn cả nên ngày 13-2-1917 nàng bị bắt. Ngày 24 và 25-7 nàng bị ra tòa, và cuối cùng, bị xử bắn.

Mặc dầu nhiều vị luật-sư danh tiếng, như Clusnet và nhiều nhân chứng quan - trọng, các nhà báo, nhà Văn, Họa-sĩ, Tổng - trưởng, Đại-sứ, Sĩ-quan, Nghị-sĩ, Thủ-tướng, cố hết sức bào-chữa cho nàng mà không được.

Sáng ngày thứ hai 15-10-1917,

Mata-Hari, một hoa hậu của thế-giới, có sắc đẹp nghiêng nước nghiêng thành, chết một cách oan-hiệt, không khóc, không run, không sợ, với một nụ cười tình-tử trên môi, trước một loạt súng của 12 người lính Pháp dưới sự chỉ-huy của Đại-tá Semprou. Chính Đại-tá rưng rưng ngấn-lệ sau khi truyền lệnh cho lính bắn người đẹp của muôn thuở.

Có sách chép rằng, Mata-Hari vừa gục xuống vũng máu thì có một tên kỵ - mã cấp - tốc phi ngựa tới pháp-trường Vincennes, đưa giấy án-xá của Tổng-Thống Poincaré... Nhưng Mata-Hari không còn nữa !



★ **BẠN CÓ BIẾT KHÔNG ?**

Bạn có biết đã có các danh-nhân trên thế-giới đều sinh vào những năm có con số 9 ở sau cùng ?

— Đây nhé :

Nhà Đại cách-mạng Pháp, Mitrabeau, sinh năm 1749

Thi-sĩ Goethe (Đức) — — — 1749

Danton — — — — — 1759

Hoàng-đế Napoléon 1er — — — 1769

Daguerre, người phát - minh ra phương - pháp chụp hình, sinh năm 1789.

Văn-hào Pháp, Balzac, và Thi-hào Nga, Pouchkine, đều sinh năm 1799.

Nhà triết-học Anh, Darwin, sinh năm 1809.

Tổng-thống Mỹ Abraham Lincoln sinh năm 1809.

Thánh Gandhi của India sinh năm 1869.

Nhà bác-học Đức Einstein sinh năm 1879.

Staline sinh năm 1879.

Hitler sinh năm 1889. v. v...

Một Thời-sự khoa-học Quốc-tế, làm sôi-nổi ở Liên - Hiệp - Quốc

Các nhà Bác-học, Văn-sĩ, Y-sĩ, Giáo-sư, Chính-trị-gia, của 16 nước, gửi

bản tuyên - ngôn khắp các chính-phủ trên Thế giới, yêu cầu áp - dụng một chánh.sách quốc.tế:

HỒM vừa rồi, một nhóm rất đông các nhà Bác-học, Văn-sĩ, Thi-sĩ và Chính-trị-gia, toàn những người lừng danh trên thế giới, nhiều vị có giải thưởng quốc-tế Nobel, của 16 nước :

Anh, Australia, Canada, Denmark, Finlande, Pháp, Đức, Ghana, Ireland, Ấn-Độ, Nhật-bổn, Norvège, Huế-kỳ, Pakistan, Suisse, Suède ;

đã gửi đến Liên-Hiệp-quốc một bản tuyên-cáo về nạn nhân-mãn (1) và đề nghị một chánh-sách quốc-tế kiểm - soát và hạn chế sinh-đẻ. (Birth Control) Bản

HẠN - CHẾ SINH - ĐẼ

tuyên-cáo có nói rõ rằng trong lúc các nguyên-liệu về vật thực trên quả Đất đã có hạn, mà nhân số ở các nước cứ tăng

(1) Nhân-mãn : nhân số quá đông đực. Số người trên Quả Đất mỗi ngày mỗi đông thêm, vì sự sinh sản cứ tăng gia mãi.

gia thêm mãi, càng ngày càng đông, thì chắc chắn là thế giới sẽ đến một « thời-đại đen tối của đời rách, khôn khéo, thiếu ăn, thiếu mặc, thiếu giáo dục, và sẽ xảy ra loạn ly khắp nơi vì vấn đề sinh kế ».

Chừng đó, chiến-tranh sẽ tiếp diễn để giành dực miếng ăn, và dĩ-nhiên là kẻ nào có võ - khí mạnh sẽ tiêu-diệt những kẻ hèn yếu hơn, để tranh lấy sự sống. Các nhà Bác-học tuyên-bố rằng hiện nay nhân số trên Quả Đất đã có 3 ngàn triệu người, và cứ theo cái đà sinh-sản hiện thời, thì đến cuối thế-kỷ XX, nhân số sẽ tăng lên tới 6 ngàn triệu người.

Vì lẽ đó, các bậc danh-nhân Thế-giới, của 16 quốc-gia kể trên, vừa gởi kiến nghị đến Liên-Hiệp-quốc, yêu-cầu áp-dụng khắp Thế-giới một chánh sách chung về sự hạn chế sinh-đề: phổ-biến cho được thông-dụng các thứ thuốc có hiệu nghiệm về sự mỗi người và mỗi gia-đình tự ý hạn-chế sinh-đề. Mục-dích của chánh sách này là : hạn-chế bớt dân số của mỗi nước, để

tăng cao đời sống của nhân dân hiện-hữu, để cho mỗi người có đủ ăn, đủ mặc, đủ điều kiện sống, để duy trì Hòa-bình quốc-tế, và sự thăng bằng của gia-đình và xã-hội. »

Đây là những danh-nhân đã ký trong bản tuyên-ngôn trên, đang làm sôi nổi ở Liên - Hiệp-quốc :

● **Các vị có giải quốc-tế NOBEL :**

Anh : Angell, Dale, Orr, Russell, Thompson,

Mỹ : Bloch, Kendall, Seaborg, Muller, Stanlez, Hench.

Đức : Adler, Hahn

Suède : Lagerkvist.

Các danh-nhân khác :

Anh : Darwin, Huxley, Brogram, Nutting, Toyntee.

India : Chagla, Nehru, Bà Rama Rau,

Canada : Chrisholm, Keenleyside

Pháp : André Maurois

Italia : Ignazio Silone,

Nhật : Minoru Muramatsu, v.v..

SACHA GUITRY



Một kịch-gia phong-phú nhất của Thế-kỷ
 Một Đạo-diễn hoàn-toàn
 Một Diễn-viên cừ-khôi

Ảnh SACHA GUITRY với cô vợ thứ năm của ông,
 LANA MARCONI

MỘT chuyên-viên phụ tá của Sacha Guitry đã nói về ông như sau :

— Khi quay phim Napoléon, Sacha Guitry đã muốn theo gót hài kịch gia Molière là được chết trên sân quay mà trên mình còn mặc bộ y phục của tài tử đóng trò, hoặc Guitry muốn theo gương tướng Turenne là được chết giữa ba quân trong khi đang điều khiển cuộc chiến đấu.

Ngày mà chuyên viên ấy thốt ra câu trên đây là ngày Sacha Guitry đã kiệt sức. Ông đã phải ngồi ghế đặng sơn cho 4 người (bạn binh phục thời Napoléon) đưa lên đồn Fort-Carré ở Antibes (nơi quay phim), một nữ y tá phải đem theo thuốc và ống chích đi cùng với ông. Sacha-Guitry đã một mấy tháng nay và cũng là lúc ông được giới điện

Thỏa-mãn ước-vọng

Trước đó mấy năm, hai nhà sản phẩm mới ra đời, Clément Duhour và Gilbert Bakanowski, sửa soạn quay cuốn phim « Miss

ảnh yêu chuộng hơn bao giờ. Tiền thù lao của ông về phim Napoléon đã định là : 100 triệu quan về chuyện phim, 200 triệu quan về đạo diễn, 300 triệu quan về văn đối thoại và đọc những lời đó. Sở dĩ tiền thù lao về đạo diễn hạ hơn tiền thù lao về lời đối thoại là do theo ý những nhà sản phẩm nếu chẳng may nhà lão đạo-diễn mệt quá bỏ dở công việc đạo diễn thì Giám-đốc chuyên môn Pierre Montazel có thể tạm thay thế để tiếp tục nốt công việc được. Còn lời đối thoại thì họ đã bảo nhau :

— Không có tiếng nói của Sacha Guitry thì không có Napoléon. Không ai thay thế nổi để nói được cái giọng của Guitry cả !

Ngày nay tính lại thì số tiền 600 triệu quan trả cho nhà lão đạo diễn thật là ít ỏi đối với tiền lời của cuốn phim lịch-sử này.

France », theo cách bố cục của chuyện phim thì có vài cảnh phải quay ở điện Versailles. Họ được phép quay trong cung điện này. Hai người này ra ý nghĩ quay

NHỮNG CUỘC TÌNH DUYÊN SAY MÊ

một cuốn phim về Versailles, và họ nghĩ ngay đến nhà đạo diễn Sacha Guitry, tác giả bài Versailles aux lumières. Nhưng nhiều người đã can ngăn họ :

— Hai ông thật điên rồ. May nhờ việc giải phẫu thần diệu năm 1951 mà Sacha Guitry đã thoát chết vì bệnh đau dạ dày, ông ta đã sút mất 30 kí ròi, chỉ còn bóng ông ta sống đó thôi. Các báo chí đã làm điệu văn ông ròi còn đâu ! Đó là con người của một thế kỷ khác ròi. Và lại, hai ông coi trong đám khán giả của Sacha Guitry xem có lấy một người nào trẻ đâu !

— Tuy nghe lời phê bình như vậy nhưng hai nhà sản phẩm vẫn cương quyết làm theo ý muốn của họ. Và đây là câu trả lời bằng điện thoại của Sacha Guitry khi hai nhà sản phẩm hỏi ý kiến ông :

— Đúng. Đã mười năm nay ròi, tôi đã có ý muốn quay cuốn phim đó. Vậy bao giờ ta khởi công ?

Và 48 giờ sau, giấy tờ giao kèo ký xong ngay. Duhour cầm nhà, cầm xe, Bakanowski bán số thảm quý để góp vốn. May mắn, nhà tư bản Georges Lourau bỏ vốn ra cho họ 180 triệu nữa. Ngày mà rạp Opéra chiếu phim

« Si Versailles m'était conté », người ta tự hỏi không biết cuốn phim có thể thu về đủ tiền vốn không. Vì khi coi chiếu phim thì các sử gia, các tay tô điện ảnh, dân kể chuyện Versailles, Hội Ái-hữu các bạn điện Versailles đều phải sững sốt : Lịch sử Pháp đã được ghi lại trong phim một cách tục tĩu bằng những màu chuyện sùng phi, ái phi và những giai đoạn xấu xa. Người ta ít thấy cung điện Versailles. Màu sắc trong phim quá xấu, tuy áo dài của bà sùng phi Montespan đã mua mất 600.000 quan thật nhưng y phục của các vai phụ, của quân sĩ thì lại « khỗ » quá ! Đó là chưa kể đến những sự sai lầm « không lồ » về lịch sử như vua Louis XIV đã đếm bằng mét trước khi mét hệ ra đời một thế kỷ ! Vua Louis XVI đã nói đến đồng centime trước cuộc cách-mạng. Hầu trước phu nhân Pompadour lúc Sacha Guitry đưa lên màn ảnh thì tính đúng trong sử mới lên 3 tuổi hồi đó.

Nhưng, thật là trái ngược : Số tiền thu về lại quá to. Trong hai tháng 6.733.000 khán giả nối đuôi nhau trước các rạp chiếu phim « Si Versailles m'était conté ». Tiền thu được : 272 triệu quan. Theo dự-tính

thì số tiền lời có thể lên tới 400 triệu quan. Cũng lại trái với dự luận của những nhà chuyên môn là cuốn phim này không đem ra ngoại quốc được, thì ai có ngờ ở Đức, ở Nhật, ở Uruguay, người ta lại mua với một giá đắt hơn tất cả các phim Mỹ. Người ta trông rõ con số tiền lời lên tới 3500 triệu quan, đã phá kỷ lục về tiền thu của các cuốn phim Pháp từ trước tới nay vẫn do phim Don Camille chiếm giữ. Sacha Guitry lúc đó cùng với Lollobrigida là hai kỳ tài của điện ảnh ở Âu-châu. Ở Pháp, Sacha Guitry biến thành

Sức làm việc dẻo dai vì hứng thú

Về cách dàn cảnh của Sacha thì thật là một cuộn ren (Dentelle). Ông điều khiển các tài tử và các chuyên viên một cách khéo léo, nhẹ nhàng. Ông đã chọn vai Talleyrand trong phim Napoléon để kể lại cuộc đời của con « Phụng Hoàng ». Những ảnh trong phim ăn khớp với nhau như trong máy đồng hồ nên chỉ 3 tháng rưỡi ông đã cho quay xong cuốn

một nhân vật « trong chuyện thần tiên » đã làm cho các nhà sản phẩm trở thành tỷ phú chỉ với một cuốn phim thôi.

Về cuốn phim Napoléon thì ngay lúc sắp quay cũng đã tính thấy số tiền lời lớn hơn phim Si Versailles m'était conté rồi. Phí tổn về cuốn phim này tính là 460 triệu quan, định bắt đầu quay vào ngày 15-6 mà mới tới tháng 5 từ Đức, từ Ý, Nga, Bỉ, Nhật, người ta đã gửi tiền « đặt cọc » trước để mua. Số tiền « cọc » này đủ bằng tiền kinh phí dự định rồi!

phim này. Nếu với một nhà đạo diễn khác thì phải mất năm tháng, và nếu, với đạo diễn Mỹ thì phải cần đến 8 tháng mới xong.

Có người hỏi ông về những lời đối thoại lịch sử, ông trả lời :

— Cũng đúng độ 50 %. Tôi đã lợi dụng dịp này để bỏ bớt những câu lịch sử vô nghĩa lý như câu : « Bốn mươi thế kỷ sẽ chiêm ngưỡng ngài từ trên những kim tự

tháp này ».

Ông có thể không nên quên câu lịch sử sau đây thích hợp với hoàn cảnh ông lúc ấy, vì thế nào ông cũng sẽ thấy ngã quỵ về công việc : « Viên đạn để giết ta chưa dúc ». Với tình trạng sức khỏe và bệnh tình ông, đáng lẽ Sacha phải nghỉ việc, cứ hút thuốc lá, rượu mạnh, các thứ ăn mặn. Một bà săn sóc việc phục sức cho ông đã kể thế và bà tiếp :

— Trái lại ông làm việc ngày đêm, uống rượu mạnh, hút 200 điếu thuốc lá mỗi ngày. Có lúc ông tưởng sắp ngã đi vì quá mệt.

Nhưng qua hôm sau, thấy bệnh ông sang tạm yên, ông đã « trung » ngay bộ quần áo màu xanh lơ thẫm, quần một khấn quàng đỏ,

trong mặc sơ-mi vàng, chân số giày trắng, đầu đội mũ panama có băng sặc sỡ, cõ đeo một chuỗi hạt hồ phách để phòng bệnh nứt đầu.

Từ năm 1930, sau khi ông cho diễn vở « Histoires de Frances » Sacha Guitry thích sắm những vai quan trọng của lịch-sử Pháp. Ông đã cải trang ở sân khấu cũng như ở màn ảnh thành François 1er, Barras, Louis XIV, Greuze, Molière, Napoléon III, Nam tước Grimm, Louis XVI, Debureau, Frans Hals, Monet, Talleyrand và La Fontaine. Sacha vẫn còn ân hận là chưa sắm nổi vai Napoléon 1er. Vì thế ông lấy làm mãn nguyện được quay cuốn phim Napoléon với 500 triệu quan.

Những bước đầu chập chững của một thiên tài

Sacha Guitry sinh ngày 21-1-1885 ở Saint Peterbourg (Nga) trong khi ông thân sinh ra ông đi công cán ở Nga. Lúc ông thực hiện cuốn phim Napoléon, ông đã gần 70 tuổi. Cũng là một sự ngẫu nhiên làm ông nảy ra ý

kiến quay ngay cuốn phim này. Ông đương sửa soạn phim « La vie de Talleyrand ».

Khi dân Paris được tin Napoléon 1er mất (15-5-1821), nhà lão chính khách Talleyrand đã nói:

— Thôi, thế là từ giờ ta

được kể chuyện tự do về Napoléon.

Câu nói đó luôn luôn vang-vẳng trong đầu Sacha. Và ông nghĩ đến sự khởi đầu việc quay phim.

Lúc thiếu thời Sacha rất dốt về môn sử. Ông còn nhớ đã phải đuổi học vì không chép phạt 100 giòng về môn sử mà ông không thuộc.

Thế rồi dù muốn dù không, ông thành một Giáo-sư về sử Pháp thì thực là một sự lạ. Năm 1934 ông được mời đến chủ tọa một buổi phát phần thưởng cho học sinh cùng với Tổng Thống Pháp thời ấy là Albert Lebrum. Sacha Guitry đã mang đến đề trình bày 100 giòng chép phạt của ông cách đây 40 năm. Ông nói đó là 100 vần thơ đề an ủi học trò lười.

Hồi 17 tuổi, Sacha Guitry làm cho một rạp hát ở Versailles. Ông phụ trách quản-lý. Một tối người ta cho diễn vở Hernani, ông cũng sắm một vai phụ. Người ta bảo ông kiểm quần áo trá hình cho tài tử, và Guitry đã mang về toàn áo choàng tắm của các bà. Khán giả cười quá nên buổi trình diễn phải đình lại. Ông Giám-

Đốc mắng ông :

— Không bao giờ anh được bước vào Versailles nữa. Anh không sắm vai gì được !

Sacha Guitry lại là một nhà sưu tầm vật lạ và các câu nói lạ mà ông đã chịu khó ghi chép kỹ lưỡng.

Ưa lập dị

Nơi nhà riêng của ông, số 18 đại lộ Elysée-Reclus thì thật là một bảo tàng viện quái dị : Người ta bày lộn xộn nào lọ mực của văn hào Victor Hugo, áo gi-lê của Marat, bản miễn tố của Sacha Guitry do ông dự thăm đã xử đặc ân cho ông, một cái mũ của Napoléon, và trăm nghìn vật lạ tương tự. Trên tường căn nhà treo toàn là bức họa của các danh họa.

Sacha Guitry đã nói với mọi người rằng :

— Theo lời phê bình của người ngoài thì hai tật xấu nhất của tôi là sự ích kỷ và tính tự đắc. Về ích kỷ thì cũng như mọi người thôi, không hơn. Lỗi đó là do trời cho tôi sung sướng và các người cũng đã biết thưởng

một người sung sướng cũng biến thành quái vật vì không chăm chú săn sóc đến kẻ khác. Còn về tính tự đắc thì thật không có vì tôi biết tôi lắm, và tôi chưa hề thấy mãn nguyện về các công-trình của tôi.

Tính Sacha Guitry không được giản dị cho lắm. Một phóng viên muốn chụp hình ông lúc ông thấy tay áo sơ-mi còn xắn, ông ngăn lại và nói là không muốn xắn tay

áo mà vào nhà người ta. Một chuyên viên đã nói :

— Sacha Guitry dám nhận quay không công phim « Si Versailles m'était conté » vì ông thấy được hưởng trong phim sự sung sướng nhất trong đời ông : ông đã ngồi ăn một mình như vua Louis XIV, đã được dùng bát đĩa của vua Louis XIV, sang trọng hơn ở nhà ông nhiều vì nhà ông cũng có đĩa chén vàng của Sarah Bernhardt.

Cá tính của một thiên tài

Sacha Guitry hay pha trò : một buổi ông đang tìm một người sắm vai Louis XVI và gặp ngay Gilbert Bokanowski, một nhà sản phẩm của ông, có mũi cong. Sacha Guitry bảo nhà sản phẩm :

— Ông là người tôi đang tìm. Mai ông sẽ đứng trên bao lan điện Louvre và uống một cốc rượu với bọn Sans Culottes. Ai cũng sẽ bảo ông giống Louis XVI.

Một bà đến xin thủ bút ông, ông lấy một mảnh giấy và viết :

« Thừa bà, thật đáng buồn là tôi không bao giờ cho ai thủ bút cả. Sacha Guitry ».

Trong 50 năm trời, mỗi ngày ông làm việc 15 giờ. Đêm đến lúc coi quay phim, ông sửa lại lời đối thoại cho ngày mai. Suốt ngày đêm rông rã trong 6 tháng liền tiếp ông đã viết và sửa vở phim Napoléon. Ông đã bị sút mất 10 kí và suýt chết 1 lần. Một nữ y-tá phải săn sóc liền ông trong lúc ông viết những màn cuối. Sacha đã tuyên bố :

— Nếu tôi không làm việc thì tôi thấy buồn và khi tôi cố gắng làm tôi lại không tin được tôi nữa. Ở đời chỉ có sự làm việc và tình yêu thôi. Ngoài hai cái đó, không có gì nữa.

Cũng chỉ vì sự thích làm việc của Sacha Guitry, vì những cách sống ở nhà của ông, vì những vai ông sắm, vì những câu nói ứng biến của ông mà lần lượt bốn bà vợ đầu đã bỏ ông. Con người mà được thời ấy chuộng là thế, con người quán quân đã viết 125 vở hát, 40 chuyện phim, 4 cuốn sách, vô số là bản thuyết trình, bản phát thanh, bài ứng khẩu mà lại là một người chồng không bà vợ nào chịu nổi.

Bởi không có bà vợ nào lại chịu sống suốt đêm trên sân khấu, suốt ngày ở phim trường như Sacha Guitry được. Ngay cả một nữ tài tử cũng không chịu nổi.

Một trong những bà vợ của Sacha Guitry đã tuyên bố :

— Tôi phải xa ông ấy để tránh khỏi bị điên.

Có người đã viết cho Sacha : « Sao ông không trưng trong bảo tàng viện của ông cả năm bà vợ ông nữa ? ».

Sacha trả lời :

— Nếu các bà là những món đồ đồ sưu tầm thì các bà lại là những món đồ khó giữ vì có nhiều kẻ chuộng quá.

Đó chỉ là lời nói. Cũng có lẽ con người tuy đã lần lượt làm bạn với 5 người vợ mà lại là một người ghét đàn bà không chừng. Người ta đã hỏi Sacha thích yêu hay thích được yêu. Và Sacha đã trả lời : Yêu người thì chắc hơn.

Khi nói chuyện về bà vợ cuối, Lana Marconi ông đã nói với một nụ cười buồn tẻ :

— Phải đấy, bà ấy sẽ bóp mắt cho tôi và sẽ mở hộ tôi các ngăn tủ tiền.

Chỉ có câu sau đây mà ông thốt ra mới là thật từ đáy lòng ông :

— Bạn tâm giao của tôi chính là quần chúng.

Sacha Guitry thật là một con người được đầy đủ, hạnh phúc. Ông cũng cố gây hạnh-phúc cho mình và cho người khác nữa.

Nhưng chỉ vì tính tự-dắc của ông làm cho ông không tìm được sự yên ổn tâm hồn trong sự nghiệp vẻ vang của một người có thiên tài và chịu làm việc như ông.



Nắng mới chiều thu

Qua bao ngày mưa lạnh,

Chiều nay nắng mới lên.

Ánh vàng phoi rục-rỡ,

Như vừa thay áo xiêm.

Lá thu rơi xào-xạc,

Lả-lướt liệng quanh thềm

Chập-chờn đôi cánh bướm

Vờn trong nắng êm-êm...

Trên cành, chim riu-rít

Hòa nhạc khúc giao-duyên.

Mây dẹt hồng-lâu-mộng

Dăng khắp trời vô-biên.

Em đắm chìm ảo-giới

Thoát khỏi lụy trần-duyên,

Hồn lênh-đênh chiếc bách

Trôi giữa suối Đào-nguyên.

Say-sưa hương gió mộng,

*Ngào-ngạt giấc mơ-tiên
Gió ơi ! Hỡi gió dịu-hiền,
Đưa ta về bến mơ huyền ly-taol..*

Bệnh-viện Huế
Một chiều nắng cuối Thu 1960
Tôn-nữ HỖ-KHƯƠNG

Tiếng chuông l ò n g



*Tiếng chuông lòng dệt buổi tan sương,
Đình lễ quy-y trước Phật đường.
Soi tỏ tâm-linh nhờ đức tuệ,
Rưới tan tục-lụy sẵn cành dương.
Giữ niềm bác-ái không sai chệy
Thời bệnh sân-si khỏi oán vương.
Tôi cũng như ai phường đạo-hữu,
Mong vào cửa Phật đến Tây-Phương.*

Mùa Thu năm 1960
ƯNG.BÌNH THỨC-GIÀ-THỊ

Mình ối !

F. L. N.



là gì



FERHAT ABBAS
Chủ - tịch F. L. N.

BÀ Tú vút tờ báo xuống đất, rồi vỗ vai ông

Tú :

— Minh ơi, trong các thời sự quốc-tế, sao vấn-đề Algérie cứ thấy nhùng-nhằng nhùng - nhằng hoài, Minh he ?

— Ừ, cứ cù - cưa cù-cưa mãi.

— Tại sao cù-cưa cù-cưa ? Pháp với Algérie sao không dứt khoát với nhau cho rồi ?

— Cái đó, Minh hỏi Đại-tướng De Gaulle.

— Em đâu có quen với Đại-tướng De Gaulle...

— Thì Minh hỏi Ferhat Abbas, (Fe-Ra A-Ba).

— Em đâu có quen với Hoàng-hậu Farah Diba...

Ông Tú cười ha hả :

— Hoàng-hậu Farah Diba... ăn - nhập gì với chiến - chiến Algérie ! Anh em Minh hỏi ông Ferhat Abbas, là lãnh tụ quân cách-mạng Algérie ấy chứ !

Bà Tú lấy tay xô khẽ ông Tú



BEN TOBBAL

đang nằm trên võng xuýt té xuống sàn nhà. Không, không phải bà Tú hung-dữ đâu. Bà đùa đấy thôi. Bà cưng ông Tú lắm. Tưởng ông té, bà vội vạng ôm lấy ông, hôn ông, và cười sặc sụa:

— Ai bảo Minh cứ hay chọc em ! Bây giờ Minh nói chuyện đảng-hoàng cho em nghe đi nào !

— Nói cái chuyện gì đảng-hoàng mới được chứ ?

MÌNH OI !

— Em muốn hiểu vấn-đề Algérie. Đọc báo ngày nào cũng thấy chuyện Pháp với Algérie mà em chẳng biết tại sao lại có chiến tranh Pháp với Algérie ? Algérie là thuộc-địa của Pháp, phải không Minh ?

— Phải.

— Thuộc địa từ hồi nào ?

— Nguyên-do tại một cái quạt mà Algérie thành ra thuộc địa của Pháp từ năm 1830.

— Cái quạt gì ? Quạt mo hả ?

— Cái quạt lông... Trước đó, thời vua Louis XVIII Pháp có vay của Algérie 5 triệu quan. Ngày 30 tháng 8 năm 1827, vua HUSSEIN - BEN EL - HUSSEIN của xứ Algérie tiếp viên lãnh-sự Pháp, đề yêu cầu trả món nợ. Lãnh-sự Pháp là Deval, trả lời xác-xược sao đó, bị vua Hussein tức mình cầm quạt đánh ngay vào mặt y. Đề rửa hận, ngày 14 tháng 6 năm 1830. Chính-phủ Pháp sai chiến thuyền đến đổ-bộ hải-cảng Alger, và chiếm đóng luôn xứ Algérie. Ngày 5 tháng 7 1830, vua Hussein đầu hàng và ký hiệp-ước giao cả Algérie cho Pháp. Nhà vua trốn qua Naples (Italia), sang Alexandrie (Egypte), rồi chết nơi đây, hồi 73 tuổi, âm-thăm, tro-troi, không ai hay biết.

Từ đó, Algérie thành ra đất của Pháp.

— Algérie ở đâu, hả Minh ?

— Ở Bắc-Phi, dọc theo bờ Địa-trung-Hải, chỉ cách hải-cảng Marseille của Pháp 770 ki-lô-mét. Diện-tích đến 207.700 ki-lô-mét vuông, nhưng hai phần ba là sa-mạc. Dân số 10 triệu người, cũng xấp-xì như Nam-Việt ta. Riêng người Pháp sinh-cơ lập nghiệp ở đó từ lâu đời, đông chừng 800.000 người. Hầu hết người Algérie là giống dân A-Rap.—Muslimans—theo Hồi-giáo. Và họ rất dưng-cảm. Tuy năm 1830 Hussein bỏ Algérie cho Pháp làm thuộc-địa nhưng hai năm sau, 1832, dưới thời Pháp - Hoàng Louis Philippe, một nhà cách-mạng Algérie nổi dậy chống Pháp vô cùng, quyết-liệt. Bậc chiến-sĩ lừng danh ấy tên là ABD-EL-KADER (1807-1883), một vị quan-liêu có khí-phách anh-hùng như Hoàng-hoa-Thám. Cuộc chiến-tranh chống Pháp do Abd-el-Kader chỉ-huy, kéo dài từ 1832 đến 1847, cũng 15 năm như Cụ Đê-Thám nhà ta, và lịch-sử liên-tục chiến-đấu rồi đầu hàng, rồi tái-chiến, cũng y như vị « Hùm Yên-Thế » vậy. Bị thua trận cuối cùng năm 1847, ABD - EL-



K R I M B E L K A C E M

KADER bị bắt đưa sang Pháp, bị giam đến năm 1853, rồi được trả tự do. Sau đó, ông trở thành người bạn thân của nước Pháp. Nhưng ông vẫn để lại một gương anh hùng độc nhất trong lịch-sử chiến-đấu của Algérie, được toàn dân sùng bái.

— Thế rồi sao bây giờ lại chiến tranh nữa ?

— Lấy được Algérie, Pháp đòi xứ này thành ra lãnh-thò Pháp, chia làm ba tỉnh (départements) cũng giống như bên Pháp.

Chế-độ Algérie khác hẳn với Maroc và Tunisie là hai xứ Bảo-hộ của Pháp ở sát hai bên, và cũng không giống như Nam-kỳ, hay Trung kỳ, Bắc-kỳ của ta hồi Pháp-thuộc. Người Algérie gần gũi với Pháp hơn, và chế-độ chính trị hầu như tự-do hơn nhiều. Sau ABD-EL-KADER, Algérie rất yên tĩnh, không có những cuộc chống Pháp như ở Việt-Nam. Mãi đến 1954, sau khi Pháp trả độc-lập hoàn toàn cho Việt-Nam rồi, các phần tử cách-mạng Algérie mới noi theo gương Việt - Nam mà nổi dậy chống Pháp, đòi Độc-lập. Sự thực thì có hai đảng lớn do hai vị lãnh-tự cầm đầu.

— Hai đảng gì? Quốc-gia và Cộng-sản phải không ?

— Không. Cả hai đều là Quốc gia thuần-túy, và thủ-lãnh toàn là « dân Tây » cả, nghĩa là người trí-thức Algérie nhưng có vợ « Đăm », học ở Pháp, làm việc ở Pháp, nói tiếng Pháp... Hiện nay vợ của họ vẫn sống ở Paris, con của họ vẫn học tại các trường Lycées ở Paris... Một đảng là M. N. A. (Mouvement National Algérien — Phong-trào Quốc-gia Algérie), do ông già Messali Hadj cầm đầu. Nhưng đảng này ôn-hòa

quá, muốn thương - thuyết hòa-bình, phản-đối võ-lực, nên không được dân chúng ủng - hộ. Từ 5 năm nay chỉ còn đảng F.L.N. là công-khai tiếp-tục chiến-tranh với Pháp mà thôi.

— F. L. N. là gì ?

— Là *Front de Libération Nationale*, (Mặt trận Giải - phóng Quốc-gia) chủ-tịch là FERHAT ABBAS. Làm nghề bào-chế sư, hiện nay ông này đã 61 tuổi, con một vị quan lớn thời Pháp-thuộc, *caïd*, cũng như Đốc-phủ-sứ, hay Tổng - đốc của ta vậy. Trước có vợ người bản xứ, sau bỏ vợ, lấy vợ « Đăm » ở Alg-ri. Được cử làm nghị-viên dân-biêu của Pháp năm 1946, và nhập tịch dân Pháp. Bắt đầu tham gia kháng chiến năm 1956. Tuy là người Á-rập, (musulman), nhưng ông nói tiếng mẹ đẻ không trôi chảy bằng tiếng Pháp. Ông có một người con trai hiện đang học trường Lycée Pháp ở Tunis.

Ông là lãnh tụ F.L.N. và hiện làm chủ-tịch « Chính-phủ lâm-thời Cộng - hòa Algérie ». Ông diễn-thuyết hoặc tuyên bố gì gì cũng toàn bằng tiếng Pháp cả !

— Cái gì cũng theo Pháp mà lại chống Pháp ?

— Thời buổi mới, kháng chiến

dễ-dàng, ai cũng muốn kháng-chiến đòi độc-lập, để làm chúa-tề riêng một giêng-son, chứ chắc gì họ đã « vì Dân vì Nước »?. Thấy thiên hạ đua nhau làm Tổng-Thống ngon lành, nào là Luật-sư Bourguiba làm Tổng-Thống Tunisie, Đại-tá Nasser Tổng Thống Egypte, Thầy giáo K'ruma Tổng thống Ghana, thầy ký sở Bưu-điện Lumumba Tổng-thống Congo, thì Ferhat Abbas cũng hô hào Cách - mạng, đòi độc-lập để làm Tổng-Thống Algérie !. Chẳng qua vì quyền-lợi cá-nhân, vì ham giữ địa vị, chứ Cách-mạng mà đi xe hơi Huê-kỳ, đi máy bay Pháp, thì cách-mạng cái khi mốc !

— Còn ai là lãnh tụ kháng-chiến Algérie nữa, Minh ?

— BEN BELLA, 41 tuổi, trước kia làm Thượng - sĩ trong quân-đội Pháp, tham-gia kháng-chiến được làm Đại-Tướng Fellagha...

— FELLAGHA là gì ?

— Là kháng - chiến quân... (tiếng Á-rập) BEN BELLA đã bị bắt trên một chuyến máy bay, và bị giam ở bên Pháp. Hiện nay, chính-phủ lâm-thời Cộng-hòa Algérie (chưa chính thức), ngoài chủ tịch FERHAT ABBAS,



BEN BELLA

còn có hai vị lãnh tụ cao cấp khác, là BEN TOBBAL và KRIM BELKACEM. Ben Tobbal năm nay mới có 38 tuổi, trước là thợ làm bột, con một nông dân. Anh này thuộc về phe « quyết chiến » và chính anh mới là một tay cách-mạng chân chính. KRIM BELKACEM trước làm Trung-sĩ trong quân đội Pháp, năm nay 39 tuổi, hiện làm Bộ-trưởng Ngoại-giao của chính-phủ kháng-chiến. Cũng có vợ Đầm. Ngoài ra còn BOUMENDJEL, Luật-sư, cựu Nghị-sĩ Liên-Hiệp-Pháp, có

vợ Đầm và hai cô con gái đang học trường Đầm ở Paris.

Đó là mấy tay lãnh tụ kháng-chiến Algérie.

— Minh ơi, họ kháng - chiến theo kiểu đó, có được dân chúng ủng hộ không ?

— Dân chúng ?... Dân chúng hy - sinh xương máu, tài-sản, dè cũng-cổ địa-vị của một nhóm người có quyền-lực, có súng đạn. Chứ chắc gì Algérie Độc-lập rồi, dân chúng Algérie sẽ được hưởng tự-do, cơm no, áo ấm, hòa-bình, hạnh-phúc ?

— Đó là khi nào nhân-dân còn ấu-trĩ cơ chứ ?

— Đúng. Như ở Egypte, Tunisie, Ghana, Guinée Libéria, Congo, Madagascar, Indonesia, chẳng hạn. Thế cho nên, chỗ thì có nội loạn, chỗ thì đảo-chính, dù thất bại hay thành-công, rốt cuộc nhân-dân vẫn là nhân-dân khổ-cực muôn năm ! Em nghe rõ chưa ?

Bà Tú vừa cười vừa hôn ông Tú :

— Minh cũng muôn năm !

Diệu Huyền

người yêu đâu rồi ?

* ĐĂNG-PHƯƠNG



Hôm nay gã đã có tiền, có đến những 3.000\$ mà cha gã đã gửi từ tỉnh lên, để trả học phí và tiền trọ.

Gã định chiều nay, thứ bảy sẽ kiếm cho được một đào để cùng gã chung bóng cho đỡ lạnh lùng thân lẻ loi, nhất là lúc này mùa đông sắp đến..

Chiều lại, gã đứng trước tấm gương lớn, uốn éo như cô đào ci-nê làm dáng, và tự mỉm cười như bằng lòng cái vẻ mặt đẹp trai của gã. Gã sửa lại bầu áo, và vói tay ra sau túi quần rút

chiếc lược sừng, cẩn thận chải lại mái tóc « Bob Taylor » của gã, đã được xức qua một lần « gương » bóng mượt.

Sau cùng, trước khi đi gã lại nhẹ-nhàng nặng những cái mụn vô duyên trên gương mặt phong sương dày dặn.

Đến một rạp ciné, mà gã biết hôm nay chiếu một phim rất say mê, hấp dẫn, có những pha hôn nẩy lửa của ông vua không ngại « Clark Gable ».

Gã mua xong vé, tay cầm tấm chương trình, giả vờ đọc, chú kỳ thực gã đang đợi một bóng hồng lẻ bạn.

Chợt gã mỉm cười. Từ đằng xa, một thiếu-nữ đẹp với mái tóc B.B. với chiếc áo dài màu đỏ, bó sát người và khoét cổ. Át tiến lại guy-sê để mua vé.

Gã theo sát gót thiếu-nữ để vào rạp.

Từ trong bóng tối, anh chàng « phát-xưa » lò dò hiện ra. Tưởng là đôi tình nhân son trẻ, anh chàng mới dẫn 2 người vào chỗ nhiều bóng tối nhất, mà có lẽ anh chàng đã thuộc lòng. Xem độ 15 phút, gã bắt đầu « tấn công » cô ả. Gã dõ giọng tán tỉnh, bằng những câu nói văn hoa bóng bẩy mà gã đã được thuộc lòng trong những quyển tiểu-thuyết trư tình.

Thiếu-nữ im lặng...

Gã biết gã có hy vọng. Bây giờ đến đôi bàn tay của gã, nó thám hiểm một cách rất khéo léo, khoa học. Thiếu-nữ vẫn làm thinh, không phản ứng và chỉ khẽ mỉm cười trong bóng tối.

Gã thêm dạn dĩ, và... trên màn ảnh những chuỗi hôn nẩy lửa của anh chàng « Clark Gable » tặng cho cô đào, thì bên dưới này gã cũng không kém...

Cô ả cho biết, mình là một nữ sinh C.Đ.

Độ 2 giờ sau, cô ả xin phép ra về; bảo rằng sợ cha rầy.

Chỉ còn một mình gã, gã lại mỉm cười như thỏa mãn.

Hơi hương vẫn còn vương vấn đâu đây. Gã sung sướng huyết sáo nho nhỏ theo một điệu nhạc giựt gân từ màn ảnh.

Xem chán, gã ra về.

Đọc đường gã ghé vào một bar quen thuộc gọi chai bia và trững giỡn với cô chiêu đãi viên trong đôi chốc.

Đã 11 giờ đêm rồi, gã đứng dậy móc bóp để trả tiền. Chợt gã biến sắc...chiếc bóp đã không cánh mà bay mất với gần ba nghìn đồng trong đó. Gã nhớ rõ, gã đã bỏ vào bóp cẩn thận từ ban chiều. Ấy hay là... đúng rồi, cô tình nhân mới tán của gã đã « chóp » rồi: trong lúc cô ả ngả vào mình gã.

Trời! mỗi tình trong phút chốc lại tổn những 3000\$. Đắt quá...

Nào ai học được chữ ngờ!

ĐĂNG PHƯƠNG

HỒI KÝ

Một Đòi Người

PHẦN THỨ HAI

XXI

CÔNG - LÝ RA ĐỜI

(Tiếp theo P.T. số 46)

★ THIẾU-SƠN

TUY đảng Xá - hội không có người tham - gia chánh-phủ Nguyễn-văn-Xuân nhưng giữa hai bên còn duy-trì những liên-lạc xã-giao, thứ nhứt là anh Nosmas làm cố-vấn cho Thiếu-trưởng trong thời-gian « bí-mật » nay đã công-khai lãnh chức Đồng - Lý Văn-phòng cho ông.

Anh Nosmas làm quan cai-trị trong ngạch hành-chánh thuộc-địa, dưới quyền xử-dụng của Cao-ủy-phủ nay giúp việc cho một chánh-phủ Nam - kỳ tự-trị do Pháp đỡ-đầu chẳng qua chỉ là một sự bổ-nhậm, một cuộc thuyên - chuyển

của công - chức. Anh không cần hỏi ý-kiến và cũng không cần có sự chấp-thuận của đảng mặc dầu anh vẫn là đồng-chí của chúng tôi. Chẳng những có anh Nosmas là cộng-sự người Pháp, chánh-phủ Nguyễn-văn-Xuân hồi đó hình như còn có nhiều người Pháp khác giúp việc. Ta có thể gọi nó là một chánh-phủ Pháp-Việt cũng được.

Chúng tôi được mời tới dự một tiệc trà long-trọng ở dinh Gia-Long để ăn mừng tân chánh-phủ Thủ - tướng đích - thân mời - mọc chúng tôi một cách vồn-vã ân-cần giữa một số đông quan khách Pháp-Việt sang trọng và quyền-

quí. Trong đám các vị tổng-trưởng có một nhà văn, một ký-giả, một đồng-nghiệp của tôi: ông Trần-văn-Ân, phụ-trách bộ Thông-Tin.

Tân chánh-phủ muốn gây một xúc - động tâm - lý nên trước hết muốn làm vui lòng làng báo Việt-Nam. Mặc dầu đảng đã có tờ Justice xuất bản hàng-tuần, chúng tôi thấy nên có thêm một tờ báo Việt-ngữ ra hàng ngày.

Từ trước đến nay chúng tôi chưa hề xin-xỏ một cái gì với những chánh-phủ « Nam-kỳ tự trị ». Tờ Justice xuất-bản theo qui-chế báo-chí Pháp, không cần xin phép, mặc dầu về sau chúng tôi có thêm phần Việt-ngữ.

Nay muốn ra một tờ báo Việt hằng ngày chúng tôi buộc lòng phải đệ-đơn xin phép tới ông Tổng-Trưởng Bộ Thông - Tin. Chúng tôi nghĩ rằng đây không phải là một nhượng-bộ vì cứu cánh sẽ chứng-minh cho phương-tiện. Hơn nữa, khi người ta đã sẵn lòng dơ tay cho mình bắt thì mình cũng không nên bỏ lỡ một cơ hội để có thêm một khí-giới cho cuộc chiến đấu của mình.

Tôi đứng tên xin ra tờ Công-ly hằng ngày và đã được ông Tổng-Trưởng ký tên cho phép

cùng một lúc với mười mấy tờ báo hàng ngày ở Thủ-dô.

Đảng không có tiền và anh em trong đảng cũng không ai có tiền bỏ ra cho mượn. Sở-phí cho một tờ báo hàng ngày cố-nhiên là phải nhiều hơn sở-phí của một tờ báo hằng tuần. Vậy mà chúng tôi đã dám cho tờ Công-ly ra đời với một số vốn không đầy 700 đồng bạc, rút ra ở số tiền bán sách của tôi.

Các đồng-chí Pháp vẫn tiếp-tục cho ra tờ Justice hằng tuần. Tờ Công-Lý hoàn toàn về phía Liên-Chi Việt-Nam chịu trách-nhiệm. Tôi làm chủ-nhiệm kiêm chủ-bút. Dương-tử-Giang làm thơ-ký tòa-soạn. Thanh-Phong, vợ-bút, phụ-trách cả công-việc "thầy cò". Âu quang-Cảnh trước đứng tên quản-ly Justice nay cũng chịu đứng tên quản-ly cho Công-Lý luôn. Ông quản - lý đứng ra chịu trách-nhiệm trước pháp-luật nhưng thật sự chẳng mấy khi ngó ngang tới tờ báo. Thành ra chúng tôi chỉ còn vòn-vẹn có 3 người để cho tờ báo mỗi ngày được ra mắt độc-giả đều đều. Chúng tôi mượn in ở nhà in Saigon-Mới của bà Bút-Trà. Nhứt nhứt tiền in, tiền giấy đều thiếu trước, trả sau. Không

có tiền mua bản Tin-tức, ông thơ-ký tòa-soạn phải đạp xe máy tới chép tin tức ở Phòng Thông-Tin. Vì ít người nên người nào cũng phải viết nhiều, có những đêm phải thức tới 1, 2 giờ đêm để viết. Vậy mà hề rảnh là phải chạy đi lo tiền bằng cách xin quảng-cáo của các bạn quen, những ông chủ nhà thuốc, chủ hãng buôn phần nhiều là những người không cần rao hàng nhưng sẵn sàng ủng-hộ.

Báo ra có 2 trương bán 0\$50, đồng một khổ và đồng một giá với mười mấy tờ báo hàng ngày ở Saigon lúc bấy giờ, nghĩa là vào khoảng tháng 11 năm 1947. Tất cả các tờ báo nói trên đều đứng chung một lập - trường là chủ-trương thống - nhất, chống - đối phân-ly, ủng-hộ kháng-chiến và tranh-đấu ráo-riết cho độc-lập thật-sự. Cái cảnh-tượng đó thật là hi-hữu và thật là đẹp để vô-cùng. Nhưng đứng về phương-diện buôn-bán thì cũng thật là nguy-hại vì tờ nào đại-loại cũng giống như tờ nào, số độc-giả bị cao và rớt cuộc nẫu-hết đều than lỗ. Cũng may là tờ Công-Lý không bị lỗ, một phần nhờ cam-tình của bạn đọc, một phần nhờ tình-giam được rất nhiều những chi-tiêu về tòa-soạn và bai-vở.

Báo Justice ra số đầu vào khoảng gần cuối năm 1945. Sau

khi Saigon đã thất thủ, các ông thực-dân, được bảo-vệ bằng thần công thiết-giáp, tức thời quên hết những nhục-nhẫn ti - tiện trong thời-kỳ Nhật-thuộc và lên mặt lên mày với dân-tộc Việt-Nam như đối với những kẻ thù không đội trời chung. Các ông muốn bắt ai thì bắt, muốn giết ai thì giết, muốn sang đoạt gia-tư tài - sản của người ta thì cứ việc sang-đoạt.

Trong lúc đó nhân-đạo là một danh-từ mỉa-mai, công-ly đã thành ra vô-nghĩa.

Cũng trong lúc đó thì báo Justice lên tiếng đề binh-vực những nguyên-tắc căn-bản của loài người.

Justice lo binh-vực người mà không tự binh - vực được mình. Nó đã phải đương đầu với bao nhiêu cuộc tấn-công và thiếu chút nữa đã có người vì nó mà bỏ mạng. Nhưng nó đã được cảm-tình của độc-giả Việt-Nam và giữ vững màu cờ trong cuộc chiến-đấu vì chánh-nghĩa. Nay nó đã hết bị khủng-bố mà lại còn được tung-tu chiêu - chuộng. Người ta còn cho phép em nó được ra đời để mỗi ngày phụ-lực với nó mà làm việc. Em nó tức là tờ Công-Lý hằng ngày ra ngày 8 tháng 11 năm 1947.

Người ta hy-vọng rằng nó sẽ ôn-hoa hơn, dịu-ngọt hơn và có

mong muốn cho nó sẽ lần lần sửa đổi thái-độ, thay đổi lập-trường và trở thành một đồng-minh của họ. Nhưng ngay từ số đầu nó đã tỏ ra xứng-dáng với anh của nó. Nó đã trích-dịch những lời sau này của báo Justice.

« Công-lý ghét nịnh-bợ, ghét lòn-cúi, ghét truy-lạc. Công-lý yêu tự-do, yêu-đời, yêu lòng nhân-ái, yêu sự sáng-sủa, yêu cái cười thẳng thắn và đức thật-thà. Công-lý có một trái tim biết rung động, biết cảm-xúc, biết đau khổ. Công-lý ghét máu chảy và tôn trọng Hòa-bình. Công-lý đau khổ khi người ta khóc, người ta giết và người ta chết. Công-lý chột rạn khi người ta cười, người ta yêu và người ta sống ».

Lẽ tất-nhiên hồi đó Công-lý chưa có quyền cười mà còn có buồn phận phải khóc. Khóc đồng bào Việt-nam đang quần-quai kêu thương trong cảnh làm than khói lửa. Khóc thanh-niên Pháp đương làm mồi cho một trận giặc đế-quốc thực-dân. Nhà cầm-quyền Pháp hết tin-tưởng vào biện-pháp quân-sự đang muốn chơi những lá bài chánh-trị, nhưng là những lá bài nguy-hiểm có phương hại đến nền độc-lập của tổ-quốc và có thể kéo dài cuộc đổ máu không biết tới bao giờ. Họ cho người tiếp-xúc với Bảo-Đại ở Hồng-Kông và đương sơn

phết lại chiếc ngai-vàng cho phết-đổ. Họ mở trường Đại-học ở Saigon, mở rộng cuộc tuyên-truyền cho văn-hóa Pháp, mong thu-hút thanh-niên và lôi-kéo trí-thức thoát khỏi vòng ảnh-hưởng của kháng-chiến đê phụ-lực với họ trong công-cuộc « bình-định » ở Việt-Nam. Cố-nhiên là sự bình-định tinh-thần này vẫn đi đôi với công-cuộc bình-định bằng quân-sự. Người ta sẽ lợi dụng kháng-chiến, đứng sau lưng Bảo-Đại để « dâm-phán » với thực-dân. Mà một cuộc dâm-phán như thế tất-nhiên không đem lại được độc-lập thật-sự cho tổ-quốc mà cũng chẳng tái-tạo được hòa-bình ở Việt-Nam.

« Chánh-sách có mặt » không cho phép Công-lý thất-kinh với cá-nhân của những nhà cầm-quyền nhưng Công-lý vẫn trung-thành với lập-trường của đảng và quyết tâm phá những âm-mưu quỷ-kế của thực-dân.

Khi chủ-trương tờ Công-lý tôi thấy rõ công-dụng và giá-trị của một cơ-quan chiến-dấu xuất-bản hàng ngày. Trong khi thời-cuộc tiến-triền một cách mau lẹ, có những biến-cố xảy ra từng giờ, từng phút, muốn đối phó hữu-hiệu phải cần có tờ báo hàng ngày. Công-lý đã chiến-dấu một cách hăng hái và sẽ ngã gục như một người chiến-sĩ. Tôi sẽ còn nói tới nó ở những chương sau.

(Còn tiếp).

GÉRARD BAUCHE

ÔNG VUA
TỦ SẮT

LANGESSE cách xa Montargis (Pháp) hai chục cây số. Qua một dãy rào sắt vĩ đại, ở xa xa người ta đã nhìn thấy 3 dãy cây tiêu huyền, cắt xén tỉ-mỉ như những chùm lông rất mỹ-thuật. Đây là một tòa lâu đài, tuy mới xây cất lối chừng gần một thế-kỷ nay, nhưng không kém phần cổ kính đặc-biệt của nó. Mái nhà thì làm bằng đá đen đúng như kiểu các tòa lâu đài thời kỳ phục hưng; các cửa sổ cao ngệu không khác chi cửa hồi thế kỷ 17, vọng tháp được xây

cắt rập theo khuôn các kiểu hồi thế kỷ 19, v.v... Tòa lâu đài này cất trên một khoảng vừa rùng vừa ruộng, rộng 435 mẫu tây. Người chủ cũ của nó là một viên đại-úy hồi hưu. Vị sĩ quan này đã đem bán lại cho ông Bauche cha vào năm 1939 với giá bạc là 1.600.000 quan để lấy lời 100.000. Sau khi mua xong thì tòa lâu đài cũng vẫn chưa có ai ở. Bà vợ

ông, lúc đó còn ở Grasse (Pháp), còn người con ông là cậu Gérard

vẫn còn ưa sống cuộc đời lang thang. Trên đây là cái nhìn đại cương vào tòa lâu đài của một gia đình tỹ-phú chuyên sản xuất

* TRỌNG-TÁU

các loại tủ đựng bạc.



Bạn vào một tiệm bán đồ cũ, một phòng bán đấu giá, v.v... bạn thấy có bày một cái tủ sắt, nếu chịu khó đứng một hồi lâu, chắc chắn thế nào bạn sẽ gặp một vài khách, ra về biết nhiều ngấm nghĩa chiếc tủ đựng bạc và thốt ra đôi ba tiếng phê bình như sau :

— Tôi dám nói chắc, không có thứ tủ nào tốt bằng tủ «Bốt».

hoặc :

— Tủ « Bốt » đây ! Thứ này tốt nhất đây !

hay là :

— Tôi có tiền, nhất định chỉ sắm tủ « Bốt », chứ thứ khác thì nhất định là không ham.

Tủ « Bốt » là gì mà nhiều người ưa thích thế ? Thừa rằng : Tủ « Bốt » là một loại tủ sắt tầm tiếng trên thế giới mà hầu hết những người có tiền, có quý vật muốn cất ở tại nhà đều muốn mua về để đựng cho « cẩn tắc ». « Bốt » là một họ của gia đình họ được âm thành tiếng Việt-Nam. Xưa kia, ở Pháp, có một anh thợ họ Bauche đã nghĩ ra được một

cách làm cái tủ đựng tiền thật dày với những lớp sắt chất cứng rắn, để cho những người dư ăn dư để có chỗ đựng của nôi của mình mà không phải lo sợ gì cả. Sau này ông già Bauche truyền nghề cho con rồi cho cháu. Qua tới 3 đời của giòng họ Bauche, khi tới Gérard Bauche thì chiếc tủ sắt đã biến đổi rất nhiều. Nghề sản xuất tủ sắt trở nên một kỹ nghệ vô cùng tinh xảo. Từ cái cánh cửa tủ sắt nặng nề, từ cái bản lề, cái bực, cái khóa, mọi thứ đều được nghiên cứu rất tỷ mỉ để đi đến mức chế tạo thật hoàn mỹ. Có những gia đình, chỉ vừa đủ bát ăn, cũng cố mua cho kỳ được một cái két sắt, không ngoài mục đích trưng dọn và gây uy tín một phần nào cho chủ-nhân. Cũng có người mua sắm tủ sắt với mục đích thiết thực là để đựng các món đồ quý giá.

Vào một cửa tiệm, cái liếc mắt đầu tiên của kẻ tò mò là đặt nhãn quang vào chiếc tủ. Trong công sở, tại tư sở, nói tóm lại đâu đâu phải xài tiền đều có đặt một tủ sắt. Có một điều lạ là dù tủ sắt đó không phải của mình khách vẫn muốn cái tủ phải là

hiệu « Bốt ». Đó là nói những kẻ muốn tỏ ra sành đời. Đừng tưởng rằng chỉ ở đô-thị người ta mới biết dùng tủ sắt. Hầu hết các nhà giàu ở vùng quê đều có tủ sắt trong nhà.



Ông Bauche cha là một nhà kỹ-nghệ chuyên sản xuất tủ sắt và bán đường. Cậu Gérard, con ông, sau này cũng nối nghiệp thân phụ, nhưng chú trọng đến ngành kỹ-nghệ tủ sắt hơn là ngành làm đường.

Gérard Bauche thuộc vào một loại tỷ phú hiếm có. Người ta cứ tưởng đâu Gérard Bauche, được nuôi dưỡng theo kiểu công tử nhà giàu thì sau này lớn lên cũng lại chỉ đến ăn hại thôi chứ có làm gì được nên đại sự. Nhưng, sự thực lại khác hẳn. Gérard là một thanh niên rất hoạt động, đến nỗi thiên hạ đã phải mệnh danh ông ta là « nhà tỷ phú lang thang ».

Muốn gặp được Gérard Bauche thì ít nhất phải dự tính trước một trò chơi « cúp-bát ». Nội trong có 12 tiếng đồng hồ, ông có thể ở Biarritz (Tây nam nước Pháp) Cannes (Đông Nam

nước Pháp), Londres (Anh), Genève (Thụy sĩ) có mặt tại văn phòng của ông ở đường Jean-Nicot ; có mặt ở trang trại Marly-la-Ville (Bắc nước Pháp) ; có mặt tại Pontailac (Gironde), tại Grasse, tại Langesse, Bazancourt là nơi đặt nhà máy làm tủ sắt ; đi du thuyền trên bãi biển đảo Corse ; ở Picardie. Ông di động như gió và chẳng bao giờ cho thư ký hay là mình đi đâu. Ông ngủ rất ít và có thể dùng cơm bất cứ ở nơi nào.

Gérard Bauche có 1 chiếc xe Delahaye, 1 chiếc Bugatti, 1 chiếc Hispano, 1 chiếc Talbot. Ông thường tự cầm tay lái và chạy nhanh cỡ 150 cây số 1 giờ.

Năm 1946, trong một cuộc đua thuyền ông đã được hội M. Y.C.C.A. trao tặng chiếc cúp vàng cân nặng 2ki-lô chẵn. Chính vì chiếc cúp vàng nặng quá cỡ ấy mà ông đã bị nhân viên sở thuế làm khó để đủ điều. Họ cho rằng ông muốn trốn sâu lậu thuế, giấu của bằng cách đó. Gérard Bauche, tuy rất tiếc vật kỷ-niệm, nhưng vì không muốn lòi thối với sở thuế, nên đành phải bán đi.

Gérard Bauche cũng đã theo ngành sản xuất đường của cha, nhưng không thành công mấy, nên nhất định chỉ chuyên chú vào nghề làm tủ sắt.

Một cái chìa khóa « Bauche » có 8 mô chìa hoàn toàn khác nhau, được sử dụng một cách rất máy móc khiến người ta khó lòng mà ăn cắp kiểu được.

Chính chìa khóa này, đã do ông nội của Gérard Bauche nghĩ ra, khi mới còn là một người thợ nguội tầm thường. Nhưng có một điều lạ nhất — mà Gérard đã thú thực — là ông đã dựng những đồ quý giá của ông trong chiếc tủ sắt của một hiệu cạnh tranh, hiệu Fichet. Ông rất tiếc rằng xưa kia, tại sao hai hiệu lại đi cạnh tranh với nhau. Thực ra, nghề làm tủ sắt luôn luôn sống rất vững và chẳng cần cạnh tranh cũng sống. Một người đã mua được chiếc tủ sắt rồi, dù có nghèo mấy đi chăng nữa, cũng ít khi chịu bán đi vì dù có để lại cũng không hao tổn gì cả. Và lại, thiên hạ vẫn hy vọng sẽ giàu trở lại kia mà. Đa số, những người sống ở vùng quê heo lánh ưa sắm tủ sắt. Đối với lúa, với chất nổ, tủ sắt được coi như là một vật bền chắc hơn hết. Người ta thích mua các loại tủ sắt không

có chân để có thể xây dính xuống đất được. Mỗi khi đặt mua, những người nhà quê thường yêu cầu nhà sản xuất khi giao hàng, đóng hòm thật kín và dấu dưng cho ai biết đó là vật gì.

Nhà máy làm tủ sắt Bauche ở Bazancourt có tất 400 người thợ, sản xuất đủ loại, đủ kiểu. Để giữ hoàn toàn bí mật, nên hãng đã chế ra các loại tủ sắt giống như chiếc tủ lạnh, hoặc một món đồ thường dùng trong nhà.

Hãng làm tủ sắt luôn luôn được người ta đặt hàng không ngớt, bởi vậy mức cầu bao giờ cũng cao hơn mức cung. Do đó, vấn đề cạnh tranh không thể là một mối lo cho các chủ nhân ông hai hãng nói trên. Dùng tủ sắt Fichet (của một hãng đối lập) không phải vì tủ Bauche không tốt, mà chính vì trong thâm tâm, Gérard muốn tỏ một ý-chí hòa-dồng với nhà sản xuất bạn đó thôi. Bán một món đồ cho những nhà giàu mà làm không kịp bán, thử hỏi, từ bấy lâu nay, Gérard Bauche đã lượm bạc ghê gớm đến như thế nào?

Kỳ sau : Anh em Amar với 3 gánh xiếc vĩ đại nhất thế giới

(Tiếp theo P.T. số 47)

MỪNG Xuân nô nức bướm hương hoa
 Bạn vắng tin chờ ngán nỗi ta !
 Cuộc thế tình say nhiều mộng ảo,
 Bể trần chìm nổi mấy phong-ba !
 Trúc, thông, há ngại khi sương tuyết
 Mai, cúc, càng tươi vẻ ngọc-ngà.
 Sơn phần ngại-ngùng thơ ít vận,
 Ngoài song thô thể tiếng oanh ca.

Bà ĐỖ NGUYỆT-ANH
 117 Nguyễn-bình-Khiêm — Saigon

XUÂN về Bướm chú liệng kẻ Hoa,
 Bướm diều Hoa phỏ xứng lứa mà !
 Hoa nữ Bướm chào, Hoa chúm-chúm,
 Bướm đùa Hoa thẹn, Bướm dò-la.
 Hoa môn-môn gọi tình chan-chứa,
 Bướm địn-dàng khoe dáng thướt-tha.
 Hoa thắm tươi vui đời Thượng-Uyển,
 Bướm wa sắc đẹp, mãi la-cà !

DIÊN - HƯƠNG
 (Bác-sĩ Trần-ngọc-Án)
 Điều-trì Thi-xã — Saigon.

MỪNG XUÂN nô-nức bướm, hương, hoa,
 Cổ quận hiềm nay khuất nẻo xa !
 Sông Nhị như tuôn sần áo-nã,
 Núi Nàng còn gọi hận bin-ba.
 Đào về Hà-Nội thêm bi-thâm,
 Liễu rừ Hồ-Tây kềm thướt-tha.

*Đạo khúc Ly-hương ai đẩy tá ?
Gợi niềm xao-xuyến nổi lòng ta!*

LÊ-ĐẮC-HỒ (Bệnh-viện Chí-Sân)

★
DẸ T màu Xuân mới đẹp muôn hoa,
Xóa cảnh sầu voi, thích chí ta!
Tỉnh giấc Hoàng-Lương, ngủi vũ-bào,
Say vờn Bạch-Tuyết, lảnh yên-ba
Hận đời tròn, khuyết, lòa gương ngọc,
Giữ tiết thanh, cao, vẹn trúc ngà.
Cát bụi mặc dầu, chưa dễ lấp,
Tàn cao còn ngời tiếng Oanh ca.

LỘC DIỄN Hồ-văn-Tồn

(Tham-sự Sở dụng-cụ Ngoại-viện thuộc phủ Tổng-Thống — Saigon)

★
CẢNH đời già tuổi lại non hoa,
Vãng phục thiều-quang bạn với ta.
Hạc trắng ưa chơi thành Bạch-đế,
Rồng xanh thường giỡn chốn thanh ba.
Câu kình cầu phước nghe đầu tá,
Chén rượu chào xuân thấy đã già.
Vận hội khai nguyên trời một góc,
Tấc tình kim cỏ, mấy vần ca.

PHẠM LƯƠNG HÀN

(Ủy-Ban Phiên-Dịch S.L.V.N. Viện Đại-Học — HUẾ)

★
VUI cùng rẫy-bái, khắp phần-hoa;
Xuân tiết đẹp lành, đẹp cỏ hoa.
Sông núi điểm trang, toàn sắc gấm;
Cửa nhà chưng diện, đủ mùi hoa.
Dập-diu xe ngựa, phố tiền cửa;
Loè-let áo quần, hội bướm hoa.
Mê khúc Nam-Bình, say rượu thánh,
Vái thần, khai bút, vẽ lời hoa.

Lãng-Ba PHAN VĂN BỘ
(Chánh Lục-sự Tòa-Án Cần-Thơ)

TRUYỆN DÀI NGOẠI
QUỐC RÚT NGẮN,
HAI KỲ ĐĂNG HẾT

NHẬT
KÝ của
ANNE FRANK

(Xem P.T. số 47)

★ ĐIỀU - HUYỀN

NGAY trang đầu quyển
Nhật-ký của cô bé
13 tuổi, có mấy lời đề
tặng KITTY, một cô bạn gái
đồng lứa mà nàng hoàn-toàn bịa
đặt trong tường - tượng, Anne
Frank viết:

« Em mong trao được hết cho
chị tất cả những tâm sự của em,
trong lúc em chưa có thể trao cho
ai cả. Em cũng mong rằng chị sẽ
là một an-ủi lớn-lao nhất của

em... »

Một an-ủi, vì ngay Ba Má của
em và người chị của em cũng
đang sống trong giam-hãm, trốn-
tránh. Diễn-tả cảm giác tù-túng
sợ-sệt ấy, Anne Frank viết:

« Em tự cảm thấy bị đè-nén
nặng trĩu trong tâm-hồn, bởi
lẽ không bao giờ được đi ra
ngoài, và cứ lo-sợ rằng cả gia-
đình em ăn nấp mãi thế này
cũng có ngày sẽ bị khám-phá và
bị bắn chết, chị ạ... »

Tuy ở trong cảnh âm-thầm trốn

tránh, nhưng không sao tránh khỏi những cuộc cãi-vã vụn-vặt và sôi-nổi trong căn nhà ăn-trú lên-lút ấy. Ở chung chạ với nhau, mấy người lớn thường hay cãi-cọ nhau nhiều hơn hết. Cô nữ-sinh 13 tuổi chép trong Nhật-ký những ý-nghĩ hồn-nhiên lý-thú sau đây :

« Em thấy thật là kỳ-cục quái-gở, những người lớn lại ưa cãi-cọ lời thôi vờ bất cứ một chi-tiết nhỏ-nhất nào. Trước kia em cứ tưởng rằng chỉ có bọn trẻ nít như chúng mình mới quen thói cãi-lộn, đến khi lớn lên thì ngoan ngoãn...»

Cô em ghét nhất ông già Dussel, thầy thuốc nhỏ răng. Suốt ngày, ông cứ dạy khôn cho em trăm thứ chuyện, ngay đến việc gọt vỏ khoai ông cũng bảo :

« Ngày, Anne, hãy coi đây, coi tôi cầm con dao như thế này này... tôi gọt từ trên gọt xuống như thế này này... không phải gọt như thế kia... phải gọt như thế... này, thấy không?...»

Má của em cũng hay gắt gỏng với em. Anne Frank buồn lắm, vì :

« Má em không hiểu em. Má em cứ muốn bắt buộc em mọi lời nói, mọi hành-động, mọi cử-chỉ, đều phải làm đúng như bà. Có

hôm em tức quá, em khóc thét lên, em bảo : « Con không phải trẻ-con nữa. Con không muốn lúc nào con cũng : Thưa má, vâng ạ, Thưa Má, con nghe rồi ạ, Thưa Má, con làm thế này có phải không ạ... » Ô! Má em không chịu hiểu rằng em đã lớn rồi! Em đã thành người lớn rồi cơ mà!...»

Một đoạn khác, em viết :

« Chỉ có Ba em, là khác. Em yêu kính Ba em lắm. Ba em là lý-tưởng của em. Ở trên đời này, em không quý-yêu ai bằng Ba em, vì ông khoan-hùng, rộng-lượng, ông hiểu em, ông chịu em... »

Một hôm, đứng nhìn sau cửa sổ, Anne Frank thấy dưới đường cái một cảnh tượng ghê-sợ, em chép trong nhật ký :

« Em trông thấy một đoàn người vô tội, cả bà già, con trẻ, ai cũng kêu khóc thảm thiết, bị một bọn lính Đức lừa đi như một bầy súc vật... Chúng nó lấy báng súng đập vào tù-nhân, những người yêu nước chống chế-độ độc-tài, bị chúng nó đàn-áp, trói tay, đánh đập, lừa đến lao tù... Muôn triệu người chờ-đợi sự giải-phóng... Biết bao triệu người

chờ-đợi cái chết ! . . .

Em bé Anne Frank bị xúc-động mãnh liệt. Em bức tức, dẫy-dụa, muốn hét lên, muốn la lên thật to, nhưng, than ôi, đâu có dám la, dám hét ! Đâu có dám hé miệng nói được một tiếng nói giải-thoát cho tâm-hồn bị áp-bức :

« Mỗi ngày Ba em cho em uống thuốc Valériane để em trấn tĩnh tinh-thần. Nhưng em biết một vị thuốc hiệu nghiệm hơn, là cười, cười cho hả dạ, nhưng, ở đây, chúng tôi đã học tập « cấm cười » !

« Kitty thân yêu ơi, em muốn đi ra, em muốn hít không-khí, em muốn cười ! Nhưng em muốn... mà nào em có quyền được muốn ! Em năm xuống đi-văng, em cố ngủ cho rút ngắn thời-gian, rút ngắn im-lặng, rút ngắn sự kính sợ hãi-hùng... Ôi cái vòng tròn... cái vòng kính-tòm, hãy nở rộng ra, hãy mở to ra cho ta ! . . . »

Hai năm. Anne Frank thêm được hai tuổi. Bây giờ em đã 15 tuổi. Hai năm sống trong ác-mộng, nhưng tâm hồn của em và trái tim của em vẫn này-nở... vẫn tô-diêm giắc mộng xuân-tình vừa chớm

ny. Chung một căn gác trốn tránh cả ba gia đình, có một cậu con trai Peter, con của ông bà Van Daan, Peter 16 tuổi. Suốt hai năm, em Frank không có một chút thiện-cảm nào với chàng cả :

Ngày 14-8-1942, Frank viết trong Nhật-ký :

« Peter là một thằng quý-sú. Cái mồm hăn cứ nói oang-oác cả ngày, mà lại nhút-nhút. Chỉ làm bạn với con mèo Mouschi của hăn là được. Em không thể nào làm bạn với hăn được. »

Ngày 2-9-1942 :

« Peter lười-biếng số một, lại chỉ lo ăn rồi nằm. Chẳng ai để ý đến hăn cả. »

Ngày 2-10, Anne cho hăn trái pôm, hăn mỉm cười, nhận lãnh và cảm ơn. Anne chép trong nhật-ký :

« À, hôm nay em mới thấy Peter tỏ vẻ hơi tử-tế với em một chút ! »

Nhưng mười ba tháng sau, ngày 13-2-1944, Anne chép như sau đây :

Kitty ơi, từ hôm qua, có cái gì thay đổi trong người em, chị ạ. Em thật là vui sướng cảm thấy rằng Peter cứ nhìn em mãi...chàng

nhìn em một cách khác thường. Vâng, chàng nhìn em không như từ trước tới giờ... Em không thể diễn-tả rõ-ràng được... Em già-vờ cả ngày không ngó chàng, nghĩa là không dám ngó chàng nhiều, vì... Kitty ơi... mỗi lần em thấy đôi mắt chàng nhìn em..., rồi thì... rồi thì... thật thế, chị ạ, một cảm tình là-lạ, đẹp lắm chị ơi,... cảm em... không cho em nhìn chàng lâu... lâu... »

Bây giờ Anne Frank không nghi ngại nữa. Peter mời em lên trên phòng chàng để nói chuyện chơi. Peter ở riêng một căn phòng chật hẹp, trên một gác xép, từ buồng của Anne chỉ bước ba bước lên cái cầu thang là tới nơi, mà em bé diện áo đẹp, chải tóc, đeo găng, mang giày cao gót, như thể đi đâu xa khắp kinh-thành Amsterdam vậy. Thì ra tình-yêu đã mở rộng cái khuôn-khò của thế-giới hẹp hòi kia. Anne đã được tự do. Cánh cửa hạnh phúc đã mở toang ra để đón tiếp cô em 15 tuổi. Em xin phép Ba Má cho em học chung Pháp-văn và Thần-thoại Hy-Lạp với Peter. Đôi uyên ương thiếu-niên ngồi học chung một bàn, đầu kề đầu, vai sát vai, hoặc đứng cạnh nhau nơi cửa sổ, ngó ra vòm trời xanh thẳm cao vút mênh mông...

« Cứ như thế này mãi, và nếu em cứ cảm thấy tốt đẹp như thế này mãi, — kia mặt trời rực rỡ làm sao ! kia, trời xanh không mây ! — thì em không thể buồn được nữa. Em không nghĩ đến hoàn cảnh khốn khổ. Em chỉ nghĩ đến cái đẹp trường - tồn, vĩnh-viễn của tình yêu ! »

Bổng dung chị của Anne, là Margot, ghen hạnh phúc của em. Anne kiếm lời an ủi, an-ủi theo lối con nít :

« Chẳng lẽ em đã yêu Peter, rồi chị cũng yêu chàng hay sao ? Cái xe chỉ có bốn bánh, thêm bánh thứ năm nữa chị không thấy kỳ cục ư ? » Margot cãi lại : « Chị đâu có yêu Peter ». Nhưng hai chị em vẫn trao thư từ qua lại để đánh ghen với nhau trên giấy tờ. Sau cùng, Margot thương em, và bức thư chót của nàng trao cho Anne chỉ còn hai chữ : « Soyez heureux » (Chúc hai người có hạnh phúc).

Anne kể rõ đầu đuôi câu chuyện tình-duyên của mình, rồi viết tiếp như sau :

« Dưới mái nhà chật hẹp này, từ nay có ngọn gió ái-tình thổi mạnh. Một ái-tình chân - chính. Peter đẹp lắm ! Peter cười, hay làm nghiêm, gương mặt chàng cũng

xinh đẹp vô cùng! Chàng là tất cả sự tử-tế, sự nhã-nhận. Ba Má ơi! Trong lúc chúng ta bị cắt đứt liên-lạc với tất cả, với thế-giới ở ngoài, bị giam-hãm trong lo-âu, sợ-hãi, mà tụi con yêu nhau, sao tụi con phải gìn-giữ cách biệt nhau làm chi? Sao tụi con phải đợi đến tuổi trưởng-thành làm chi?...»

Ngày 1-8-1944, ba ngày trước khi nơi trú-ẩn bị khám-phá và tất cả gia-đình đều bị lính Đức đến bắt, Anne Frank còn viết trong nhật ký:

« Em vẫn tìm phương-tiện để trở thành người đàn-bà mà em mong ước, người đàn bà mà em sẽ có đủ tư-cách giữ địa-vị, nếu... nếu trên đời này không còn những người khác...»

« Nhìn trời, mây, trăng, sao, lòng ta êm dịu và đầy hy-vọng... Đó là một vị thuốc bổ cho tâm hồn, và hơn thuốc Valériane và bromure.»

Than ôi, đây là những câu

chốt của cô bé Anne Frank trong tập Nhật-ký của cô...

Do lời tố cáo của một kẻ khôn nan, ngày 4-8-1944, một tốp lính của ban trình-thám Đức, Gestapo, đến đập cửa căn gác bí-mật và bắt tống cả 8 người bỏ vào xe chở đi...

Tháng 2-1945, Anne Frank cũng như tất cả gia đình, trừ ông Otto Frank là thân sinh của cô còn sống sót, — tất cả đều bị chết trong hầm lửa của quân bạo tàn dã-man chủ trương tiêu diệt muôn triệu người vô tội của giống dân Do-Thái.

Anne Frank, cô bé 15 tuổi, đã bị thiêu ra tro, nhưng cô còn bỏ sót lại trong xó tủ của căn gác hoang tàn một tập nhật-ký vô cùng linh động, mà chúng ta được đọc qua hôm nay, với bao nhiêu hồi hộp, mến thương...

Dưới đây là di-bút của Anne Frank nơi trang chốt của tập Nhật-ký, đề ngày 1 tháng 8-1944, gửi Kitty thân-yêu trong tương tượng...

Donnerstag, 1 Aug. 1944.

Thiere lullie
 "En bundelke hegenfrisch" is de laatste van
 mijn tante. Die is de eerste van mijn familie.
 Een bundelke hegenfrisch, hem je wie praten
 metleggen met dat is? Wat is de laatste hegenfrisch?
 Heel kleine wasdenham het op het manieren
 indelgde worden het het alle hegenfrisch, hem
 op de van bundel in hegenfrisch van mijn tante.
 Het eerste is het gewone niet meer, open bij



Thi-sĩ BÀNG-BÁ-LÂN, giáo-sư các trường Trung-học Sài-gòn, từ nay sẽ phụ-trách thường xuyên mục « Những áng thơ hay ». Vừa nhà Thơ, vừa nhà Giáo, bạn Bàng-Bá-Lân có nhiều sở-năng khá-ái để giảng-giải mỗi bài thơ theo phương pháp sư-phạm mới-mẻ, đầy-đủ, hấp-dẫn, vừa lột được hết tinh-thần của mỗi tác-giả.

Nhân dịp ngày giỗ Thi-sĩ Nguyễn-nhược-Pháp (chết ngày 19-11-1938) bạn Bàng-Bá-Lân trình bày một bài thơ có giá-trị đặc-biệt của Tác-giả « Ngày xưa ». Số sau, nhân-dịp lễ Noël, sẽ trình bày bài Ave Maria của Hàn-mặc-Tử (chết ngày 11-11-1940.)

L.T.S.

✱ BÀNG - BÁ - LÂN

● SƠN-TINH, THỦY-TINH

Ngày xưa khi rừng mây u ám,
 Sông núi còn vang um tiếng thần,
 Con vua Hùng-vương thứ mười tám,
 My-nương xinh như tiên trên trần...

Tóc xanh viền má hây hây đỏ,
 Miệng nàng bé thắm như san-hô.
 Tay ngài trắng nõn, hai chân nhỏ,
 Mè nàng, bao nhiêu người làm thơ,
 Hùng-vương thường nhìn con yêu quá,
 Chắp tay nâng lên trời tạ ân;

Rời cười bảo xứng ngôi phò-mã,
 Trừ có ai ngang với thần-nhân.
 Hay đâu thần tiên đi lấy vợ,
 Sơn - tinh, Thủy - tinh lòng tơ
 vương,
 Không quản rừng cao, sông cách
 trở,
 Cùng đến Phong-châu xin My-
 nương.
 Sơn-tinh có một mắt ở trán,
 Thủy-tinh râu ria quăn xanh rì.
 Một thần phi bạch-hổ trên cạn,
 Một thần cưỡi lưng rồng uy nghi.
 Hai thần bên cửa thành thi lễ,
 Hùng-vương âu yếm nhìn con
 yêu.
 Nhưng có một nàng mà hai rề,
 Vua cho rằng thế cũng hơi nhiều
 Thủy-tinh khoe thần có phép lạ,
 Dứt lời, tay hất chòm râu xanh,
 Bất quyết hồ mây to nước cả,
 Dậm chân rung khắp làng gần
 quanh.
 Áo ào mưa đổ xuống như thác,
 Cây xiêu, cầu gãy, nước hồ reo,
 Lăn, cuốn, găm, lay, tung sóng
 bạc,
 Bò, lộn và cột nhà trôi theo,
 My-nương ôm Hùng-vương kinh
 hãi,
 Sơn-tinh cười, xin nàng đừng lo,

Vung tay niệm chú, Núi từng dài,
 Nhà lớn, đời con lồm ngồm bờ
 Chạy mưa. Vua tùy con kén
 chọn,
 My-nương khép nép như cành
 hoa :
 « Con đây phận đào tơ bé mọn,
 Nhân duyên cái đề quyền mẹ
 cha ! »
 Vua nghĩ lâu hơn bàn việc nước,
 Rồi bảo mai lừa hồng nhuộm
 sưng.
 Lễ vật thần nào mang tới trước,
 Vui lòng vua gả nàng My-nương.

★

Bình - minh má ửng đào phơn-
 phớt,
 Ngọc đỏ rung trên đầu lá xanh,
 Ngọn liễu chim vàng ca thánh-
 thót,
 Ngự giá Hùng - vương lên mặt
 thành,
 My-nương bên lầu son tựa cửa,
 Rèm ngọc lơ-thơ phủ áo hồng.
 Cánh nhạn long-lanh vờn ánh
 lửa,
 Mê nàng, chim ngẩn lưng trời
 đông.
 Rừng xanh thả mây đào man-
 mác,
 Sơn tinh ngồi bạch-hổ đi đầu,
 Minh phủ áo bào, hồng ngọc dát.

Tay ghì cương hồ, tay cầm lau,
 Theo sau năm chục con voi xám,
 Hực-hắc, lưng cong phủ gấm điều,
 Tắt bạc, kìm cương, vàng lấp-
 loáng,
 Sừng tê, ngà voi và sừng hươu.
 Hùng-vương trên mặt thành liễu
 rủ,
 Hón hờ thần trông thoáng nụ
 cười.
 Thần suốt đêm sao dài không
 ngủ,
 Màng ngài, mắt phượng vẫn còn
 tươi.
 Sơn-tinh đến lạy chào bên cửa,
 Vua thân ngự đón nàng My-
 nương.
 Lầu son nàng ngoạn trông lần
 lửa,
 Mi xanh lệ ngọc mờ hơi sưng.
 Quỳ lạy cha già lên kiệu bạc,
 Thương người, thương cảnh xót
 lòng đau.
 Nhìn quanh, khối tỏa buồn man-
 mác,
 Nàng kêu : « Phụ - vương ôi !
 Phong-châu ! »
 Kiệu nhỏ đưa nàng đi thoăn-
 thoắt,
 Hùng-vương mơ vịn tay bờ thành,
 Trông bụi hồng tuôn xa, xa lắt,
 Mắt nhòa lệ ngọc ngấn đầm
 quanh...
 Thoảng gió vù vù như gió bề,
 Thủy-tinh ngồi trên lưng rồng
 vàng.
 Yên gấm tung dài bay đỏ choe,
 Minh khoác bào xanh da trời
 quang.
 Theo sau cua đỏ và tôm cá,
 Chia đội năm mươi hòm ngọc trai,
 Khập khiễng bò lê trên đất lạ,
 Trước thành tấp-tễnh đi hàng hai,
 Hùng-vương mặt rồng chau ủ rũ,
 Chân trời còn phảng bóng người
 yêu.
 Thủy-tinh thúc rồng đầu kêu rú,
 Vừa uất vì thương, vừa bời kiêu,
 Co hết gân, nghiêng răng thần
 quát :
 — « Giết ! Giết Sơn-tinh hử
 hồn ta ! »
 Tức thời nước sủi reo như thác,
 Tôm cá quặng ngọc trai mà hoa.

★

Sơn-tinh đang kèm theo sau kiệu,
 Áo bào phơn-phất nụ cười bay,
 (Vui chỉ mẹ ai xinh mới hiền)
 Thần trông kiệu nhỏ hồn thêm say.
 Choàng nghe sóng vỗ reo như sấm,
 Bạch hồ dừng chân, lùi, vểnh tai.

*My-nương tung bức rèm đỏ thắm,
Sơn-tinh trông thấy càng dương
oai.
Sóng cả gầm reo lẫn như chớp,
Thủy-tinh cười lưng rồng hung-
hăng.
Cá voi quất mồm to muốn đớp,
Cá mập quẫy đuôi cuồng nhe
răng.
Càng cua lồm chồm giờ như mác,
Tôm kèn chạy quắp đuôi xôn-
xao.
Sơn-tinh hiểu thần ghen, tức
khắc
Niệm chú, dặt này vù lên cao.
Hoa tay, thần vầy hùm, voi, báo,
Đuôi quắp, nhe nanh, giờ vuốt
đồng,
Đạp long đất núi, gầm, xông xáo,
Máu vọt phì reo muôn ngàn hồng.*

*Mây đen hăm hờ bay mù mịt,
Sấm ran, sét động nổ loè xanh.
Tôm cá xựa nạy im thin thít,
Mỏ quác mồm to kêu thất thanh.
My-nương kính hãi ngồi trong
kệu,
Bống chọt nằng kêu, mắt lệ nhòa,
(Giọng kiêu hay buồn không at
hiều,
Nhưng thật dễ thương): « Ô!
Vi tai »*

★

*Thủy-tinh năm năm dâng nước
bể,
Đục núi hồ reo đời My-nương.
Trần-gian đâu có người dai thể,
Cũng bởi thần yêu nên khác
thường!*

NGUYỄN-NHƯỢC-PHÁP
(Ngày xưa)

BÀI trên đây là bài thơ đầu, mà cũng là bài thơ — theo tôi — có giá-trị nhất trong tập « Ngày xưa » của Nguyễn-Nhược-Pháp.

Câu chuyện sử « Sơn-tinh, Thủy-tinh » không lạ gì với tất cả chúng ta. Nhưng phải được nghe Nguyễn Nhược-Pháp

kể lại — mà kể bằng thơ — mới cảm thấy hết cái thi-vị và thú-vị của nó. Hơn nữa, lời thơ dí-dỏm, nụ cười hóm hỉnh của thi-sĩ càng làm cho câu chuyện thêm duyên dáng đậm - đà và có tính - cách khôi hài nữa.

Tác-giả như một ông tạo-hóa con người thông - thả nặn những nhân-vật xưa, cho diễn lại những

truyện cũ, rồi ngồi cao xem, cười lạng-lẽ một mình. Với Nguyễn Nhược - Pháp, không có gì là quan - trọng hết, dù là cuộc đời vua chúa hay thần-nhân.

Đọc thơ ông, ta vui nhưng không vui ồn - ào, không cười âm ỹ. Ta chỉ cười thầm, nhưng là nụ cười sâu sắc ý vị biết bao! Và ta thấy — cùng với tác-giả — mến yêu những người xưa tha-thiết.

Ta hãy xem tác-giả gây không-khí trước khi tạo nhân - vật để đặt cho đúng chỗ :

*Ngày xưa, khi rùng mây u-ám,
Sông núi còn vang um tiếng thần.
Con vua Hùng - Vương thứ mười
tám,
My - nương xinh như tiên trên
trần...*

Cũng vì thời ấy « sông núi vang um tiếng thần » nên người ta thường có dịp tiếp xúc với thần thánh và Hùng-Vương mới không kinh ngạc thấy :

*Sơn-tinh có một mắt ở trán,
Thủy-tinh râu ria quần xanh rì.
Một thần phi bạch hổ trên cạn,
Một thần cưỡi lưng rồng uy-nghi...
và cả hai thần cùng đến Phong-
Châu « xin My-nương ».*

Xin My-nương, vì thời đó

thần tiên cũng « đi lấy vợ » cũng để cho « lòng tơ vương » và — cũng như người trần chúng ta — thích khoe khoang :

*Thủy-tinh khoe thần có phép lạ,
Đứt lời, tay hất chòm râu xanh,
Bất quyết hồ mây to nước cá,
Đậm chân rung khắp làng gần,
quanh...*

cũng biết « lấy le » với gái :
*My-nương ôm Hùng-vương kính
hãi,*

*Sơn-tinh cười, xin nàng đừng lo,
Vung tay niệm chú : Núi từng dài,
Nhà lớn đời con lồm ngồm bò...*

cũng biết « dương vầy » trước người đẹp :

*Choàng nghe sóng vỗ reo như sấm,
Bạch hổ dừng chân, lùi, vênh tai.
My-nương tung bức rèm đỏ thắm,
Sơn-tinh trông thấy càng dương
oai.*

cũng ghen tức đến choảng nhau kịch-liệt :

*Thủy-tinh năm năm dâng nước bể.
Đục núi hồ reo đời My-nương.
Trần-gian đâu có người dai thể,
Cũng bởi thần yêu nên khác
thường!*

Cái cười của Nguyễn Nhược-

Pháp là cái cười trong sáng, thông-minh, tao nhã. Qua suốt cả bài thơ, ta thấy tác-giả luôn luôn tìm-tìm cười, nụ cười hóm-hỉnh nhưng hiền lành đầy tình thương mến.

Tả nổi lưỡng-lự, băn-khoăn của Hùng-Vương, ông có những câu rất dí-dỏm, thú vị:

Nhưng có một nàng mà hai rể,
Vua cho rằng thế cũng hơi nhiều!
và :

Vua nghĩ lâu hơn bàn việc nước.

Tả cái ghen của Thủy - tinh, ông hóm-hỉnh viết :

Trần gian đâu có người oai thế,
Cũng bởi thần yêu nên khác thường!

Nói về phép màu của Sơn-tinh, ông dùng chữ rất tài tình, linh-động :

Niệm chú, đất nẩy vù lên cao.

Đoạn tả hình dạng Sơn-tinh, Thủy - tinh và cuộc tranh hùng của hai thần có một vẻ đẹp hùng tráng của những nhân-vật trong anh - hùng ca. Xen vào đây, ta vẫn luôn luôn thoáng thấy nụ cười tinh nghịch của thi - nhân điểm xuyết cho câu chuyện thêm phần hứng thú. Ai đọc mà không phải buồn cười một cách thú-vị trước những hình ảnh kỳ cục

tức cười như :

Nhà lớn, đời con lôm-ngôm bỏ
Chạy mừa.

Và cảnh cua, tôm, cá đội những hòn ngọc trai đi dẫn cưới :

Khấp-khiêng bỏ lê trên đất lạ,
Trước thành tập-tên đi hàng hai.

Rồi chính những con vật vụng-về ấy lại đột nhiên trở thành một đạo binh kỳ quái, hùng-dũng một cách tức cười :

Tôm cá quăng ngọc trai mà hoa...

Cá voi quác mồm to muốn đớp,
Cá mập quẫy đuôi cuồng nhe răng.

Càng cua lôm-chôm giờ như mác,
Tôm kènh chạy quắp đuổi xôn-xao.

Tôm cá xua tay im thin-thít,
Mở quác mồm to kêu thất thanh.

Ta tưởng như xem những hoạt-họa khôi hài của Walt Disney trên màn bạc.

Ngoài ra, còn những câu tả cảnh chứa chan thú-vị làm cho người đọc phải đặc biệt chú ý, như :

Bình-minh má ửng đào phơn-phớt,
Ngọc đỏ rung trên đầu lá xanh.

Ngọn liễu chim vàng ca thánh-thót...

Rừng xanh thả mây đào man-mác,

v.v...

và những câu tả My-nương rất khéo : lúc nàng ben-lên khi vua cho « tùy con kén chọn » :

My-nương khép-nếp như cành hoa
cũng như khi nàng khóc nhớ lúc ra đi theo chồng :

Mi xanh lệ ngọc mờ hơi sương.

Nàng xinh đẹp, dịu dàng như vậy, cho nên chẳng những rất nhiều chàng say đắm :

Mê nàng, bao nhiêu người làm thơ!
Mà cả đến chim cũng phải đắm say :

Cánh nhạn long lanh vờn ánh lửa,
Mê nàng, chim ngán lưng trời đồng.



Xưa rày, nói đến Nguyễn.



★ CẨM CÂU.

Một ông ngồi câu ở bờ hồ Đà-lạt. Một người bạn đến gần bảo:

— Coi chừng Cảnh sát nhé bồ ! Chỗ này cấm câu đấy.

— Cấm câu hả ? Hèn chi tôi ngồi đây đã 3 tiếng đồng hồ mà không thấy một con cá !

BẢNG.BÁ.LẦN

MỒ HÔI NƯỚC MẮT



* NGUYỄN-VỸ

(Tiếp theo P.T. 47)

TÓM TẮT MẤY KỲ TRƯỚC

Ánh bị cảm thương-hàn khá nặng. Vì đêm trước Cai-Mão, người cha ghê tru manh và vũ-phu, dụ-dỗ Ánh làm nghề mài-dâm với một ông khách quen với y, Ánh cự tuyệt, bị Cai-Mão đánh. Ánh chạy trốn ra sân sau, bị dầm mưa cho đến khuya. Cai-Mão say rượu, ngủ mê. Má Ánh gọi Ánh vào. Ánh nằm trên ghế bở cạnh bếp, người nóng hực và bắt đầu mê-man.

Đ ÛNG dầm mưa ngoài trời rồi đau đấy, con ơi!

— Chết, con cũng không cần nữa là đau! Con còn mong chết nữa đó!

— Đừng có nói đại. Con nghe lời má, vô thay đồ đi ngủ.

— Đêm nay con ngủ ngoài mưa.

MỒ HÔI NƯỚC MẮT

Chị Tư nắm hai tay Ánh, kéo vào nhà, Ánh cố trì lại, hai mẹ con níu lại níu qua dưới trận mưa rào trong đêm tối. Nhưng có tiếng chị Năm Béo, nhà ở sát bên cạnh, từ trong căn nhà tối thui nói ra đồng dục:

— Cô Ánh, cô đứng dầm mưa tự này giờ, cảm thương hàn đa, cô!

Nghe tiếng nói của chị Năm Béo mĩa mai làm sao! Đó là chị mĩa mai chị Tư Rõ, mà thương xót cho Ánh. Tiếng nói của chị Năm Béo hiền từ nhưng chua chát, cố ý để cho chị Tư Rõ hiểu rằng cả xóm trong ngõ hẻm An-Bình này đều đã nghe hết những chuyện xảy ra trong gia đình chị Tư đêm nay.

Chị Tư nói thầm với con gái:

— Đi vô con, đề hàng xóm người ta cười...

Ánh suy nghĩ một lúc rồi lặng lẽ bước vô nhà.

Ánh thay đồ, lên ghế bở nằm. Ánh bắt đầu thấy on-ớn lạnh mà rờ lên trán lại nóng hổi. Ánh lấy mền đắp, một hồi lâu rồi run cầm-cập rồi Ánh mê man bất tỉnh cho đến sáng.

Chiều Ánh dậy được, nghe Mẹ nói có cậu học trò đến thăm, Ánh đoán biết là Hoàng, và từ hôm ấy trong tim nàng nảy ra một mối tình man-mác. Một mối tình? Cũng chưa phải hẳn là thế, vì lòng Ánh còn trong sạch, quá bình thản tự nhiên, đã biết yêu đương là gì đâu! Nhưng Ánh cứ thấy xao xuyến mỗi lần nhớ đến người bạn học cũ nghèo khổ như mình, đã lo lắng, săn sóc cho mình khi ốm đau bất ngờ. Và cũng từ hôm ấy Ánh nảy ra ý nghĩ muốn bỏ nhà ra đi, Ánh ghê sợ người Cha ghê vô lương-tâm muốn lợi dụng sắc đẹp của nàng để làm nghề buôn hương bán nhụy...

Ánh còn mong cho cơn nóng lạnh mau khỏi để Ánh ra đi phức cho rồi! Ánh lo sợ người cha ghê dã-man và nghĩ thầm rằng, nếu mình còn ở nhà thì thế nào cũng có ngày y đánh mình chết! Đã hai lần rồi y đã dụ dỗ mình, và xúi mẹ mình bắt ép mình phải bán thân vào cảnh sa đọa để y làm tiền. Lần này y đã cư xử với mình khốn nạn như thế, biết đâu mai hay một y sẽ tái diễn cái trò tàn bạo kia nữa thì mình sẽ chịu đựng được nữa không? Ánh rất đau khổ thấy mẹ Ánh quá sợ người « chồng » vũ phu, không

dám lấy lời lẽ can đảm y để bình vực cho Ánh. Lẽ nào mẹ Ánh mê tình-nhân đến nỗi ghê lạnh với con gái, để mặc cho y chà đạp lên tấm thân coi cút bơ vơ, mà bà lặng lẽ ngồi nhìn ! Ánh buồn hết sức, nhứt quyết lần này phải bỏ nhà, bỏ mẹ, ra đi, tìm một nơi nương náu để bảo vệ tấm thân thiếu nữ gặp cảnh đa đoan.

Ánh băn khoăn một khi ra đi lưu lạc, làm sao gặp lại Hoàng ? Không ngờ ngày nay trên đời Ánh lẻ loi hiu quạnh chỉ còn có người bạn trai hiền lành nghèo rách kia là xót-xa thương Ánh mà thôi ! Ánh cố nén lòng, ở lại rón chờ Hoàng đến, để hẹn với Hoàng một cuộc gặp gỡ, nói hết chuyện Ánh cho Hoàng nghe. Nhưng Ánh chờ cả ngày hôm sau, Hoàng không đến.

Tối hôm ấy, vào khoảng 10 giờ, Cai Mão về nhà, mặt đỏ như gấc, sặc sụa hơi men. Vừa bước vô cửa, y lẽ nhề hỏi :

— Con Ánh làm gì ở trong nhà he ?

Ánh còn mệt, đang nằm trên ghế bố, tay chân bủn rủn. Nhưng nghe tiếng cha ghé, Ánh ngồi vùng dậy, lặng-lẽ chạy ra sân

sau, vội-vàng leo hàng rào phên qua trốn bên nhà bà Năm Béo.

Má Ánh đã đi bán hàng đêm, trong nhà không có ai. Một ngọn đèn leo-lét treo trên vách tường. Cai Mão vào nhà lục-lọi sau bếp tìm không thấy Ánh. Y chửi thề ầm-ĩ, hăm he Ánh, rồi chửi cả chị Tư là « vợ » của y nữa. Một lát sau, người đàn ông lạ đêm hôm trước, đứng đỉnh bước vô nhà. Cai Mão vồn-vã tiếp đón :

— Thầy hai Còm - Mi ! Mời thầy ngồi chơi.

Hai người nói thăm-thì một chặp thật lâu.

Ở bên nhà chị Năm Béo, Ánh ngồi lặng lẽ một mình. Chồng chị Năm đã đi chơi vắng. Chị Năm và hai đứa con gái nhỏ của chị đứng nơi hàng rào dòm qua nhà Ánh, rình nghe cho biết tự sự. Hai đứa nhỏ cứ chạy ra chạy vô với Ánh, thì-thăm mét lại Ánh những điều chúng nó nghe thấy bên nhà nàng.

Hồi lâu, Cai Mão ra đi, để thầy Hai ngồi ở nhà một mình. Một lúc im lặng, Ánh khẽ leo hàng rào về nhà, bước nhẹ-nhẹ vào bếp, soạn áo quần của Ánh bỏ vào một cái dờ mây rách. Hình như người đàn ông lạ ngồi

nhà ngoài nghe tiếng động trong bếp. Y nhón gót giày bước vô, Vừa trông thấy Ánh, y nhếch mép cười rất lẳng lơ :

— Cô Hai làm gì đó, cô Hai ?

Ánh làm thình, lật-đật nhét đại vào giỏ mây những quyển tập, sách, và đồ vật của Ánh hồi đi học còn cất làm kỷ-niệm. Thầy hai Còm - Mi bước sấn tới :

— Cô Hai ! Cô đừng buồn nghe ! Tôi thương cô lắm...

Ánh không thềm trả lời, xách giỏ quay ra, đi churen không. Nhưng người đàn ông chặn lại :

— Cô Hai đi đâu ? Bữa nay tới tới đây để tặng cô Hai một ghim bạc còn tinh hảo đây nè, và một chiếc cà-rá.

Nói xong, y thò vào túi quần rút bóp tiền ra. Ánh đi dật lui đến cái bàn cạnh bếp, trên bàn có một con dao phay. Ánh đứng yên đó, ngó chòng-chọc vào mặt người đàn ông.

Thầy hai Còm - Mi cầm một ghim bạc và cái hộp giấy nho nhỏ, xinh xinh, đựng chiếc cà-rá. Miệng cười tình tứ, thầy bước đến gần Ánh. Ánh la lên :

— Lại gần tôi, tôi đâm đấy !

Ánh chụp con dao phay trên bàn. Người đàn ông nhứt-nhát, thấy bộ tịch của Ánh hung dữ, và nét mặt quả quyết, y không dám lại gần.

Ánh tay cầm con dao, tay xách giỏ mây, bước lẹ qua trước mặt người lạ, ra nhà ngoài đi thẳng luôn ra ngõ.

Ba mẹ con chị Năm Béo và mấy người hàng xóm đã đứng nấp bên ngoài, đợi coi Ánh đi đâu. Ánh còn quay lại vút dao phay vô cửa, rồi đi luôn một mạch ra đường lẹ. Những người ngó Ánh ra đi đều thấy đôi mắt Ánh tràn trề giọt lệ.

Không ai biết Ánh đi đâu. Họ chỉ thở dài, thương-xót.

Tay xách giỏ áo quần, Ánh đi ra đường Trần-hưng-Đạo, tới ngã-tur Nancy, thẳng đến xóm Bàn-Cờ. Ánh quẹo vào hai ba ngõ hẻm, tới trước một căn nhà lụp xụp, gõ cửa gọi :

— Cô Sáu !

Trong nhà, có tiếng một đứa nhỏ hỏi vọng ra :

— Ai đó ?

— Em Nhung ơi, mở cửa cho chị.

— Chị Ánh hả ?

— Ừ, Có Má ở nhà không em ?

— Dạ má em ngủ.

Cánh cửa mở. Ánh vào căn nhà tối-om Một ngọn đèn dầu hôi liu liu, điểm một chấm đỏ trên bàn thờ Quan-Công.

Em bé chạc 12 tuổi, hỏi Ánh:

— Chị Hai đến giờ này có chuyện gì không, chị Hai ?

— Chị đến ngủ với Nhung, chỗ không có chuyện gì hết, Nhung à.

— Sao bữa nay chị Hai không ngủ ở nhà ?

— Chị trốn nhà đến đây với Nhung.

— Sao Chị Hai trốn ?

— Sáng dậy chị nói chuyện cho cô và Nhung nghe. Bây giờ chị buồn-ngủ quá.

Trong căn nhà chật hẹp chỉ kê một chiếc giường gỗ chỗ hai mẹ con em Nhung nằm. Bên cạnh, treo một chiếc võng đã rách. Ánh để giỏ mây áo quần trên bàn, nằm lên võng. Nhung bảo :

— Năm võng muỗi nó thui chết, chị Hai ! Chị Hai lên giường nằm với em.

— Giường chật lắm, để chị nằm võng được. Có muỗi thì chị

đắp mền.

Căn nhà yên-tĩnh lại như trước, nhưng có tiếng võng đưa kéo-cà kéo-kẹt đều-đều. Tiếng võng đưa như kết-thúc tấn thâm-kịch riêng của Ánh, như diễn tả nỗi niềm xót xa nghiên-ngắm trong tim nàng.

Ánh không ngủ được, thao thức suốt đêm, phần bị muỗi cứ vo-ve bên tai và bu trên mặt nàng, phần đau khổ cho những chuyện đã qua, lo ngại cho những ngày sắp tới.

Sáng dậy sớm, Ánh thuật lại hết những điều đã xảy ra đêm rồi cho cô của Ánh rõ. Em Nhung ngồi nghe, cứ chắc lưỡi, thương-hại cho số-phận của người chị thân-yêu con cậu. Thím Sáu Tường là cô ruột của Ánh, tức giận vợ chồng chị Tư Rõ, thím chửi rủa không tiếc lời rồi bảo Ánh :

— Thôi, con ở đây với cô. Con gánh nước mướn ngoài phong-ten, cũng có tiền nuôi sống. Đừng về với đồ quạ mỏ đó nữa !

Từ hôm ấy, Ánh ở trọ nhà bà Cô ruột ở xóm Bàn-Cờ, và nghe nghe lời Cô, để kiếm tiền đủ sống tạm trong một thời gian, Ánh phải làm nghề đi gánh nước mướn. Ở đây hoàn-toàn mới lạ, Ánh không có bạn bè, nhưng dần

dần vì sự gặp mặt thường-xuyên hằng ngày, Ánh đã bắt đầu làm quen với năm bảy thiếu nữ, cùng lứa với Ánh, và toàn là bọn làm thuê ở mướn trong xóm Ánh tuyệt-nhiên không cho ai biết nàng nguyên là một Nữ-sinh trường Gia-long và đã thi đỗ bằng T.H. Đ.N.C. Ánh vẫn làm bộ mặt khờ khạo, ngây thơ. Nhưng tại em Nhung, con bà Có, hay đi khoe với mấy đứa trẻ nít trong xóm là "Chị Hai Ánh học giỏi lắm đó!", thành thử nhiều thiếu-nữ ở mướn không biết chữ nghĩa, và nhất là những cô nữ sinh trong xóm đâm ra ganh tỵ Ánh và khinh khi Ánh. Họ trẻ môi bĩu miệng, tìm lời chua ngoa kích bác cô nữ-sinh Gia-long đi gánh nước thuê. Nhan sắc thù mị và yêu-kiêu của Ánh càng gây ra bao kẻ dèm pha ghen ghét. Ánh vẫn thản nhiên, buồn bã, dịu hiền, phần chán cho cuộc đời xuân-xanh đìu-hiu âm-đạm, phần không thích giao-du với những người xa-lạ không cùng một cảnh ngộ. Ánh làm nghề gánh nước mướn này, kiếm cũng được khá tiền, nghĩa là đủ sống, không phải nhờ-và bà Cô và không làm bận đến bà. Chung-chạ với bọn gánh nước giành dặt ở phong-ten, Ánh tập được únh mền dẻo, khôn-

ngoan, chứ không nhiễm những thói côn đồ mất dạy, không bao giờ nàng bắt chước « chửi thề » như các bạn « đồng nghiệp », hoặc nói năng danh đá như họ.

Dần dần, ba tháng sau, Ánh quên những chuyện của người cha ghẻ, nhưng vẫn thương thờ bà mẹ hiền bị tên lưu-manh dè nén và đôi khi đánh đập chửi bới tàn nhẫn. Má của Ánh thuộc vào hạng đàn bà Việt-Nam « an thường thủ phận », tuy nghèo nhưng cam chịu phận nghèo, tuy bị người chồng vô-lại đối xử tàn ác, nhưng vẫn không bỏ được chồng, và còn lui-cui làm lụng để phụng dưỡng cho hẳn nữa.

Người mà Ánh thương nhiều hơn hết là Hoàng, Ánh buồn-bã nhớ Hoàng, không biết Hoàng ở đâu mà tìm. Người bạn học cũ có lòng cảm-mến thiết-tha với Ánh lại không biết Ánh ở đâu. Hỏi còn đi học, tuy là bạn thân với Hoàng nhưng Ánh cũng không bao giờ hỏi nhà Hoàng ở xóm nào.

Sau khi Ánh bỏ nhà ra đi, Hoàng có đến một lần để thăm Ánh. Hoàng thấy nhà đóng cửa. Hoàng có trở lại hai lần nữa. Lần sau chót, Hoàng gặp chị Tư Rõ đang ngồi trong bếp luộc hột vịt-

Hoàng hỏi :

— Thưa bác, Ánh có ở nhà không ạ ?

Bà Tư trả lời lạnh-lẻo :

— Nó đi đâu rồi.

Má Ánh không nói gì nữa. Hoàng đứng yên lặng một lúc thật lâu, hơi ngạc nhiên về thái-độ của Bà Tư. Sau cùng cậu khẽ hỏi :

— Thưa bác, Ánh đi đâu ?

Bà Tư gật gồng :

— Nó đi đâu ai mà biết được.

Cậu hỏi làm chi ?

Hoàng ốt-nhột, không dám hỏi nữa, chào Bà Tư, ra về.

Đêm sau, đoán đúng vào lúc Bà Tư Rõ đi bán hàng, Hoàng trở lại, lảng vảng trong ngõ An Bình, hỏi người lối xóm, Bà Năm Béo bảo :

— Cô Ánh bỏ nhà ra đi lâu rồi. Tại cha ghê hành-hạ cô, ép cô làm nghề bậy bạ, rước khách kiếm tiền.

— Thưa thím, thím có biết Ánh đi đâu không ?

— Tui thấy Ánh đi mà không biết cô ấy đi đâu.

Bà Năm Béo kể lẽ sự tình đầu đuôi các việc đã xảy ra tại nhà bà Tư Rõ khiến cho Ánh phải bỏ nhà trốn đi.

Xong bà hỏi Hoàng :

— Cậu có quen với cô Ánh hả ?

— Dạ, tôi là bạn học cũ của Ánh.

— Tội nghiệp con nhỏ giỏi quá chớ ! Chắc là cô ấy trốn đi lỵc tinh ! Từ khi chị Tư lấy cái thằng Cai Mão, thì Ánh cực khổ, thấy mà thương ! Trong xóm này ai cũng thương cô Ánh.

Hoàng ra về, hoang mang trong trí óc, chẳng biết số phận của Ánh hiện giờ ra sao. Hoàng càng thương Ánh, nhớ Ánh, và nghĩ thầm rằng khi nào cậu kiếm được việc làm, cậu sẽ giành dụm tiền, và đi tìm Ánh, lấy Ánh làm vợ. Hằng ngày những khi đi xin việc, Hoàng thường ghé quanh quần các nơi, tìm xem may ra có gặp được Ánh không ?

Ánh cũng thế. Gánh đôi thùng ra máy nước, để sắp hàng với các đôi thùng khác, Ánh cầm đòn gánh đứng dựa gốc cây, buồn bã không nói năng. Thoáng thấy trong đám người qua lại trên đường phố có chàng thanh niên nào dáng điệu hơi giống Hoàng, là nàng dăm-dăm ngó xem có phải Hoàng không. Ánh bùi-ngùi nhớ lại số tiền một trăm năm chục đồng của Hoàng gửi mẹ Ánh đưa cho Ánh

hôm Ánh bị cảm thương hàn. Nàng nhớ lại tất cả những câu chuyện của Hoàng với Ánh trước rạp hát Cầu Muối đêm trời mưa to. Nàng nhớ lại tỷ mỹ những cử chỉ thân mến, cảm động, của chàng con trai đối với nàng hồi cả hai còn cắp sách đi học trường Chợ Quán. Nhớ bao nhiêu lại thương bấy nhiêu. Thương bao nhiêu lại buồn bấy nhiêu ! Ánh nghĩ rằng nếu trong lúc này Ánh gặp Hoàng và Hoàng rủ nàng đi, bất cứ đi nơi nào, miễn là được đi với Hoàng, được ở với Hoàng, thì Ánh bằng lòng đi ngay.

Đi đi thôi ! Đi cho thật xa ! Đến nơi đất khách quê người, hai đứa thanh-niên nghèo cùng chung cảnh ngộ, yêu nhau và đùm bọc lấy nhau ! Ánh đâu có mơ tưởng gì hơn !

Gánh đôi thùng nước đầy trở về ngõ hẻm, đồ mướn cho các nhà trong xóm, hai vai nặng trĩu, Ánh còn phải bước mau, để kịp ra phòng-ten hứng một đôi nước nữa. Sáng dậy thật sớm, từ lúc 5 giờ, Ánh gánh nước cho đến 11 giờ, về nhà Cô còn lo cơm nước đỡ dần cô các việc gia-đình. 2 giờ lại gánh nước cho đến 6 giờ chiều. Ánh làm bếp, dọn cơm để sẵn đấy cho cô và cho em Nhung ăn trước,

7 giờ rưỡi Ánh đã phải quây đôi thùng ra phòng-ten gánh nước cho đến 9 giờ đêm. Các nhà hàng xóm phần nhiều đã khép cửa dọn dẹp đi ngủ, không cho Ánh đổ nước nữa. Bấy giờ Ánh mới quây đôi thùng nước cuối cùng trong ngày đem về đổ lu nước ở nhà. Xong rồi mới ăn cơm, dọn dẹp, rửa ráy rồi đi nghỉ. Biết bao nhiêu đêm, Ánh đặt lưng lên giường, trần-trọc không ngủ được. Nghĩ chuyện này chuyện nọ, buồn bã cho thân phận nghèo nàn coi cút, còn mẹ mà cũng như không, Ánh rưng rưng hai hàng nước mắt. Có khi Ánh gục mặt vào gối, khóc nức-nở...

Một hôm, nhớ Mẹ quá, Ánh nói với bà Cô :

— Thưa cô, con xin phép cô con về thăm Má con một ngày.

— Ừ, con cũng nên về thăm chị Tư, coi dạo này nhà cửa ra sao. Chắc con đi lâu, chị cũng nhớ con chớ.

Ánh định 7 giờ sáng về An-Bình, ở đấy một ngày với mẹ, đến 5 giờ chiều lại đi.

Vừa bước chửa vô nhà, Ánh đã thấy mẹ đang dọn dẹp sau bếp. Ánh mừng rỡ chạy đến nắm tay mẹ :

— Má ơi, Má có nhớ con không. Má ?

Nhưng chị Tư xăm mặt xuống liễn, giận-dối bảo :

— Mẹ con gì nữa, mầy !

Rồi chị làm thình, tiếp tục dọn dẹp, không hỏi han gì. Ánh ngồi xuống ngạch cửa, khóc.

Chị Tư Rõ động-lòng, và có lẽ ăn-năn lời nói vô tình vừa thốt ra, chị dịu-giọng bảo :

— Nếu mầy biết thương tao, thì mầy đâu có bỏ tao ở nhà một mình. Ba mầy chết rồi, thì còn có hai mẹ con mà mầy đành đoạn dứt ra đi, mầy nghĩ coi, vậy có phải là con có hiếu không ?

Ánh khóc âm-ức :

— Con không có hiếu mà bữa nay con nhớ Má quá, con về con thăm Má ?

Chị Tư cũng ngồi xuống ghế bố khóc thút-thít.

Ánh nói tiếp :

— Con vô phước vô phần cho nên Ba con mới chết oan ! Trong lúc gia đình tuy là nghèo, nhưng vẫn được đoàn tụ vui vầy, con được Ba Má chịu chuộng cho ăn cho học. Bây giờ con phải đành đoạn ra đi, xa mẹ xa con, đem thân ra làm tôi-mọi cho người, bưng thuê gánh mướn, đó là cái số của con bạc phận, chớ đâu phải lỗi tại con ?

Chị Tư Rõ lau nước mắt, dịu dàng với con gái :

— Má có đuổi con đi sao ?

— Má không đuổi con đi, nhưng Má nghĩ coi, con có ở lại nhà này thì chỉ tủi nhục cho Má chớ hay ho gì !

— Má làm gì mà tủi nhục ?

— Má còn hỏi nữa !

Hai mẹ con làm thình một lát khá lâu, rồi chị Tư Rõ hỏi :

— Từ hồi con đi, con ở nhà ai ?

— Con ở trọ nhà người quen.

— Ở đâu ?

— Ở Gò-vấp.

— Con làm gì ?

— Con đi ở mướn cho người ta.

Chị Tư Rõ đứng dậy, lại gần. Ánh :

— Thôi con đừng đi đâu nữa. Con ở nhà với Má.

Ánh khẽ đáp :

— Thừa Má, con thương Má lắm, nhưng con không ở đây được nữa đâu.

— Đạo này Má hay đau ốm, luôn, không làm ăn gì được. Con ở nhà đỡ dần với Má. Nói thiệt con nghe, từ ngày con đi, Má buồn hết sức vậy đó. Má nhớ con, Má cứ khóc hoài. Nay con về, Má giận con mà má cũng mừng chớ đâu phải má ghét bỏ gì con.

(Còn nữa)

NGHỆ THUẬT

CỜ TƯỚNG

* QUỐC - CHÁNH

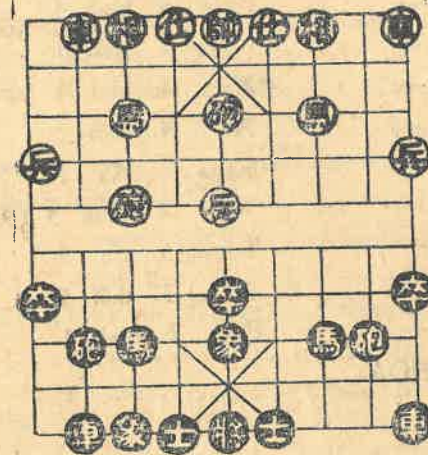
TUẦN - HÀ - PHÁO

Tên ván cờ = Tuần-Hà-Pháo đối Bình-Phong-Mã.

Tên đấu thủ = LÝ CHÍ-HẢI (tiên) THÁI-VĂN-HIỆP (hậu)

Nơi đấu = Sân vận-dộng Tỉnh-Vô Chợt lớn, ngày 17-6-1959

1 2 3 4 5 6 7 8 9



Ô. Lý chí Hải

Ô. Thái văn Hiệp

9 8 7 6 5 4 3 2 1

TIÊN

Pháo	2	binh	5	—
Ngựa	2	tấn	3	—
Chốt	7	tấn	1	—
Ngựa	8	tấn	7	—
Xe	1	binh	2	—
Pháo	8	tấn	2 (1)	—
Chốt	7	tấn	1	—
Chốt	5	tấn	1 (3)	—
Chốt	3	tấn	1	—
Pháo	8	binh	3 (Hình)	—
Chốt	5	tấn	1 (5)	—
Ngựa	3	tấn	4 (6)	—
Ngựa	7	tấn	5	—
Pháo	5	tấn	3	—
Tượng	7	tấn	5	—
Ngựa	5	tấn	6 (8)	—
Xe	2	tấn	9	—
Ngựa	4	tấn	6	—
Pháo	5	binh	8	—
Pháo	8	thối	1	—
Xe	9	binh	7	—
Xe	7	tấn	5	—
Pháo	8	thối	3	—
Pháo	8	binh	9	—

HÒA

LỜI BÀN :

(1) — Những nước cờ đầu hai bên đều dùng những thế xuất quân rất có quy cũ. Ông HẢI đi tiên đã dùng thế « **TUẦN - HÀ PHÁO** » để đánh, lối đánh Tuần - hà - Pháo của bàn cờ đi

HẬU

Ngựa	8	tấn	7
Ngựa	2	tấn	3
Chốt	7	tấn	1
Tượng	3	tấn	5
Xe	9	binh	8
Chốt	3	tấn	1 (2)
Tượng	5	tấn	3
Tượng	3	thối	5
Chốt	7	tấn	1
Pháo	8	tấn	2 (4)
Si	6	tấn	5
Xe	1	binh	3 (7)
Chốt	5	tấn	1
Ngựa	3	tấn	2
Xe	3	tấn	6
Pháo	8	binh	4
Ngựa	7	thối	8
Xe	3	binh	4
Xe	4	thối	2
Ngựa	8	tấn	7
Xe	4	binh	3 (9)
Tượng	5	tấn	3
Tượng	3	thối	5
Pháo	2	binh	1

tiên rất mạnh vì nó cho ta thấy bên đi tiên sẽ mượn con pháo tuần hà (Pháo 8 tấn 2) để mở đường cho con Ngựa 3 đi, như thế ở thế công mình sẽ eo đủ mặt các quân cờ trọng yếu và không bị kẹt một quân cờ nào cả.

Về phần ông HIỆP đi hậu, ông đã dùng bàn cờ thủ có thể nói là vững chắc nhưt trong các bàn cờ thủ là « **BÌNH PHONG MÃ** ». Bàn cờ Bình-Phong-Mã là một bàn cờ mà phần nhiều những người đánh cờ giỏi thường dùng nó để làm bàn cờ đi hậu, vì nó có một sức chịu đựng rất dẻo dai và rất khéo léo, nhưng nó chỉ hay với những người biết xử-dụng nó mà thôi; trái lại những người chưa biết xử-dụng nó mà dùng nó để đi sẽ bị chết quân và kẹt thế cho đến khi thua. (Xin hẹn cùng quý vị một vài bài sau tôi sẽ trình bày những bàn cờ Bình - Phong - Mã của những người mới biết xử-dụng một vài lần đầu, để so sánh với những bàn cờ do các tay danh kỳ đã xử-dụng nó).

(2) — Ông HIỆP là người đã xem rất nhiều sách vở nói về cờ-tướng và ông cũng đã sửa rất nhiều các nước đi của sách vở.

Ở đây ông HẢI đã dùng hế tuần-hà pháo là để mở lối đi cho con ngựa 3 đi; ông HIỆP đã dùng một nước cờ « **Cát sách** » để phá thế cửa địch thủ rất hay và đồng thời cũng mở đường cho con ngựa 3 của mình luôn bằng nước **Chốt 3 tấn 1**.

(3) — Thật là « **Danh bất hư truyền** », vừa bị địch thủ phá thế mình ở đường 7, ông HẢI liền đánh tiếp một đòn nữa khá dữ bằng đường giữa (đường 5) với nước cờ « **Chốt 5 tấn 1** »

Đi nước Chốt 5 tấn 1 có hai lối đánh ở những nước cờ về sau :

— Một là đi theo ý-định của mình bằng cách đi « **Chốt 3 tấn 1** » thì chốt để mở lối đi cho con Ngựa 3.

— Hai là có thể đổi thế công lại bằng thế « **SONG ĐỘI** »

(4) — Đi nước cờ « **Pháo 8 tấn 2** » là để tránh nước « **Xe 2 tấn 6** » mà địch thủ sẽ đi và đồng thời chặn lối đi của con Xe 9 của địch không ra được. (Đến đây nếu ông HẢI đi « **Xe 9 binh 8** » sẽ bị ông HIỆP đi « **Pháo 8 binh 2** » để thí Xe và bắt Xe luôn).

(5) — Tôi đây không thể đi nước cờ nào khác mà hay hơn nước « **Chốt 5 tấn 1** », đi như thế để chuyển thế đánh qua một thế

khác (Thế SONG ĐỘI) và cũng vừa cảng không cho địch-thủ dồn lực-lượng qua một bên để trả đòn mình bằng nước « Pháo 8 bình 1 ».

(6) Dự địch bằng cách để hong trống cho địch đánh, và trả đòn lại ngay bụng của địch.

Đi nước « Ngựa 3 tấn 4 » ông HẢI có ý gạt địch-thủ của mình đi nước « Pháo 8 bình 7 » để thí Xe và được lời một Tượng. thì ông sẽ lời trọn con Chốt đầu (Chốt 5).

Nếu ông HIỆP bên hậu đi :

TIÊN				HẬU		
Xe	2	tấn 9	—	Pháo	8	bình 7
Si	4	tấn 5	—	Pháo	7	tấn 5
Chốt	5	tấn 1	—	Ngựa	7	thối 8

Đến đây ta thấy bên hậu chỉ lời bên tiên một Tượng mà không làm gì được ; vì hiện giờ chỉ có một quân Pháo tại chiến trường thì làm gì cho bên tiên thua được, đầu bên đó là bên mỏng.

Trong lúc đó nớ lại phần đất của bên hậu, ta thấy các quân cờ của bên tiên đang tự-do thao túng, và sự nguy-hiêm đang hâm dọa nữa.

(7) — Chẳng những không bị địch-thủ gạt mà ông HIỆP còn đi nước « Xe 1 bình 3 » để tranh nước ra Xe thật khéo-léo.

(8) — Thấy không thắng được địch-thủ ở bàn cờ đi tiên, tới đây ông HẢI đã muốn thí quân để đánh hòa, nên ông đi « Ngựa 5 tấn 6 » để buộc bên hậu phải đi « Pháo 8 bình 4 » ăn Ngựa thí Pháo và thí luôn con Xe 8.

(9) — Đến đây có lẽ ông HIỆP có nhà ý muốn đánh hòa với ông HẢI nên mới đi nước « Xe 3 bình 4 » để thí Xe.

Nếu muốn đánh ăn thua với ông HẢI thì ông HIỆP đi nước « Xe 4 tấn 2 » để bắt chết một quân Chốt, và kéo dài ván cờ ra thì phần thắng lợi có lẽ sẽ nghiêng về phần ông HIỆP, vì hiện giờ ông còn 4 quân cờ : XE, PHÁO, NGỰA và CHỐT rất mạnh thế đánh hơn 4 quân cờ : XE, 2 PHÁO, CHỐT của ông HẢI.

Sách báo mới

★ **Việt-sử Tiêu-Án.** — Từ Hồng-Bàng đến nhà Minh.

Nguyên văn chữ Hán của NGÔ-THỜI-SĨ, (1726-1780) do « Hội Việt-Nam Nghiên-Cứu Liên-Lạc Văn-Hóa Á-Châu » dịch ra Việt-văn- Văn-Hóa Á-Châu xuất bản.

Quyển *Việt-sử Tiêu-Án* « nêu lên những nghi-vấn và phê-phán về lịch-sử Việt-Nam, qua các bản cựu-sử từ đời Hồng-Bàng đến hết thời kỳ Minh-thuộc (1428) ».

Quyển này rất cần-thiết cho những bạn nghiên-cứu Việt-sử. Dày trên 300 trang, giá 70đ 00

★ **TRẺ EM ĐỌC, TRẺ EM CHƠI.**

(của QUỐC-MỸ, Thư-Lâm xuất bản.)

Những bài tập đọc bằng thơ lục-bát, kể những mẩu chuyện ngắn, linh-dộng, vui-vẻ, lý thú, để các em vừa tập đọc vừa tìm hiểu các chuyện vui đùa.

★ **Thử Thách,** Tiếu-thuyết của TRIỆU-TRIỆU.

(Nguyễn-đình-Vượng xuất bản.)

★ **Giảng-luận Việt-văn.** Thi Tú-tài và T.H.Đ.N.C.

(Ban Tu-Thư của tạp-san Giáo khoa « Siêng Học » xuất bản.)

Do các giáo sư TRỊNH-VĂN-THANH, PHAN-HỒNG-LẠC, NGUYỄN-THANH-HIỆP, TRỊNH-VĂN-TẤN, TRỊNH-THANH-PHONG. Trên 1.000 trang. Giá 180đ.

★ **Tự Luyện Dịch Việt Pháp**

(của ông Nguyễn-vọng-Hộ, Giáo-sư Trung-học Thủ-khoa-Nghĩa Châu-dốc. Do Kim-Phụng xuất bản)

Sách luyện thi T.H.Đ.N.C. về Sinh-ngữ I cho các lớp đệ 6, 5, 4, và Sinh-ngữ II cho các lớp đệ 3, 2, 1. Tập 1. Vừa luyện dịch vừa giảng rõ từ-ngữ và văn phạm. Giá 25đ.



* ĐÀO KIỂM hay ĐÀO KIẾN

(của ông Huỳnh-thượng-Chí KBC 4216 — PLEIKU)

A.— Trong *Cung Oán* có câu : « *Áng đào kiểm đâm bóng nào chúng* ». Nhưng cũng có sách chép : *Áng Đào KIẾN đâm bóng nào chúng*.

— Theo *Tâm nguyên tự điển* của BŨU KE ghi : *Đào Kiểm* — *Hán-Việt Tự-Điển* ĐÀO DUY ANH chú thích : *Đào Kiểm* : má như trái đào — Ngã : con gái đẹp — *Việt-Nam Thi-Văn Giảng-luận* của HÀ NHƯ CHI chép : *Áng đào kiểm.. Luận-đề Cung-oán ngâm khúc* của KHAI MINH — DUY DIỄN cũng chép : *Áng đào kiểm..*

— Theo *Lược-khảo Cung-Oán ngâm khúc* của NGUYỄN KHOA chép : *Áng Đào-Kiến* và chú thích là *Đào-kiến phu nhân* — *Cung Oán ngâm khúc* của VÂN BÌNH TÔN THẮT LƯƠNG chép : *Đào Kiến..* và cũng chú thích *Đào-Kiến phu-nhân* và còn bảo : « Có lắm bản chép *đào kiểm* là *lâm* » (trang 29 sách này).

Vậy thưa Ông, hai lối giải thích này, ai đúng ai sai ? Nếu học sinh học của Nhà Giáo Hà-Như-Chí mà gặp Giáo sư theo sách Nguyễn-Khoa thì ảnh-hưởng thế nào ? (và ngược lại).

B.— Tại sao trong Pháp ngữ lối viết những chữ sau cùng của danh-từ người các xứ lại không thống nhất ? Ví dụ :

— Cũng thì chữ Việt-Nam sau cùng, mà người ta khi thì viết VIETNAM IEN mà không viết VIETNAMITE, như khi viết ANNAMITE mà không viết ANNAMIEN ?

— Người Nhật-Bản thì viết JAPONAIS mà không viết JAPONIEN.

— Người Tây-Ban-Nha viết ESPAGNOL mà không viết ESPAGNAIS hay ESPAGNIEN — Người Trung-Hoa viết CHI-

NOIS mà không viết CHINAIS hay CHINIEN, CHINITE ? — Người Mỹ, viết AMERICAIN mà không viết AMERICIEN, hay AMERICAIS... Người Madagascar viết Malgache mà không viết MADAGASCAIN. . Người Hung-gia-Lợi viết HONGROIS mà không viết HONGRAIS hay HONGRIEN v.v...

Thưa Ông, có một định luật nào để ghép như thế không? hay là gặp thuận sao viết vậy ?

● ĐÁP A.— *Đào-KIỂM*, chứ không phải *Đào-Kiến*.

Kiểm = gò má. *Đào-Kiểm* = má đào.

Chữ Kiến chỉ có nghĩa là cái kén của con tằm.

B.— Không có định - luật nào để ghép danh - từ về người, trong Pháp-ngữ. Chỉ thuận sao viết vậy, tùy theo thói quen do những người đầu tiên đã đặt ra, thành thông-lệ. Như hai chữ Annamite và Moscovite (de Moscou), là hai danh-từ bằng ites, hoàn-toàn không vì lý-do nào cả. Lại có những tên mang hai danh-từ khác nhau, như : Indiens, Indous, Japonais, Nippons, Algériens, Algérois, Formosans, Formosiens, Asiatiques, Asiens, v. v...

* Tiếng nói đau thương trong Bệnh - viện cùi.

(của cô Hàn-Lệ-Thu, bệnh-viện Qui-Hòa, Qui-nhơn).

... Vì chị ơi, lần nào cũng như lần nào, em cứ cảm thấy lo sợ, — sợ chị không thương em, nên lần nào cũng như lần nào, — em rụt-rè không dám viết.

Chị Diệu-Huyền của em, dù chị không phải thật là chị chẳng nữa, Hôm nay nhất định em cũng xin làm em chị đây, nếu chị không bằng lòng thì em khóc đấy... Em buồn quá, còn biết nói nỗi buồn cho ai, trong khi trơ - trọi ? Chị tưởng - tượng một thiếu - nữ đau khổ vì mang phải chứng bệnh nan-y, đêm đêm úp mặt vào gối nức-nở, tủi thân quá, chị ạ. Vâng, em gái của chị đang sống giữa lớp người đau thương dưới rừng dừa rợp nắng — nơi có 1 hi-sỹ Hàn-mặc-Tử thô hơi cuối-cùng ! Than ôi, sao số-kiếp của những người cùi ai-oán nào-nùng chi vậy !

... Chị kính yêu, nếu chị cho phép, em sẽ gửi vào chị một ít

thơ của em. Em của chị không phải là Thi-sĩ, song sống trong cảnh 30-năm bi-thương này chỉ có làm thơ là tự mình an-ủi được chút ít cho mình mà thôi. Thơ em đã được hân-hạnh bình nhiều lần qua các làn sóng-diễn đài phát thanh Huế, cũng như đã xuất-hiện rải-rác trên tạp-chí *Lành-mạnh* (Huế). Từ nay em chỉ mong thơ em được hân-hạnh đăng trong *Phổ-Thông*, người bạn tinh-thần độc-nhất của em hiện giờ... Em tin - tưởng nơi chị, nơi tạp - chí *Phổ - Thông*, nguồn an-ủi tốt đẹp, yêu-quý nhất của đứa em đau khổ...

* TẠP CHÍ PHỔ-THÔNG ở BÊN NHẬT

(của Ô. Thành-Chung — Gia-Định)

.., Vừa rồi tôi có một người bạn ở bên Nhật về. Bạn tôi có kể lại một chuyện cũng vui vui có liên quan tới tờ *Phổ-Thông* của Ông. Bạn tôi nói, hồi còn ở bên đó, cách đây chừng một tháng, vì một sự tình cờ mà bạn tôi lại có mặt trong một cuộc hội họp văn nghệ của các thi-sĩ Nhật-Bổn tại Đông - kinh. Trong câu chuyện đàm-thoại về văn hóa, một thi-sỹ Nhật có hỏi bạn tôi về một bài thi, bạn tôi nói hình như bài « Thi-sỹ và Trăng trong tù », thi phải, đã đăng trong tờ *Tạp-chí Phổ-Thông* của Ng Vỹ tiên sinh tại Saigon » (nguyên văn) của người Nhật. Các thi-sỹ Nhật đã hết lời ca tụng bài thi ấy và cho rằng toàn thể bài thi là cả một bức tranh thủy mặc của thời Trung-Hoa cổ, lời đẹp ý hay, kết thúc lại « siêu phàm » (theo lời bạn tôi nói). Đến chừng họ hỏi tới bạn tôi, thì bạn tôi lại đờ ra. Bạn tôi thú thực với tôi là : mình đã đốt thơ, họ lại đem thơ ra chất-vấn mình, làm mình cứ như *Từ-Hải* chết đứng ấy. Một nữ thi-sỹ Nhật lại nói với bạn tôi : Đọc bài thi ấy, tôi (nữ sỹ Nhật) có cảm tưởng là dân-tộc V.N. các anh có lẽ là Thi-nhân hết thấy. Bạn tôi đáp : Nữ-sỹ đã phê bình rất đúng, dân V.N. chúng tôi có thể nói là « Thi-sỹ ráo trời » Chỉ trừ mỗi bạn tôi thôi !

Thưa ông, kể ra cũng là một giai thoại thích thú đấy nhỉ. Nhân câu chuyện trên đây, tôi nảy óc tò mò : Yêu cầu ông cho biết bài thơ ấy đã đăng trong *PHỔ-THÔNG* số nào ?

● *Bài thơ ấy trong Phổ Thông số 19. Thành thật cảm ơn ông và bạn ông đã cho biết giai-thoại lý thú trên.*

* Yêu - cầu trích dịch một đoạn văn, hay một bài thơ.

(của cô Huỳnh-Liên-Hương, Lycée Yersin-Dalal)

... Chúng tôi đọc say-mê những bài liên-tiếp của ông về đời sống các danh-nhân. Những người đàn bà lừng-danh trong lịch-sử, v. v... Nhưng có điều này chúng tôi xin ông làm sao trích dịch được một đoạn văn, hay một bài thơ của các văn-nhân thi-sĩ ngoại-quốc mà ông nói đến. Như Thi-hào Ý, Gabriele d'Annunzio, chẳng hạn. Chúng tôi thường nghe nói đến d'Annunzio, nhưng lần này chúng tôi mới được đọc trong *Phổ-Thông* đời sống lý-thú của nhà Thi-sĩ ấy. Nếu ông dịch ra một đoạn thi-văn của người, thật là quý giá ! (Như ông đã dịch 2 chương đầu trong quyển *Docteur Jivago* của nhà văn Nga-Sô Pasternak, và các Thi-sĩ Nhật, Nam-Dương, v. v...)

* Vẽ lại hình cô Ánh.

(của hai cô Thùy-Hoa và Thùy-Tâm, Nguyễn-Huệ Saigon)

... Chúng em thích truyện « *Mồ-Hôi Nước Mắt* » lắm chị ơi. Thật cảm động, và hợp với hoàn-cảnh lắm. Nhưng xin chị nói khẽ với ông N. V. cho vẽ lại hình cô Ánh, cho Ánh đẹp hơn nữa và trẻ hơn nữa cơ. Thế nào chị (?) cũng cho vẽ lại cho Ánh giống với Ánh trong truyện nhé. Còn chuyện « *Minh ơi !* » chị viết nhiều nhiều thêm chút nữa nhé... Chị có chịu chúng em không ?



Tin buồn

Rất cảm động được tin Bà LÊ-THỊ-BẦY, hiền-thê của ông ĐỖ-VĂN-MỸ, Giám đốc Thú-y & Banmethuot, vừa thất lạc tại trại Khánh-Dương hồi 6 giờ sáng ngày 22-11-1960, chúng tôi xin kính lời phân-ưu cùng ông bạn, và cầu chúc Vong-Linh của quý Phu-nhân được phiêu-diêu Tiên-cảnh.

NGUYỄN-VỸ



★ BA-TÈO

(Xem P.T. từ số 1)

● Hà . Văn — Hội . An

- 2.902.— Gió đưa gió đẩy
bông trang,
Ai đưa ai đẩy duyên nàng tới
đây.
Tới đây thì ở lại đây,
Bao giờ bến rẽ, xanh cây hây về.
- 2.903.— Buồn tình cha chả
buồn tình,
Không ai đi Huế cho mình gửi
thơ.
Gửi thơ thì phải gửi lời,
Gửi thơ thơ lậu, gửi lời lời quên.
- 2.904.— Chim lạc bầy xa
cây mấn cột,
Người xa người tội lắm người
oi!
Chẳng thà không gặp thòt thòt,
Gặp nhau rồi lại đứng ngồi
không yên.
- 2.905.— Chiều chiều ông lão
đi câu
Bỏ ve, bỏ chén, bỏ bầu ai mang.
- 2.906.— Ai về nhắn với họ
nguồn,

4.000 NĂM CÁI ĐẠO

- Mắt non gửi xuống, cá chuồn gửi
lên.
2.907.— Trồng trầu thì phải
khai nương
Làm trát hai vợ phải thương cho
đồng.
2.908.— Gió đưa bụi chuốt
sau hè,
Anh ham vợ bé bỏ bè con thơ.
- 2.909.— Ngó lên rừng thấy
cặp cu đang đá,
Ngó về dưới biển thấy cặp cá
đang đua.
Bạn về lập miếu thờ vua,
Lập lăng thờ mẹ, lập chùa thờ
cha.
Chữ trung chữ hiếu chữ hòa,
Em dỗ anh ba chữ, thờ cha chữ
nào?
— Chữ trung anh đề thờ cha,
Chữ hiếu thờ mẹ, chữ hòa thờ
anh.
- 2.910.— Bồng em đi dạo vườn
đưa,
Đưa đà có trái, chị chưa có
chồng.
2.911.— Bồng em đi dạo vườn
cà,
Trái non bỏ mả, trái già làm
đưa,
2.912.— Chim chuyền bụi ớt
lưu lo,
Tình thương quân tử ốm o gầy
mòn.
2.913.— Một mảnh lo bầy lo
ba
Lo cau trỏ muộn lo già hết
duyên.
Còn duyên kẻ đón người đưa,
Hết duyên đi sớm về trưa một
mình.
2.914.— Bồng em mà bỏ vô
nôi
Cho mẹ đi chợ mua xôi ăn trầu.
Mua xôi chợ Quán chợ Cầu,
Mua cau Bát-nhị, mua trầu Hội-
an.
2.915.— Chim xanh ăn trái
xoài xanh,
Ăn no tắm mát đậu nành cây đa
Cực tấm lòng em phải nói ra,
Chờ trăng trắng xẻ, chờ hoa hoa
tàn.
(Còn nữa)



ĐÁP BẠN BỐN PHƯƠNG

* ĐIỀU-HUYỀN

* Bạn Nguyễn-thái-Bình, Phát Diệm, Saigon

- Quân-dân nhất-trí : Army and People are unanimous.
- Người phát-mình ra vệ-tinh nhân-tạo Mỹ là Von Braun (coi lại P.T. số 43.)

* Ông Long, KBC 4396

Bài của ông chúng tôi sẽ cho đăng. Thân mến.

* Ông Nguyễn-Tuấn-Khanh, 25 Nguyễn - Hoàng, Đà-Nẵng.

Xin cứ gửi bài đến, gửi thường, do Bru-điện. Nếu đăng được, sẽ xin trả lời sau.

* Ô. Ng-v-Kính, Phan.Thiết

- Chúng tôi không biết gì về "Hội gia-đình tiết-nghĩa"
- Về "toàn cõi Đông-Dương có mấy quốc lộ, mỗi quốc lộ dài bao nhiêu, từ đâu đến đâu, khởi năm nào, hoàn tất năm nào?", họa may có Bộ Công-chánh là biết rõ.

* Ô. Đ. T. Hoàn, Đà Nẵng.

- HỎI : Làm thế nào để xin được các tài-liệu biếu không của các hãng bên Pháp khi họ có chừa câu « Joindre 2 timbres pour frais d'envoi ».

ĐÁP BẠN BỐN PHƯƠNG

ĐÁP : Điều-kiện gửi 2 con tem như vậy, là riêng biệt ở mỗi nước. Mình là ngoại-quốc, có thể viết thư hỏi tài-liệu biếu không, không cần gửi tem, có lẽ họ cũng gửi cho.

- Về vấn-đề chuyển-ngân, bạn hỏi tại sở Hối-Đoái.

* Hai bạn Tôn nữ Mộng Hoàng và Văn Lăng, Cầu Hai, Phú Lộc.

Chúng tôi sẽ có những bài riêng nói về Verlaine, Modigliani, Hitler, Stendhal, v. ... Phạm vi của mục «Đáp bạn» chật hẹp, không thể nói hết được.

* Ô. Nguyễn táng Thanh, 22 Nguyễn trung Long, Mỹ-Tho.

Nguyễn-Nghiêm là anh họ, con ông bác của N. V. chứ không phải anh ruột.

* Bạn Nguyễn - Hữu - Dũng, Sinh viên khoa - học Saigon.

Cần phải ngủ được 8 tiếng đồng hồ mới điều-hòa sức khoẻ. Tắm 12 giờ khuya trước khi đi ngủ, không có hại gì cả.

* Cô Ngọc-Anh, Dian.

- Khoa-học không hề nói rằng những ngôi mộ lâu năm thường bị sét đánh.

● NĂM NHUẦN của DƯƠNG LỊCH là năm có 366 ngày thay vì 365 ngày. Nguyên do từ thời đại Hoàng đế CÉSAR của Đế-quốc Romain (La-mã) mỗi năm là 365 ngày. Nhưng vì quả Đất phải đề gần 365 ngày và 1/4 ngày (6 giờ) mới xoay đúng một vòng chung quanh mặt Trời, thành ra theo lịch Romain thì mỗi năm bị thiếu mất 6 giờ. César phải mời nhà Thiên văn học trứ-danh ở Alexandrie (Egypte) là SOSIGÈNE qua Rome để sửa lịch lại. Sosigène mới quyết định rằng cứ 3 năm liên tiếp mỗi năm 365 ngày rồi xen vào một năm 366 ngày. 1 NGÀY NHUẦN đó nên thêm vào tháng FÉVRIER. Thành thử cứ 3 năm liên tiếp tháng Février có

28 ngày, phải xen vào 1 năm tháng Février có 29 ngày. Năm đó gọi là năm nhuận (Année bissextile). Những năm nào mà dãy số đều chia được cho số 4, đều là năm nhuận, như: 1948, 1952, 1956, 1960, 1964, v.v..

Quyết định rất khoa-học từ đời vua César vẫn áp dụng cho đến ngày nay.

● **NĂM NHUẦN** của **ÂM LỊCH** theo lịch Tàu từ xưa. Cũng rất khoa-học, và hợp với Thiên-văn, vì âm lịch tính một năm là 12 **TRĂNG** (Nguyệt) tức là 12 tháng. Có tháng thiếu (Tiểu), 29 ngày, và tháng đủ (Đại), 30 ngày. Cộng lại mỗi năm có 354 hoặc 355 ngày, tùy theo thời-tiết hợp với cuộc luân chuyển của Mặt-Trăng chung quanh Mặt Trời. Đó là những **NĂM THƯỜNG**. Nhưng tính theo vậy, thì lâu lâu phải xen vào một năm 13 Trăng (13 THÁNG), tức 383 hoặc 384 ngày, để hợp với cuộc tuần-hoàn của Mặt Trăng chung quanh mặt trời. Đó là những **NĂM NHUẦN**.

● Câu « Dis-moi qui tu hantes... » là tục-ngữ, không có tác-giả.

★ **Ô. Lê-tân-Thuyết, 18 Cư-xá Thương Cảng, II Tự-Đức Đà-Nẵng**

Tiếng Trà-Kiếp, là do tiếng Chàm (Trà = Jaya), cũng như: Trà-khúc, Trà-Câu, Trà-Bồng, v.v..

★ **Ô. Ng.v-Minh, giáo-sư, 15 Hẻm Thủ-khoa-Huân Mỹtho.**

Ông muốn đi du-lịch sang Nhật trong 3 tháng hè, thì phải đến hỏi các chỉ-dẫn tại bộ Nội-vụ.

★ **Ô. Phạm-văn-Như, 305 Nguyễn-tiểu-La, Chợ Lớn**

● Phụng cầu kỳ Hoàng là khúc đờn của Tư - Mã Trương - Như शेợ nàng Trác-văn-Quân.

● Thi-sĩ **TÔ-ĐÔNG-PHA**, tên thật là Tô-Thức, đời nhà Tống (1036-1101), quê ở Mi-Son (nay là Tứ-Xuyên), con của Tô-Lão-Toàn, anh của Tô-Triệt và Tô-Tiểu-Muội, cả ba đều có tài văn-học. Năm 20 tuổi thì đỗ Tiến-sĩ. Đời vua Thần-Tôn (1068-1085) Vương-an-Thạch

lên nắm chánh quyền, độc-tài, cấm không ai được chỉ-trích, Tô-Thức làm bài công-kích chính-trị họ Vương nên bị cách chức và bị đày ra Hoàng-Châu. Tại đây ông làm nhà ở Đông-pha (sườn núi hướng Đông), và lấy luôn bút hiệu là *Đông - Pha cư-sĩ*. Năm 1086, vua Tiết-Tôn lên ngôi, mời ông trở về kinh, làm Binh-bộ Thượng-thư. Bị bọn xiêm-nịnh ghét ông, vu-cáo ông, nên năm 1089 ông bị giáng làm tri-châu ở Hàng-Châu. Lúc ở Đông-pha, ông thường ôm bầu rượu đi dạo chơi, vừa đi, vừa uống, ngâm câu: « Tích-nhật phú-quý, nhất tràng xuân mộng ». 65 tuổi, ông chết tại Hàng-Châu.

★ **Bà Hàn-Ngọc-Anh, Quảng-Trị.**

Ông bà đã lập hôn-thú chính-thức và có giấy khai-sinh cho cháu, thì dĩ-nhiên là được hưởng lương phụ-cấp. Còn trường-hợp « đã lỡ yêu trước », v. v.. không thành vấn đề nữa.

★ **Ô. Đường Hộì — QUẢNG-TRỊ**

● Xin ông xem lại bài « vấn đề phiên âm danh-từ ngoại ngữ » của chúng tôi, trong P.T. số 44.

● Hai chữ *Ciel* (trời) và *Terre* (đất) không phải do người Pháp đọc sai hai chữ Tàu « Thiên » và « Địa ». *Ciel* là do latin *Caelum*, (người Tàu đọc chữ *Thiên* là *Tian*) *Terre* do latin *terra* (Người Tàu đọc chữ *Địa* là *di*).

● Cái nạo lưỡi = *une racloire* — a scraper for tongue.

★ **Bạn Hải — Hòa thành — QUẢNG-LONG**

● « Trên bực trong dâu » là dịch theo câu chữ Hán « *Bộc thượng tang gian* ». Diễn tích: con gái nước Vệ và con trai nước Trịnh, đời Xuân-Thu hay hẹn hò nhau ra bờ sông Bộc (ở Sơn-Động) và ruộng dâu gần đó để tình-tự, làm chuyện dâm-ô. 2 câu thơ trong Kiều:

« Ra tường trên Bộc trong dâu,

Thì con người ấy ai cầu mà chi ».

● « *Giá áo tút com* »; theo câu chữ Hán « *Y-giá phạn-nang* » là cái giá để máng áo và cái dây dựng com.

Kiều: « *Phong-trần mài một lượt grom,*

Những phường giá-áo tút cơm sá gì

là những kẻ vô tích-sự, không lợi-ích gì cho quốc-gia, xã-hội. chỉ lo diện áo quần và ăn chơi.

✱ **Ô. Nguyễn - Ngọc - Thặng, Chánh - tổng Minh. Quới - Mỗ-Cày.**

Thơ làm hay họa, là một thú tao-nhã, không có tiền nhuận-bút. Chúng tôi sẵn sàng hoan-nghênh các bài thơ bất cứ về loại cổ-thi nào.

✱ **Ô. N. V. H. Hội-An.**

● **THỦ-TỤC DẪN-ĐỘ**, là thủ-tục theo đó một chính-phủ yêu-cầu một quốc-gia khác trả lại cho mình một tội-nhân trốn qua bên xứ họ. (Extradition. Tiếng Anglais cũng Extradition) Theo luật Quốc-tế, (Đạo-luật 10-3-1927), có xác-định chế-độ giam-giữ đề-phòng (détention préventive) các tội-nhân của một nước khác trốn qua nước mình, và các quy-chế dự-thầm và biện-hộ. Khi tòa Thượng-Thẩm không chấp thuận dẫn-độ, thì chính-phủ không thể dẫn-độ được. Nhưng nếu tòa chấp-thuận dẫn-độ, thì chính - phủ vẫn có quyền cho dẫn-độ hay không cho. Trong trường-hợp Tòa Thượng-thẩm và chính-phủ đều ưng thuận cho dẫn-độ, và tin cho chính-phủ của quốc-gia kêu-nài được biết, (chính-phủ của quê-quán tội-nhân) mà trong thời-hạn một tháng, nếu chính-phủ này không bắt được tội-nhân về xứ, thì án-lệnh dẫn-độ kia sẽ đương-nhiên bị hủy bỏ. Tội-nhân sẽ được trả lại tự-do hoàn-toàn. Chính-phủ quốc-gia kêu-nài (Gouvernement requérant) sẽ không thể yêu cầu dẫn-độ lần thứ hai được nữa.

Trong trường-hợp hai quốc-gia hợp-tác chặt-chế với nhau đề tiêu trừ gian - nhân, hoặc phiến - loạn có hại chung cho cả hai xứ, thì đó là việc khác.

● Cụ PHAN - BỘI - CHÂU bị bắt ở bên Tàu, không phải là vì chính phủ thuộc-địa Đông dương kêu nài chính-phủ Trung-Hoa dẫn-độ. Toàn-quyền Đông Dương ở Hà-Nội có kêu-nài chính-phủ Nam-Kinh dẫn-độ cụ Phan-Bội-Châu nhưng chính-phủ Trung-Hoa không chấp-thuận. Người Pháp mới lập mưu-kế để bắt cụ Phan tại tô-giới Pháp ở Thượng Hải.

✱ **Ô. Bá-Nam, 36 Cử-Trị, Châu-Đốc.**

Tam-Nguyên Yên-Đỗ = Cụ Nguyễn-Khuyến, ở làng Yên-Đỗ, và đã thi đậu 3 cấp bằng một lượt: *Giải-Nguyên, Hội-Nguyên, Đình-Nguyên.*

✱ **Bạn Trần-Văn, Dalat.**

Bạn hỏi ngay nơi Ty Tiều-học Dalat.

✱ **Bạn Trần-Anh, xã Kỳ-Lý, Tam-Kỳ, Q. Nam.**

● Địa-chỉ Hiệu sách Khai - Trí = 62 Đại-lộ Lê-Lợi Saigon.

● Muốn xin cho cháu ông làm Thiếu-sinh-quân, ông hỏi ngay điều kiện tại trường Thiếu-sinh-quân. Quy-chế gia-nhập hiện đang được mở rộng.

TRẢ LỜI NGÀY THÁNG ÂM VÀ DƯƠNG LỊCH

✱ **Ông Nguyễn văn Ẩn - Pleiku**

Ngày 10-1-1936 là ngày 16 tháng 12 âm-lịch năm Ất-Hợi, tháng Kỷ Sửu, ngày Tân Mão.

✱ **Một độc giả ở Dalat.**

— Ngày rằm tháng 8 âm lịch năm Tân Tỵ nhằm ngày Chúa nhật 5 - 10 - 1941. Ngày 17 tháng 8 năm Dậu = Dimanche 22 - 9 - 1945.

— Ngày 17 - 6 - 1938 là ngày 20 tháng 5 âm lịch năm Mậu Dần, tháng Mậu Ngũ, ngày Canh Thìn.

— Ngày 12-2-1937 nhằm ngày 29 tháng Chạp âm lịch năm Bính Tý, tháng Tân Sửu, ngày Mậu Thìn.

— Ngày 17-7-44 D.L = 27 tháng 5 âm lịch năm Giáp Thân tháng Canh Ngũ, ngày Nhâm Ngũ.

✱ **Cô Lê thị Hoàng Cầm - Huế**

Ngày mồng 5 tháng 9 âm lịch năm Giáp Tuất là ngày Thứ Sáu 12-10-1934 D.L.

★ Ông Lê văn Nghiêm — Huế

— Ngày 18-11 âm lịch năm Mậu Dần = Dimanche 8-1-1939.
— Ngày 1-9 âm lịch năm Nhâm Thân = Vendredi 30-9-1932

★ Ông Văn Dong — Qui Nhơn.

— 21-6 âm lịch năm Mậu Thìn = Lundi 6-8-1928 DL.
— 19-11 — — — Tân Vị = Dimanche 27-12-1931.
— 1-2 — Bính-tý = Vendredi 24-1-1936
— 29-7 nhuận — Mậu Dần = Jeudi 22-9-1938.

* Em Cảnh Hùng — HUẾ

Ngày mồng 3 tháng 8 âm lịch năm Ất Dậu = Samedi 8-9-1945.

* Bạn Phú Lâm — ĐALAT

— 24-7-1929 là ngày 18 tháng 6 âm lịch năm Kỷ Tỵ, tháng Tân Vị, ngày Canh Ngọ.

— 3-5-1935 là ngày 10 tháng 2 âm lịch năm Bính Tý, tháng Tân-Mão, ngày Giáp Thân.

— 5-10 âm lịch năm Quý Dậu = Mercredi 22-11-1933

— 3-5 — nt — Ất Hợi = Lundi 3-6-1935

— 28-8 — nt — Quý Tỵ = Mardi 1-9-1953

(Nếu là năm Kỷ Tỵ thì lại nhằm ngày Chúa nhật 28-8-1929).

★ Cô Hồ trại Ngân — Nữ sinh TRÀ ÔN

Ngày 15-2-1945 là ngày mồng 3 tháng Giêng âm lịch năm Ất Dậu, tháng Mậu Dần, ngày Ất Mão.

★ Bạn Lê thiếu Sơn — học sinh — PHÚ NHUẬN

Ngày 8-5-1943 là ngày mồng 5 tháng 4 âm lịch năm Quý Vị, tháng Bính Thìn, ngày Bính Dần.

☆ Bạn Bùi thanh Nga — BA XUYÊN

Ngày 7 tháng 5 âm lịch năm Đinh Sửu = Mardi 15-6-1937

★ Bà TH-L — Phan Rang.

— Ngày 14-8-1912 nhằm ngày mồng 2 tháng 7 âm-lịch năm Nhâm Tý, tháng Mậu thân, ngày Tân Dậu.

— Ngày 15-10-1934 là ngày mồng 8 tháng 9 âm lịch năm Giáp Tuất, tháng Giáp Tuất, ngày Kỷ-Vị.

KINH-LÝ VĂN PHÒNG

110, đại lộ Nguyễn-Huệ, SAIGON

Điện thoại : 23.187



PHẠM - VĂN - LẠNG

Giám-Định Trắc-địa-sư
Géomètre — Expert

373, Phan-thanh-Giản — SAIGON

THƯ LÂM AN THƯ QUÁN

231-233 Phạm Ngũ-Lão — Saigon

Điện thoại . 20.447

Số thương mại : Saigon số 640A

Trương mục kho bạc

Saigon số 9.657

Số Quốc-Gia Danh-Bộ

25 | 129 | 54 | 001

★ In sách báo, các loại sổ sách, giấy tờ, văn phòng bằng Việt, Pháp, Anh, Hoa ngữ.

★ In lịch treo — lịch bỏ túi — nhãn hiệu — bao hộp — đóng sách đẹp.

★ Cung cấp dài hạn ấn phẩm, dụng cụ văn phòng cho công sở, tư sở tại Saigon và các tỉnh.

★ Có xưởng máy cung cấp các thứ phù hiệu, cờ, cho các hiện đoàn, nhãn cổ áo (étiquettes) lớn, nhỏ, đủ loại, đủ cỡ. Màu đẹp, bền, không phai.

Thư từ, ngân phiếu xin đề :

THƯ LÂM AN THƯ QUÁN

Asphélyne



Đặc biệt trị:
SUYỄN

*Không thua gì
thuốc ngoại quốc*

PHARMACIE
KIM-QUAN
SỐ 1 CHỢ BẾN THÀNH
SAIGON

PHỒ - THÔNG SỐ 49

ĐẶC - BIỆT

CHÀO MỪNG



K. D. số 633/HĐKD — Saigon, ngày 8-12-1960
In tại nhà in TẤN-PHÁT — 283 Giò-Long — Saigon
Quản nhiệm : NGUYỄN-VỸ